



2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

Designed & Produced by **investar** - 0918 843 299

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

[📍] : Lầu 7 GAS TOWER, số 61B đường 30/4,
Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
[☎] : (84.64) 3574 635 - (84.64) 3574 801 - (84.64) 3576 551
[📠] : (84.64) 3574 619

[🌐] : www.cng-vietnam.com

PHÁT TRIỂN thị trường
đón đầu **CƠ HỘI** mới

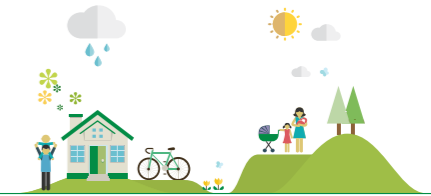


abc DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

ATCLMT	: An toàn – Chất lượng – Môi trường
Ban TGD/TGD	: Ban Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc
BKS	: Ban Kiểm soát
CBCNV	: Cán bộ Công nhân viên
CNG	: Khí nén thiên nhiên (Compressed Natural Gas)
CNG Việt Nam/Công ty	: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam
ĐHCĐ/ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
ISO	: Tiêu chuẩn ISO
KCN	: Khu Công nghiệp
LNG	: Khí thiên nhiên hóa lỏng (Liquefied Natural Gas)
LPG	: Khí hóa lỏng (Liquefied Petroleum Gas)
OHSAS	: Tiêu chuẩn Sức khỏe Nghề nghiệp và An toàn
PRU	: Trạm giảm áp (Pressure Reducing Unit)
PVGas	: Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP
PVGas-D	: Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
PVGas North	: Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc
PVGas South	: Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam
PVN	: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam)
TUŁĐTT	: Thỏa ước Lao động Tập thể.



NỘI DUNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015



05 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

06 GIỚI THIỆU DOANH NGHIỆP

- 08 Tổng quan về CNG Việt Nam
- 09 Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 10 Chặng đường phát triển
- 12 Ngành nghề kinh doanh
- 13 Những thành tựu phát triển
- 14 Cơ cấu cổ đông và Quá trình tăng vốn điều lệ
- 15 Giới thiệu khí nén CNG
- 16 Cơ sở vật chất kỹ thuật
- 18 Quy trình sản xuất và phân phối khí CNG
- 20 Vị thế và Sức mạnh cạnh tranh cốt lõi
- 23 Tổ chức và Bộ máy nhân sự

32 TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ PHÂN TÍCH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 35 Chỉ tiêu tài chính cơ bản
- 36 Bối cảnh hoạt động kinh doanh
- 37 Những khó khăn và thuận lợi đối với CNG Việt Nam
- 38 Những giải pháp điều hành nổi bật năm 2015
- 39 Thành quả kinh doanh đạt được trong năm 2015
- 42 Phân tích tình hình tài chính
- 50 Triển vọng thị trường năm 2016 và chiến lược kinh doanh
- 55 Vị thế cạnh tranh qua phân tích Mô hình Five Forces
- 56 Định hướng chiến lược kinh doanh năm 2016
- 58 Kế hoạch cụ thể cho năm 2016

60 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 62 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty
- 64 Kế hoạch, Định hướng của HĐQT
- 66 Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát
- 70 Quản trị rủi ro

80 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 82 Thông tin chung
- 83 Thông điệp từ Công ty Cổ phần CNG Việt Nam
- 85 Quản trị vì mục đích phát triển bền vững
- 87 Các bên liên quan quan trọng
- 88 Thiết lập quan hệ bền vững với các bên liên quan
- 90 Kỳ vọng của các bên liên quan và lĩnh vực trọng yếu
- 93 Triết lý về An toàn – Chất lượng – Môi trường của CNG Việt Nam
- 93 Xây dựng và Áp dụng Hệ thống quản lý ATCLMT
- 94 An toàn trong sản xuất – kinh doanh
- 98 Hoạt động vì môi trường
- 102 Nguồn nhân lực của CNG Việt Nam
- 112 Hoạt động hỗ trợ cộng đồng

116 BÁO CÁO TÀI CHÍNH (KIỂM TOÁN)

- 118 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 120 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 122 Bảng cân đối kế toán
- 124 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 125 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 126 Thuyết minh báo cáo tài chính

148 PHỤ LỤC

- 148 Phụ lục 1: Tham chiếu đến nội dung Thông tư 155/2015/TT-BTC
- 150 Phụ lục 2: Tham chiếu đến nội dung Tiêu chuẩn GRI (G4)



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý vị,

Năm 2015 tiếp tục là một năm khó khăn đối với hoạt động của ngành Dầu khí nói chung và của CNG Việt Nam nói riêng. Trong bối cảnh kinh doanh diễn biến phức tạp, Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động tích cực triển khai đồng loạt các giải pháp để vượt qua thử thách và phát huy nội lực, tận dụng các cơ hội của thị trường. Các giải pháp kinh doanh được đặc biệt chú trọng, như: Tập trung đầu tư phát triển thị trường miền Bắc; Phát triển mô hình cấp khí qua trạm trung tâm; Thi điểm cấp khí cho phương tiện giao thông vận tải (xe buýt); Thay đổi cơ chế tính giá bán khí (đảm phán hàng tháng) để hài hòa lợi ích với khách hàng, hạn chế rủi ro biến động giá; Chăm sóc, hỗ trợ khách hàng cũ đồng thời tích cực tìm kiếm khách hàng mới ở cả khu vực phía Nam lẫn phía Bắc.

Đồng thời cũng kết hợp đồng bộ các giải pháp khác như: Đối với sản xuất, tiếp tục thực hiện tốt các quy trình, đầu tư, bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị, đảm bảo hoạt động an toàn, ổn định; Đối với tài chính, tích cực chủ động thu xếp nguồn vốn đầu tư, kiểm soát chi phí, thu hồi công nợ; Đối với tổ chức, thành lập chi nhánh miền Bắc và bổ nhiệm nhân sự phụ trách, tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ...

Nhờ vậy, dù phải đối mặt với sự giảm giá mạnh trên thị trường dầu khí, áp lực cạnh tranh gia tăng, nhưng CNG Việt Nam đã vượt qua khó khăn và thử thách để hoàn thành xuất sắc mục tiêu lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông giao phó, đem lại những giá trị cao nhất cho cổ đông, khách hàng và xã hội, khẳng định vị thế của CNG Việt Nam trên thị trường.

Kết thúc năm 2015, Công ty đã đón nhận thêm 5 khách hàng mới, góp phần giúp sản lượng tiêu thụ đạt 94,3 triệu Sm³, tăng mạnh 26,4% so với năm 2014 và hoàn thành 111% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt gần 119 tỷ đồng, hoàn thành 108% kế hoạch; tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 28,6% tăng cao so với con số 26,3% của năm 2014.

CNG Việt Nam tiếp tục duy trì mức chi trả cổ tức cao với tỷ lệ 30% trên vốn điều lệ để đảm bảo lợi ích của cổ đông, và cam kết phúc lợi cho người lao động liên tục được cải thiện.

Các con số ấn tượng trong năm 2015 đánh dấu sự thành công của chiến lược mở rộng thị trường ra khu vực phía Bắc và tiếp tục phát triển thị trường phía Nam của Công ty. Bên cạnh những giải pháp kinh doanh hợp lý thì sự nỗ lực, đồng lòng của toàn thể Ban lãnh đạo, CBCNV và sự chỉ đạo sát sao của PVGas, PVGas South, sự ủng hộ nhiệt tình của các đối tác, cơ quan quản lý... đã góp phần quan trọng cho những thành công đạt được.

94,3 triệu Sm³
SẢN LƯỢNG CNG TIÊU THỤ
↑ 26,4% SO VỚI NĂM 2014

Phân tích cho thấy năm 2016 vẫn sẽ tiếp tục phải đối diện với nhiều thử thách. Giá dầu đang tiếp tục sụt giảm do nguồn cung dư thừa, tăng trưởng kinh tế thế giới chưa hồi phục. Nhu cầu tiêu thụ khí của khách hàng, đặc biệt là nhóm sản xuất vật liệu xây dựng sẽ khó khăn do triển vọng thị trường Bất động sản năm 2016 khó tiếp tục khả quan như vừa qua. Ngoài ra, sự cạnh tranh từ các nguồn nhiên liệu thay thế như biomass, than sẽ tiếp tục tăng cao vì giá rẻ và ý thức sử dụng nhiên liệu sạch chưa cao.

Nhưng CNG Việt Nam vẫn đang đứng trước nhiều cơ hội lớn, như: Hưởng lợi từ làn sóng đầu tư đón đầu các Hiệp định thương mại tự do (FTA); Thị trường tiềm năng nhờ mức độ tập trung cao của sản xuất công nghiệp tại các khu vực Công ty đang kinh doanh; Tiềm năng rất lớn từ lĩnh vực giao thông vận tải; và Thị trường LNG có nhiều cơ hội chưa khai thác.

Ban lãnh đạo Công ty đã phân tích các cơ hội này, đồng thời nhận thức rõ vị thế cạnh tranh của CNG Việt Nam trên thị trường, để từ đó đưa ra các giải pháp ngắn hạn và dài hạn để tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được trong giai đoạn vừa qua, như được trình bày chi tiết trong Báo cáo Thường niên (BCTN) này.

BCTN năm 2015 với chủ đề “**Phát triển thị trường – Đón đầu cơ hội mới**” thể hiện hướng đi thành công trong năm qua và chiến lược kinh doanh tiếp tục triển khai trong thời gian tới của Công ty. Đây cũng là năm thứ hai CNG Việt Nam tích hợp Báo cáo Phát triển Bền vững vào nội dung BCTN với những đánh giá cụ thể. Ban lãnh đạo Công ty nhất quán quan điểm minh bạch, công khai trong quản trị, phân tích đầy đủ các mặt được và chưa được về các khía cạnh Kinh tế – Xã hội – Môi trường, để từ đó không ngừng cải thiện, giúp Công ty phát triển bền vững. “**Phát triển bền vững cùng cộng đồng xã hội và thân thiện với môi trường**” là giá trị cốt lõi của CNG Việt Nam và chúng tôi đã không ngừng phấn đấu trong suốt 8 năm hình thành và phát triển của mình.

Thay mặt Hội đồng Quản trị cùng toàn thể CBCNV, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và hỗ trợ của Quý vị cổ đông, đối tác, cơ quan quản lý... trên hành trình chinh phục các mục tiêu và giá trị của CNG Việt Nam trong thời gian qua.

Xin gửi đến Quý vị và gia đình lời chúc sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Trân trọng kính chào,

Vũ Tuấn Ngọc
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

KHỞI NGUỒN TIÊN PHONG MANG NGUỒN NĂNG LƯỢNG SẠCH

CNG Việt Nam là công ty khởi nguồn tiên phong trong sản xuất, phân phối CNG tại Việt Nam, mang giải pháp nhiên liệu tiên tiến, đem NGUỒN NĂNG LƯỢNG SẠCH đến mọi nơi - giúp doanh nghiệp giảm chi phí, gia tăng hiệu quả vận hành máy móc, góp phần bảo vệ môi trường và an ninh năng lượng phục vụ nền kinh tế.





Tên giao dịch : Công ty Cổ phần CNG Việt Nam
 Tên tiếng Anh : CNG Vietnam Joint Stock Company
 Tên viết tắt : CNG VIETNAM
 Mã cổ phiếu : **CNG**
 Logo Công ty



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 492032000040 (đăng ký lần đầu ngày 28/05/ 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21/4/2014 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp)

Vốn điều lệ : **270.000.000.000** đồng (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng)
 Địa chỉ đăng ký : Đường số 15 - KCN Phú Mỹ 1 - Huyện Tân Thành - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
 Địa chỉ giao dịch : Tầng 7, Tòa nhà Gas Tower số 61B đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu.
 Số điện thoại : 064 3574 635
 Số fax : 064 3574 619
 Website : www.cng-vietnam.com



TẦM NHÌN

Xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần CNG Việt Nam bền vững, trở thành Nhà cung cấp CNG, LNG hàng đầu tại Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ và dẫn đầu về thị phần CNG, LNG trên thị trường



SỨ MỆNH

Tạo dựng niềm tin cho khách hàng trong việc sử dụng nhiên liệu CNG, LNG sạch, an toàn, hiệu quả. Từ đó, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, mang lại giá trị bền vững cho khách hàng, cổ đông, người lao động và xã hội.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chất lượng sản phẩm và dịch vụ là ưu tiên hàng đầu của CNG Việt Nam. CNG Việt Nam luôn đề cao tinh thần trách nhiệm đối với con người, môi trường và xã hội. An toàn trong lao động, sản xuất là nền tảng cho sự phát triển của Công ty.





CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

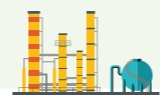
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được thành lập ngày 28/5/2007 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040.

2007



CNG Việt Nam tăng vốn điều lệ lên 67.200.000.000 với sự tham gia góp vốn thêm của các cổ đông: Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas), Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp (PVGas D).

2008



Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG Việt Nam đặt tại KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu m³ khí/năm đã đi vào vận hành từ ngày 03/09/2008.

70 triệu Sm³
NĂNG CÔNG SUẤT NHÀ MÁY CNG PHÚ MỸ

Tổng Công ty Khí Việt Nam chuyển nhượng toàn bộ phần vốn tại CNG Việt Nam sang Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam - PVGas South. CNG Việt Nam đầu tư nâng công suất Nhà máy CNG Phú Mỹ lên 70 triệu Sm³.

2009



70%
CỐ TỨC TRÊN VỐN ĐIỀU LỆ

Từ tháng 03/2011, tổng công suất thiết kế của CNG Việt Nam chính thức đạt 70 triệu Sm³, cung cấp khí cho 21 khách hàng tại các khu vực Nhơn Trạch, Bình Dương, TP.HCM, Long An.

2011

Ngày 23/11/2011, cổ phiếu Công ty CNG Việt Nam chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) với số lượng **20.312.038** cổ phiếu, mã chứng khoán là CNG.

125 TỶ VNĐ
VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI PHÁT HÀNH THÊM CỔ PHẦN

CNG Việt Nam đã phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ lên 125 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu, cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược ngày 02/04/2010.

2010



CNG Việt Nam đã xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống quản lý **An toàn - Chất lượng - Môi trường** theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008 và ISO 1400:2004 được BSI (Viện Tiêu chuẩn Anh) đánh giá, công nhận và cấp chứng chỉ vào ngày 22/07/2010.

VỐN ĐIỀU LỆ BAN ĐẦU **19,2** TỶ VNĐ

Góp vốn của các cổ đông sáng lập:

- ★ Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC): 51% vốn điều lệ;
- ★ Công ty IEV Energy Sdn. Bhd. (Malaysia): 42% vốn điều lệ; và
- ★ Công ty TNHH Sơn Anh: 7% vốn điều lệ.



2012

40%
CỐ TỨC TRÊN VỐN ĐIỀU LỆ

213,28 TỶ VNĐ
VỐN ĐIỀU LỆ TĂNG 5% SAU KHI PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO ESOP 2011

270 TỶ VNĐ
VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

Ngày 25/9/2013, CNG Việt Nam phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 270 tỷ đồng.

2013

Năm 2013, CNG Việt Nam trả cổ tức tiền mặt tổng cộng với tỷ lệ 35% trên Vốn điều lệ.

Ngày 08/07/2014, CNG Việt Nam phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh Công ty tại miền Bắc.

TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM
CHI NHÁNH MIỀN BẮC
CNG NORTH

2014

94,3 triệu Sm³
+26,4% SO VỚI NĂM 2014

Năm 2015, đánh dấu sự thành công của CNG Việt Nam trong chiến lược mở rộng thị trường tại khu vực phía Bắc. Theo đó, CNG Việt Nam đã chính thức cấp khí tại khu vực này, giúp nâng tổng lượng khí CNG Việt Nam cung cấp cho khách hàng đạt mốc gần 94,3 triệu Sm³, tăng trưởng mạnh 26,4% so với năm 2014.

2015

Ngoài ra, tháng 4/2015, Trạm cấp khí trung tâm tại KCN Mỹ Phước 3 (Bình Dương) chính thức đi vào hoạt động và cung cấp CNG cho các khách hàng trong KCN này. Đây là một phần trong kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh và phát triển mô hình cấp khí qua trạm trung tâm của CNG Việt Nam.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Lĩnh vực hoạt động



Sản xuất và chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG.



Cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG.



Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG, LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật.



Cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí.



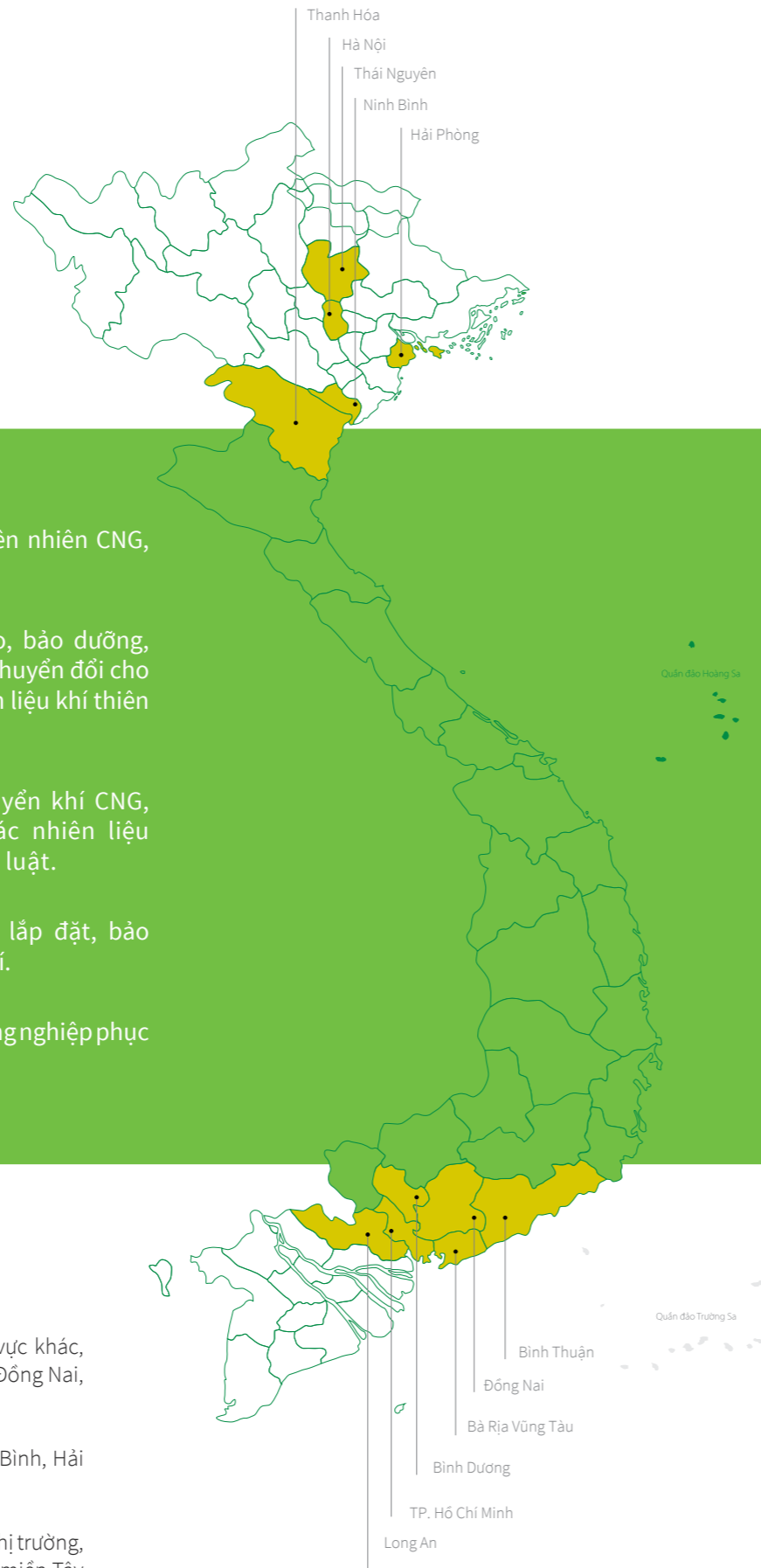
Mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.

Địa bàn kinh doanh

Khu vực miền Đông Nam Bộ và các khu vực khác, bao gồm: Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, TP.HCM, Long An, Bình Thuận.

Khu vực phía Bắc bao gồm: Hà Nội, Ninh Bình, Hải Phòng, Thái Nguyên, Thanh Hóa.

Công ty đang tiếp tục nghiên cứu mở rộng thị trường, địa bàn hoạt động kinh doanh ra các tỉnh miền Tây Nam bộ, khu vực phía Bắc và các khu vực khác theo chiến lược của Công ty.



NHỮNG THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG 3



Bằng khen Thủ tướng Chính phủ.
Bằng khen Đơn vị thi đua xuất sắc.
Bằng khen Bộ Công Thương.
Bằng khen của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam năm 2010 - 2014.



Chứng chỉ Hệ thống Quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường (do BSI cấp năm 2010).



Doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2012.



Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2013.



TOP 50 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2011 - 2012.

TOP 20 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2013.

TOP 15 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2014.

Khách hàng tiêu biểu

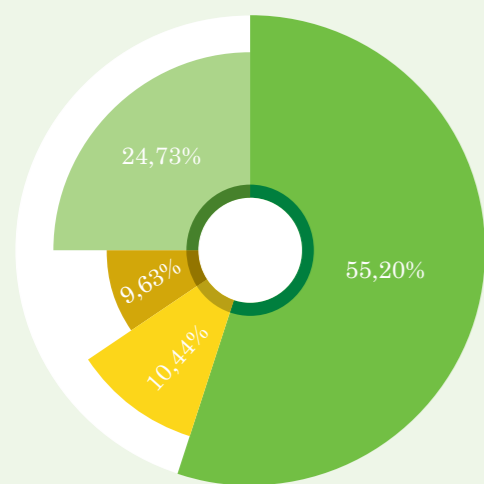




CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Cổ phần

Tổng số cổ phần : 27.000.000 cp
 Loại cổ phần : Cổ phiếu phổ thông
 Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng : Không
 Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 27.000.000 cp



Tên cổ đông	Tỷ lệ (%)
PVGas South	55,2
Utilico Emerging Markets Limited	10,44
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	9,63
Khác	24,73

Quá trình tăng vốn điều lệ

Năm	Vốn điều lệ ban đầu (Tỷ VNĐ)	Vốn điều lệ tăng thêm (Tỷ VNĐ)	Vốn điều lệ lũy kế (Tỷ VNĐ)	Hình thức tăng vốn
2007	19,2		19,2	
2008	19,2	48	67,2	Phát hành thêm
2010	67,2	57,8	125	Phát hành cho cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược
2011	125	37,5	162,5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2011	162,5	40,6	203,1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu
2012	203,1	10,2	213,3	ESOP cho Cán bộ Công nhân viên
2013	213,3	56,7	270,0	ESOP cho Cán bộ Công nhân viên và thưởng cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Tổng vốn điều lệ đến 31/12/2015 là 270.000.000.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty hiện đang nắm giữ 327 cổ phiếu quỹ, chiếm tỷ lệ 0,001%.

Trong năm, Công ty không có giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ.

Cơ cấu cổ đông

Phân loại theo cổ đông trong nước và nước ngoài

Chi tiêu	Trong nước (cổ phần)	Nước ngoài (cổ phần)	Tổng (cổ phần)
Cá nhân	4.712.565	201.366	4.913.931
Tổ chức	15.729.979	6.356.090	22.086.069
Tổng	20.442.544	6.557.456	27.000.000

Phân loại theo cổ đông lớn (từ 5% trở lên)

Tên cổ đông	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần (cổ phần)
CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (PVGas South)	55,2	14.904.263
Utilico Emerging Markets Limited	10,44	2.820.000
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	9,63	2.600.940
Tổng	75,27	20.235.203

Phân loại theo cổ đông nhỏ (dưới 5%):

Tên cổ đông	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần (cổ phần)
Khác	24,73	6.764.797
Tổng	24,73	6.764.797

GIỚI THIỆU KHÍ NÉN CNG



CNG là gì?

(Compressed Natural Gas)

CNG (Compressed Natural Gas) là khí nén thiên nhiên được khai thác từ các mỏ khí tự nhiên...

... hay là khí đồng hành trong quá trình khai thác dầu mỏ, qua thiết bị làm sạch để loại bỏ các tạp chất và các cấu tử nặng, vận chuyển bằng đường ống tới nhà máy nén khí. Khí thiên nhiên được nén tới áp suất 200 – 250 bars, ở nhiệt độ môi trường để giảm thể tích bồn chứa, tăng hiệu suất và giảm chi phí vận chuyển bằng các phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy.

Tại nơi tiêu thụ, CNG được gia

nhật và giảm áp qua cụm thiết bị PRU (Pressure Reducing Unit), tới áp suất yêu cầu của khách hàng (thường là 3 bar).

Thành phần khí CNG chủ yếu là CH₄ (84%), C₂H₆ (12%), khí cháy sinh ra ít khí CO₂, giúp môi trường sạch hơn, không gây hiệu ứng nhà kính. Trong tương lai, đây sẽ là nhiên liệu thay thế cho các loại nhiên liệu như xăng, dầu... vì là loại nhiên liệu được khai thác muộn hơn so với dầu thô, trữ lượng hiện tại còn nhiều.

Lợi ích KINH TẾ & MÔI TRƯỜNG khi sử dụng CNG



Tiết kiệm chi phí nhiên liệu do giá rẻ hơn các loại nhiên liệu khác, góp phần giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp.



Giảm chi phí bảo dưỡng máy móc thiết bị so với việc sử dụng dầu DO, FO, than đá.



Nhiên liệu sạch, không phát sinh những chất độc hại gây ô nhiễm môi trường khi cháy như CO₂, SO_x, NO_x.



Hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao, kéo dài tuổi thọ thiết bị so với các loại nhiên liệu khác đang sử dụng phổ biến hiện nay như dầu DO, FO, than đá....



An toàn do sử dụng thiết bị chất lượng cao, phù hợp với các tiêu chuẩn của Mỹ và Châu Âu, áp dụng quy trình quản lý và vận hành nghiêm ngặt. Ngoài ra, CNG nhẹ hơn không khí nên nhanh chóng bốc lên cao khi bị rò rỉ, hạn chế tối đa nguy cơ cháy, nổ do sự tích tụ khí.





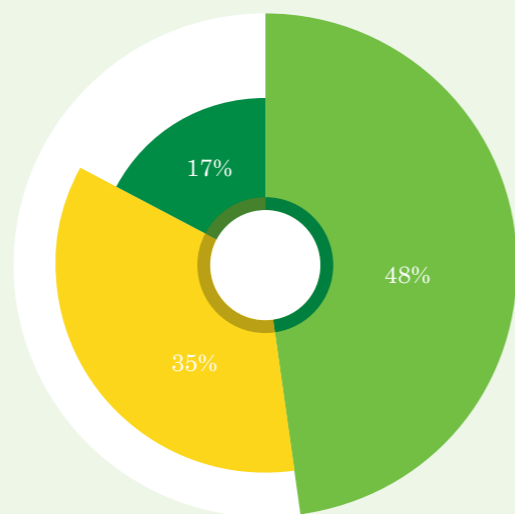
CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT

Tóm tắt nội dung

CNG Việt Nam là công ty tiên phong trong sản xuất, phân phối khí CNG - giải pháp nhiên liệu sạch, tiên tiến, hiệu quả kinh tế cao.

Làm chủ công nghệ sản xuất và vận hành với cơ sở vật chất kỹ thuật theo các tiêu chuẩn an toàn quốc tế.

Vị thế cạnh tranh vững chắc nhờ vào:
(1) Tính ưu việt của nhiên liệu khí CNG.
(2) Nguồn nhân lực chất lượng cao.
(3) Nguồn cung khí đầu vào ổn định. Và
(4) Sức mạnh của hệ thống phân phối với nhà máy thuận lợi và các PRU trải rộng.



Khách hàng	Tỷ lệ
Hộ Sản xuất - Vật liệu Xây dựng	48%
Hộ Thực phẩm	35%
Khác	17%

CNG Việt Nam là công ty khởi nguồn tiên phong trong sản xuất, phân phối CNG tại Việt Nam, cung cấp giải pháp nhiên liệu tiên tiến, giúp doanh nghiệp giảm chi phí, gia tăng hiệu quả vận hành máy móc, góp phần bảo vệ môi trường và an ninh năng lượng phục vụ nền kinh tế.

Cụ thể, sản phẩm khí CNG được CNG Việt Nam phân phối để cung cấp cho các nhà máy có sử dụng nhiệt năng trong quá trình sản xuất, chế biến; phục vụ cho các khu chung cư và được sử dụng như là nhiên liệu thay thế xăng dầu trong ngành giao thông vận tải. Trong đó, khách hàng thuộc hộ Sản xuất - Vật liệu xây dựng chiếm khoảng 48% sản lượng tiêu thụ, khách hàng thuộc hộ Thực phẩm chiếm hơn 35% sản lượng, các khách hàng khác chiếm khoảng 17% sản lượng tiêu thụ.

CNG Việt Nam hiện làm chủ công nghệ và vận hành các trạm máy nén, trạm nạp, phương tiện vận chuyển, bồn chứa, trạm giảm áp, tiếp khí đến tận khách hàng được thiết kế tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn, quy phạm của Việt Nam, đảm bảo đủ điều kiện vận hành an toàn và được kiểm định định kỳ hàng năm.

Để phục vụ chiến lược kinh doanh và không ngừng mở rộng thị trường, CNG Việt Nam đã đầu tư hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như tài sản cố định bài bản, công nghệ tiên tiến, an toàn, bao gồm: Hệ thống máy móc thiết bị tại Nhà máy CNG Phú Mỹ, Trạm cấp khí trung tâm Mỹ Phước 3, hệ thống phương tiện vận chuyển khí chuyên dụng và hệ thống trạm giảm áp (PRU) đặt tại các khách hàng.

Cơ sở vật chất tại Chi nhánh Miền Bắc: Năm 2015, Công ty đầu tư trang thiết bị nhằm mở rộng thị trường, với trọng điểm là khu vực phía Bắc, nâng khả năng cung cấp cho khách



Tài xế xe buýt kiểm tra lượng khí nén CNG cung cấp.

hàng tại khu vực này lên 30 triệu Sm³ khí/năm.

Nhà máy CNG Phú Mỹ: Đây là nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG Việt Nam, được đặt tại KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu Sm³ khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đưa vào vận hành từ ngày 03/09/2008. Đến nay, Nhà máy CNG Phú Mỹ đã được mở rộng công suất lên thành 95 triệu Sm³ khí/năm và luôn chạy với hiệu suất cao trên công suất thiết kế.

Trạm cấp khí trung tâm Mỹ Phước 3: Trạm cấp khí trung tâm tại KCN Mỹ Phước 3 (Bình Dương) chính thức đi vào hoạt động từ tháng 4/2015, là một phần trong kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh và phát triển mô hình cấp khí qua trạm trung tâm của CNG Việt Nam.

Đây là dự án hợp tác với giữa CNG Việt Nam và Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV Becamex (IDC). Trạm cấp khí Mỹ Phước 3 sẽ cung cấp khí CNG bằng đường ống cho các khách hàng trong khu công nghiệp. Hiện nay, trạm đang cấp khí cho các khách hàng: Nhà máy Sản xuất Lốp xe Kumho, Nhà máy Thực phẩm Á Châu và Nhà máy Sản xuất Nhôm Washin Aluminum.

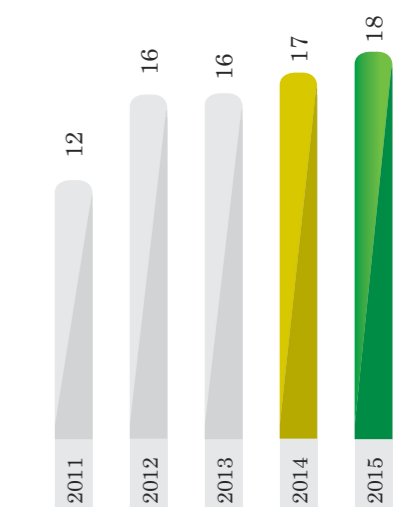
Cũng tại trạm trung tâm này, lần đầu tiên CNG Việt Nam lắp đặt hệ thống cấp khí cho phương tiện giao thông vận tải và đang cung cấp khí CNG cho các xe buýt sử dụng nhiên liệu sạch của Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu (Nhật Bản). Đây là mô hình thí điểm cấp khí cho phương tiện giao thông vận tải, phục vụ lợi ích cộng đồng, giảm ô nhiễm môi trường, gắn liền với chiến lược phát triển chung của Công ty là đa dạng hoá cung cấp khách hàng.

Hệ thống phương tiện vận chuyển: Bao gồm 07 xe đầu kéo hiệu Nissan, 35 bồn thép loại 40 feet (bao gồm cả romoóc), 31 bồn composite loại 40 feet và 4 bồn composite loại 20 feet. Tổng công suất vận chuyển tối đa của các thiết bị này là 95 triệu Sm³ khí/năm.

Hệ thống trạm giảm áp đặt tại khách hàng: Hệ thống các trạm giảm áp tại các khách hàng bao gồm 18 hệ thống giảm áp (PRU) đang cấp khí cho khách hàng. Mỗi trạm giảm áp gồm có: hệ thống đường ống, các van giảm áp từ 250 bars xuống thấp hơn 7 bars, hệ thống đo đếm khí, hệ thống gia nhiệt và các thiết bị phụ trợ khác đi kèm nhằm đảm bảo các trạm này cấp khí an toàn và liên tục cho khách hàng.

Hệ thống các trạm được thiết kế theo tiêu chuẩn ASME B31.3, 31.8, API, ANSI, IEC, NFPA... Đối với các bồn chứa được thiết kế, chế tạo theo các tiêu chuẩn ISO 11439, ISO 11119, ASME (đối với bồn loại composite) và DOT, ASME... (đối với bồn thép).

HỆ THỐNG GIẢM ÁP (PRU)





QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI KHÍ CNG

1. Trạm đo khí tiếp liệu

Khí thiên nhiên được lấy từ hệ thống khí thấp áp Phú Mỹ (PVGas-D), đi vào Nhà máy CNG qua hệ thống đường ống 6" với áp suất 22 barg, lưu lượng khí được kiểm soát qua hệ thống trạm đo khí đầu vào.

Hệ thống đo được thiết kế tự động cập nhật thành phần khí, áp suất, nhiệt độ, hiển thị các giá trị tại chỗ và truyền số liệu về trung tâm (GDC) để tính khí giao nhận.

2. Trạm máy nén

Từ trạm đo, khí được dẫn vào trạm máy nén CNG để nạp vào bồn chứa khí với công suất máy nén như sau:

- ★ Công suất của máy nén từ 2000 đến 2500 Sm³/h.
- ★ Đặc tính kỹ thuật:
 - Lưu lượng: 2000 đến 2500 Sm³/h;
 - Áp suất đầu vào: 14 – 22 barg;
 - Áp suất đầu ra: 200 đến 250 barg;
 - Nhiệt độ khí đầu vào: 10 - 40°C;
 - Công suất điện: ≤370 KW/h/máy.

Các máy nén được điều khiển bằng PLC và kiểm soát được các thông số vận hành như áp suất, nhiệt độ, rò rỉ khí gas, độ rung máy..., đảm bảo an toàn cho quá trình vận hành máy.

Tại phòng điều khiển được lắp đặt hệ thống đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành Fire and Gas, các tín hiệu của hệ thống (dò khí, dò lửa, dò khói, nhiệt ...) sẽ được kiểm soát và gửi tín hiệu về hệ thống điều khiển để đóng ngắt các thiết bị khi xảy ra sự cố (shutdown van, dừng máy nén, kích hoạt còi, đèn báo động, ...).

Các máy nén và hệ thống điều khiển được thiết kế tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn, quy phạm của Việt Nam, đảm bảo đủ điều kiện vận hành an toàn và được kiểm định định kỳ hàng năm.

3. Trạm nạp

Tại trạm nạp, khí được các máy nén nạp vào các xe bồn chuyên dụng (composite, thép) chứa khí để vận chuyển đến khách hàng với thể tích các bồn như sau:

4. Bồn chứa CNG

- ★ Bồn chứa CNG loại composite 20ft: Tổng thể tích 01 bồn CNG là 17m³; Áp suất làm việc 250 barg.
- ★ Bồn chứa CNG loại composite 40ft: Tổng thể tích 01 bồn CNG là 34m³; Áp suất làm việc 250 barg.
- ★ Bồn chứa CNG loại thép 40ft: Tổng thể tích 01 bồn CNG là 18m³; Áp suất làm việc 200 barg.
- ★ Các thiết bị được định kỳ kiểm định, đảm bảo an toàn cho công tác vận chuyển.

5. Xe bồn chuyên chở CNG

Các xe chuyên chở khí tuân thủ nghiêm ngặt về quy định vận chuyển hàng nguy hiểm, cháy nổ. Thiết bị được đăng kiểm, kiểm định kịp thời đáp ứng yêu cầu của pháp luật, tiêu chuẩn, quy định, đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ cho các thiết bị chuyên chở và tồn chứa.

6. Trạm giảm áp tại khách hàng

Xe bồn vận chuyển khí đến trạm giảm áp tại khách hàng (PRU), từ đây khí được đưa từ xe bồn ở áp suất từ 200 đến 250 barg đi qua hệ thống PRU, giảm áp qua 2 giai đoạn (giai đoạn 1 giảm áp xuống 60 barg, giai đoạn 2 giảm áp xuống 2-7 barg) để cung cấp khí cho khách hàng theo yêu cầu.

Hệ thống PRU được thiết kế tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn, quy phạm của Việt Nam, hệ thống được điều khiển bằng PLC, kiểm soát sự cố, rò rỉ khí bằng các van đóng khẩn cấp (SDV), van an toàn, đầu dò khí, kiểm soát khí giao nhận bằng hệ thống đo đếm khí và các thiết bị được kiểm định đúng định kỳ hàng năm.

7. Hệ thống tiếp nhận khí của khách hàng

Tại các khách hàng được đầu tư hệ thống tiếp nhận khí CNG, có áp suất đầu vào từ 2-4 barg





VỊ THẾ VÀ SỨC MẠNH CẠNH TRANH CỐT LÕI

CNG Việt Nam là công ty đi đầu trong ngành cung cấp khí thiên nhiên tại Việt Nam.

Mục tiêu của Công ty là xây dựng Công ty trở thành một công ty cổ phần mạnh trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhiên liệu sạch, địa bàn hoạt động rộng khắp cả nước, phát triển theo hướng đảm bảo an toàn, hiệu quả và trở thành nhà cung cấp nhiên liệu chính cho các khu công nghiệp và phương tiện giao thông vận tải.

Với vai trò tiên phong, Công ty đã khẳng định được vị thế hàng đầu

của mình ở thị trường Đông Nam bộ và đang mở rộng ra khu vực miền Bắc cũng như các thị trường khác trên cả nước.

Nhìn chung, Công ty có ưu thế vượt trội so với các doanh nghiệp kinh doanh nhiên liệu truyền thống, đặc biệt trong tương lai ưu thế này càng rõ hơn khi mà xu hướng phát triển kinh tế xã hội đòi hỏi phải là sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, vì cộng đồng.

Cụ thể, Công ty đã xây dựng được vị thế của mình dựa trên:

SỨC MẠNH về SẢN PHẨM

CNG Việt Nam có lợi thế hơn hẳn so với những doanh nghiệp kinh doanh các nhiên liệu truyền thống như than, dầu FO, DO... nhờ tính ưu việt của việc sử dụng khí CNG làm nhiên liệu thay thế. Tính ưu việt này thể hiện trên nhiều phương diện: công nghệ, kinh tế, tính an toàn và đặc biệt là về môi trường.

Về công nghệ

Hiệu suất cao – Tăng tuổi thọ máy móc, thiết bị

- ★ CNG là khí tự nhiên nén, thành phần chủ yếu là CH₄ – methane (chiếm 85% - 95%) qua xử lý và nén ở áp suất cao (200 đến 250 bar) nên nhiệt trị cao, hiệu suất đốt cháy cao, dễ dàng điều chỉnh nhiệt độ buồng đốt, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- ★ Khí tự nhiên chiếm ưu thế hơn hẳn về khả năng cấp nhiệt với cùng một khối lượng cấp nhiên liệu so với than, củi, DO, FO và LPG.
- ★ Khí tự nhiên không độc hại, không gây ăn mòn thiết bị.
- ★ Sử dụng khí tự nhiên làm tăng tuổi thọ của hệ thống thiết bị: CNG là nhiên liệu sạch nên không có muội than đóng trên các bề mặt làm việc của thiết bị, giúp tăng tuổi thọ, giảm đáng kể chi phí bảo dưỡng sửa chữa.

Về môi trường

Nhiên liệu sạch hàng đầu

- ★ Do thành phần đơn giản dễ xử lý để loại bỏ các hợp chất độc hại như SO_x, NO_x, CO₂, không có benzene và hydrocarbon thơm kèm theo, nên khi đốt nhiên liệu này không giải phóng nhiều khí độc như SO₂, NO₂, CO..., và hầu như không phát sinh bụi.
- ★ Thành phần chính trong khí thải của quá trình đốt khí tự nhiên chủ yếu là H₂O và CO₂ và một tỷ lệ không đáng kể các chất gây ô nhiễm môi trường là CO, NO_x, HC, SO_x và muội than. Hàm lượng khói thải gần như bằng không, hàm lượng CO₂, CO, Hydrocarbon thấp hơn so với nhiên liệu xăng dầu.
- ★ Khí tự nhiên được tàng chứa trong hệ thống khép kín và không bị bay hơi ra không khí như xăng dầu, do đó không thải Hydrocarbon ra môi trường, không tạo ozon là nguyên nhân gây hiệu ứng nhà kính.

Về hiệu quả kinh tế

Tiết kiệm chi phí hơn hẳn nhiên liệu truyền thống

- ★ Khí tự nhiên rẻ hơn nhiều so với một số loại nhiên liệu như DO, FO, LPG, điện, nên việc sử dụng khí tự nhiên sẽ tiết kiệm được rất nhiều chi phí nhiên liệu trong quá trình sản xuất.
- ★ Các trạm giảm áp (PRU) được hiện đại hóa, cải tiến liên tục, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng nên tiết kiệm được diện tích đất cũng như chi phí vận hành.
- ★ Chất lượng sản phẩm được nâng cao cũng góp phần làm tăng hiệu quả sản xuất và tính kinh tế của việc sử dụng nhiên liệu khí CNG

Về An toàn

An toàn hơn trong vận hành sản xuất

- ★ CNG nhẹ hơn không khí nên nhanh chóng bốc lên cao khi bị rò rỉ, do đó hạn chế tối đa nguy cơ cháy nổ trong quá trình sử dụng so với các loại nhiên liệu như DO, FO, LPG, điện...

SỨC MẠNH của NGUỒN NHÂN LỰC

Đội ngũ ban lãnh đạo, công nhân viên của Công ty đều là những cán bộ lâu năm của ngành Dầu khí với năng lực, kinh nghiệm và tâm huyết cao với ngành. Do đó, hệ thống tổ chức, nhân sự luôn gắn kết, hoạt động ổn định hướng tới mục tiêu chung của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng luôn chú trọng công tác đào tạo để nâng cao tay nghề của cán bộ, công nhân viên nhằm duy trì thế mạnh nhân sự của mình.



Nguồn nhân lực trẻ, có chuyên môn cao của CNG Việt Nam.



SỨC MẠNH VỀ NGUỒN CUNG

Nguồn khí đầu vào của Công ty luôn được đảm bảo ổn định, sẵn sàng đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng.

Hiện nguồn khí đầu vào của Công ty được cấp trực tiếp thông qua đường ống của PVGas D và Hệ thống thu gom khí và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và mỏ Thái Bình.

SỨC MẠNH VỀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

★ **Vị trí nhà máy, trung tâm cấp khí thuận lợi:** Các nhà máy sản xuất, trạm cấp khí của Công ty được đặt tại các vị trí thuận lợi, gần các khu công nghiệp trọng điểm, phù hợp với đặc thù kinh doanh của khí CNG và LPG với phạm vi không quá 200km. Bên cạnh đó, vị trí thuận lợi càng phát huy tối đa lợi thế cơ động trong việc vận chuyển khí CNG, giúp đáp ứng nhanh chóng và tối đa nhu cầu khách hàng.

★ **Hệ thống PRU trải rộng:** Công ty đã đẩy mạnh đầu tư và lắp đặt 18 trạm PRU tại các khu công nghiệp. Với hệ thống trải rộng giúp Công ty có thể thu hút khách hàng tại các khu công nghiệp này và chiếm lĩnh thị trường. Bên cạnh đó, hệ thống phương tiện vận tải, bồn chứa cũng được Công ty tích cực đầu tư để đáp ứng đầy đủ và nhanh chóng yêu cầu vận chuyển cho nhiều vị trí khác nhau của khách hàng.



Tại thị trường miền Bắc, nhận nguồn khí từ mỏ Hàm Rồng và Thái Bình, xử lý khí tại Nhà máy của PV GAS (1) qua đường ống của PVGAS D, CNG Việt Nam vận chuyển bằng xe chuyên dụng (2) đến các trạm giảm áp PRU đặt tại khách hàng (3).



Mô hình quản trị

CNG Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với cơ cấu tổ chức trực tuyến chức năng và không có đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết.

Sơ đồ tổ chức

CNG Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua. CNG Việt Nam có cơ cấu tổ chức như sau:





TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY NHÂN SỰ (tiếp theo)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động của CNG Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề quản lý của Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.

BAN KIỂM SOÁT

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty trong việc chấp hành tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Là người có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty.

Tổng Giám đốc là người đại diện cho Công ty trước pháp luật.

BAN KẾ HOẠCH – ĐẦU TƯ

Là Ban tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty, có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty.

Xây dựng, trình duyệt, quản lý và đề xuất các biện pháp để triển khai thực hiện chiến lược, quy hoạch, chính sách, kế hoạch SXKD và đầu tư dài hạn, trung hạn và hàng năm của Công ty.

BAN KINH DOANH

Là Ban tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc xây dựng chiến lược, liên doanh, liên kết trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm khí (LPG, CNG, LNG...) của Công ty.

Quản lý và phát triển công tác kinh doanh sản phẩm khí (LPG, CNG, LNG...) theo chiến lược kinh doanh của Công ty.

Chủ trì, quản lý, giám sát và đàm phán các hợp đồng trong lĩnh vực mua bán sản phẩm khí và các hợp đồng liên quan phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thực hiện xây dựng, duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, OHSAS tại Ban và Công ty.

BAN TỔ CHỨC – HÀNH CHÍNH

Là Ban tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc quản lý công tác tổ chức cán bộ, nhân sự; công tác đào tạo, tiền lương, chế độ chính sách và công tác thi đua khen thưởng – kỷ luật trong toàn Công ty.

Công tác quản lý thiết bị văn phòng; công tác văn thư lưu trữ, bảo mật và thông tin liên lạc.

Nghiên cứu, đề xuất và tổ chức triển khai các phương án hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty và yêu cầu sản xuất kinh doanh...

BAN TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN

Là Ban tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc khai thác, sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn vốn và tài sản của Công ty.

Quản lý, điều hành các hoạt động tài chính trong toàn Công ty.

Quản lý và đảm bảo công tác kế toán, thống kê tuân thủ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Luật Kế toán, Luật Thống kê, Luật Thuế và các chế độ quản lý tài chính, kế toán hiện hành của Nhà nước và Công ty.

Xây dựng, trình quy chế tài chính và bảo vệ kế hoạch tài chính tổng hợp của Công ty. Định kỳ lập báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính được giao theo quy định.

Phối hợp với các Ban khác thuộc Công ty theo sự phân công của Ban Tổng Giám đốc trong việc chuẩn bị, đàm phán ký kết và thực hiện hợp đồng với đối tác, chịu trách nhiệm rà soát các điều khoản liên quan đến tài chính, kế toán...

BAN KỸ THUẬT – AN TOÀN – CHẤT LƯỢNG

Là Ban tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng và tham mưu giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc quản lý, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động khoa học – công nghệ, chất lượng, kỹ thuật vào sản xuất của Công ty.

Quản lý và điều hành công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy, bảo hộ lao động và công tác môi trường, xây dựng và duy trì hệ thống quản lý an toàn, chất lượng, môi trường đảm bảo an toàn cho con người, tài sản và môi trường trong các hoạt động của Công ty.

Phối hợp với các Ban liên quan chuẩn bị hồ sơ mời thầu, xem xét hồ sơ đấu thầu, dự toán xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa và các dịch vụ liên quan đến các hoạt động sản xuất, đàm phán ký kết và thực hiện hợp đồng với đối tác...

NHÀ MÁY CNG PHỤ MỸ

Là Nhà máy thuộc bộ máy điều hành của Công ty, trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, vận chuyển các sản phẩm khí CNG. Nhà máy có chức năng tham mưu, giúp

việc cho Ban Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, vận chuyển sản phẩm khí CNG theo kế hoạch sản xuất đã được phê duyệt, đảm bảo an toàn, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ khí CNG của các khách hàng; theo dõi, tính toán và báo cáo số liệu về cho Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận có liên quan.

Quản lý, theo dõi, bảo dưỡng sửa chữa định kỳ (hàng ngày, hàng tháng) hoặc đột xuất cho các thiết bị thuộc Nhà máy được Công ty giao.

Phối hợp với Ban Kỹ thuật – An toàn – Chất lượng trong việc lập kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ, sửa chữa lớn và lập phiếu phân tích an toàn cho các công việc nguy hiểm trước khi thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa.

Tổ chức thực hiện công tác an toàn – sức khỏe – môi trường, PCCC và ứng cứu sự cố khẩn cấp cho hệ thống sản xuất, vận chuyển khí. Áp dụng, duy trì hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, OHSAS 18001:2007 và ISO 14001...

CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Chi nhánh miền Bắc là đơn vị hạch toán phụ thuộc theo Quy chế tài chính của Chi nhánh được HĐQT phê duyệt và Quy chế tài chính của Công ty, được tự chủ trong sản xuất và kinh doanh theo sự phân cấp của Công ty và chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Công ty trong phạm vi số vốn và tài sản được Công ty giao cho Chi nhánh quản lý khai thác và sử dụng.



Ông **VŨ TUẤN NGỌC**
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1957
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế
Đại diện sở hữu cổ phần cho Công ty Cổ phần Kinh Doanh Khí hóa lỏng miền Nam: **4.200.000**
Cổ phần nắm giữ cá nhân: **69.030**



Ông **ĐẶNG VĂN VĨNH**
Thành viên HĐQT kiêm TGD

Năm sinh: 1967
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Đại diện sở hữu cổ phần: **4.000.000**
Cổ phần nắm giữ cá nhân: **67.006**



Bà **NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI**
Thành viên HĐQT kiêm phó TGD

Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển, Cử nhân Kế toán Kiểm toán, Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
Đại diện sở hữu cổ phần: **3.104.263**
Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **TRẦN VĂN NGHỊ**
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Địa vật lý
Đại diện sở hữu cổ phần: **3.600.000**
Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Bà **LÊ THỊ THU GIANG**
Thành viên HĐQT Độc lập

Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Đại diện sở hữu cổ phần: 0
Cổ phần nắm giữ cá nhân: **625**



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông **HUỖNH LÂM KIỆT**
Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1986
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **16**



Bà **TRẦN THỊ THU HIỀN**
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán,
Cử nhân Luật

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **354**



Bà **PHẠM THỊ LOAN PHƯỢNG**
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1988
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị
Kinh doanh, Cử nhân Kế toán

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **86**





Ông **ĐẶNG VĂN VĨNH**
Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1967
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
Quản trị Kinh doanh

Đại diện sở hữu cổ phần: **4.000.000**
Cổ phần nắm giữ cá nhân: **67.006**



Ông **BÙI VĂN ĐÀN**
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật

Năm sinh: 1965
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ
Dầu khí, Cử nhân Anh văn

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **6**



Ông **TRẦN QUANG ĐÁN**
Phó Tổng Giám đốc Kế hoạch Đầu tư

Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Máy xây
dựng, Kỹ sư Quản trị Doanh nghiệp

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **45.592**



Bà **NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI**
Phó Tổng Giám đốc Tài chính

Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Vận
tải biển, Cử nhân Kế toán Kiểm toán,
Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

Đại diện sở hữu cổ phần: **3.104.263**
Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **NGUYỄN NGUYỄN VŨ**
Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Năm sinh: 1971
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh
văn, Kỹ sư Kinh tế Thủy sản

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **4**



Ông **NGUYỄN MẠNH HÙNG**
Kế toán trưởng

Năm sinh: 1984
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính
Ngân hàng

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Thay đổi Tổng giám đốc: Không.

Thay đổi phó Tổng giám đốc: Ngày 03/12/2015 Hội đồng quản trị Công ty ra Quyết định số 352/QĐ-CNG về việc bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc Kinh doanh đối với ông Nguyễn Nguyễn Vũ kể từ ngày 03/12/2015;

Thay đổi Kế toán trưởng: Không.

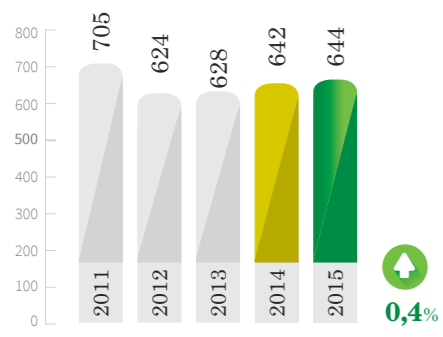


MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG ĐA DẠNG HÓA KHÁCH HÀNG

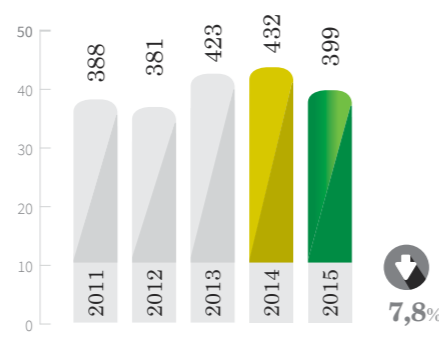
CNG Việt Nam đầu tư mở rộng thị trường ra miền Bắc đồng thời linh hoạt trong chính sách bán hàng, marketing, chủ động tìm kiếm và đa dạng hóa khách hàng tại khu vực miền Nam, để đón đầu đà hồi phục của nền kinh tế trước những vận hội mới với hàng loạt hiệp định thương mại tự do như TPP, EVFTA, AEC...



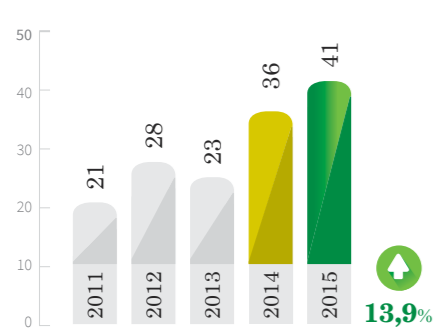
TỔNG TÀI SẢN (Tỷ đồng)



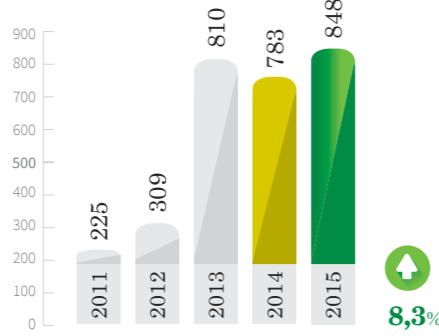
VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tỷ đồng)



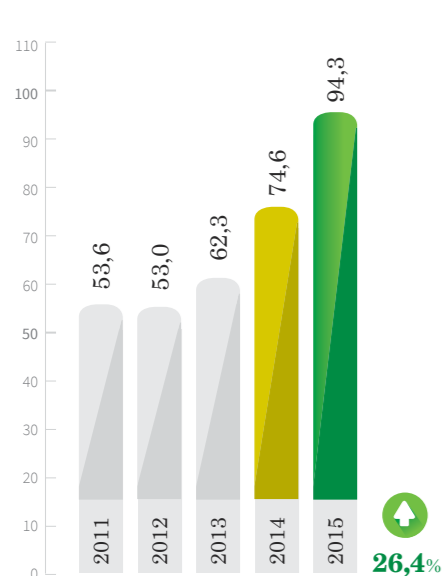
SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG (Doanh nghiệp)



VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (Tỷ đồng)



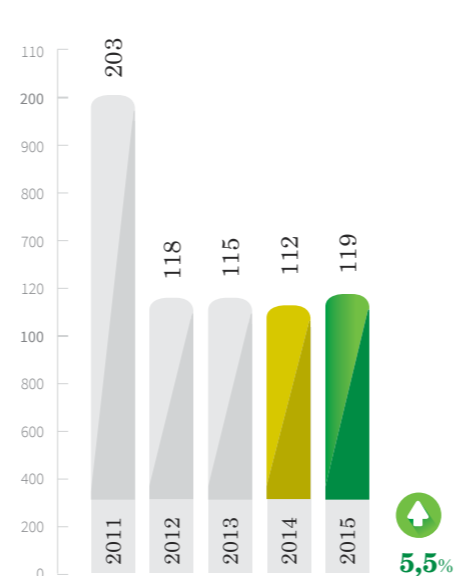
SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ (Triệu Sm³)



TỔNG DOANH THU (Tỷ đồng)



LỢI NHUẬN SAU THUẾ (Tỷ đồng)



94,3
triệu Sm³
SẢN LƯỢNG CNG TIÊU THỤ

119 TỶ VNĐ
LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2015

41 KHÁCH HÀNG
DOANH NGHIỆP (31/12/ 2015)

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2011	2012	2013	2014	2015
Sản lượng tiêu thụ (triệu Sm ³)	53,6	53,0	62,3	74,6	94,3
Số lượng khách hàng	21	28	23	36	41

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: Tỷ đồng	2011	2012	2013	2014	2015
Doanh thu thuần	731,8	801,2	949,8	1,085,6	950,2
Lợi nhuận gộp	276,3	185,0	205,5	229,5	232,7
Lợi nhuận từ HĐKD	231,0	135,5	139,0	136,1	146,2
Lợi nhuận trước thuế	226,9	132,2	138,2	130,0	145,1
Lợi nhuận sau thuế	203,4	117,9	114,5	112,5	118,7

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: Tỷ đồng	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng tài sản	705,3	623,7	628,1	641,5	643,8
Vốn chủ sở hữu	387,8	380,6	423,0	432,4	398,7
Vốn điều lệ	203,1	213,3	270,0	270,0	270,0

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

ĐVT: %	2011	2012	2013	2014	2015
Thu nhập trên tài sản bình quân (ROAA)	38,2%	17,7%	18,3%	17,7%	18,5%
Thu nhập trên vốn cổ phần bình quân (ROEA)	65,5%	30,7%	28,5%	26,3%	28,6%

CHỈ TIÊU VỀ CỔ PHIẾU

	2011	2012	2013	2014	2015
Số lượng cổ phiếu lưu hành (Triệu cp)	20	21	27	27	27
Lãi cơ bản của 1 cổ phiếu (Đồng) (*)	10.016	4.569	4.377	4.166	3.993
Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu (Đồng)	19.090	17.844	16.426	16.014	14.760
Cổ tức (%)	70	45	35	35	30
Giá cuối năm (Đồng)	11.100	14.500	30.000	29.000	31.400
Vốn hoá thị trường (Tỷ đồng)	225,5	309,3	810,0	783,0	847,8

(*) EPS năm 2014, 2015 sụt giảm do được tính theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, loại trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi.

Tóm tắt nội dung

Thế giới năm 2015 vẫn tăng trưởng chậm và tiềm ẩn nhiều bất ổn; trong khi kinh tế Việt Nam có tín hiệu khả quan, nhưng giới chuyên gia chưa an tâm về đà hồi phục.

Giá dầu thế giới tuột dốc trong một năm nhiều sóng gió, khiến giá dầu khí trong nước sụt giảm theo và biến động mạnh.

CNG Việt Nam tiếp tục hoạt động trong môi trường kinh doanh với thuận lợi xen lẫn nhiều khó khăn, thách thức rất lớn.

32 USD/thùng
 GIÁ DẦU TRONG NĂM 2015 GIẢM HƠN
 39% TỪ MỨC 52,7 USD/THÙNG NĂM 2014

Kinh tế thế giới năm 2015 tăng trưởng chậm và tiềm ẩn nhiều bất ổn

Nền kinh tế thế giới vừa trải qua một năm 2015 nhiều biến động với tốc độ tăng trưởng chậm và không ổn định. Theo số liệu thống kê của Ngân hàng Thế giới (WB), tốc độ tăng trưởng toàn cầu năm 2015 đạt khoảng 2,4%, nhưng không chắc chắn. Sự phát triển ở nhiều quốc gia, khu vực không đồng đều và tiềm ẩn nhiều bất ổn.

Kinh tế Việt Nam năm 2015 cho thấy tín hiệu khả quan nhưng giới chuyên gia chưa an tâm về đà hồi phục

GDP cả nước kết thúc năm 2015 tăng trưởng 6,7%, CPI ghi nhận mức tăng thấp kỷ lục với 0,63%, phát đi tín hiệu nền kinh tế đã duy trì đà hồi phục tích cực, lạm phát được kiểm chế tạo tiền đề để ổn định chính sách tiền tệ. Dù vậy, giới chuyên gia vẫn chưa thể an tâm về đà hồi phục, khi nền kinh tế trong nước đang đối diện với áp lực tăng cao về nợ công, thâm hụt ngân sách, khả năng cạnh tranh yếu của toàn nền kinh tế và doanh nghiệp.

Giá dầu tuột dốc trong một năm nhiều sóng gió

Đối với thị trường nhiên liệu, 2015 là năm đầy sóng gió khi giá dầu tiếp tục xu hướng sụt giảm và dao động khá mạnh, tại thị trường Mỹ giá dầu trong năm 2015 giảm hơn 39% từ mức 52,7 USD/thùng xuống quanh ngưỡng 32 USD/thùng. Cùng với đó, giá dầu, giá LPG trong nước cũng biến động và sụt giảm mạnh trong năm qua.

Xem thêm phân tích chi tiết về *Triển vọng Thị trường năm 2016 và Chiến lược Kinh doanh* ở trang 50.

Những KHÓ KHĂN & THUẬN LỢI đối với CNG Việt Nam



KHÓ KHĂN

Bối cảnh kinh doanh năm 2015 đầy biến động khiến CNG Việt Nam gặp nhiều khó khăn và thách thức trong hoạt động



Sự biến động mạnh của giá dầu khiến Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc ổn định hoạt động và hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra cho năm 2015.



Nhiều doanh nghiệp vẫn đang hạn chế mở rộng sản xuất. Sự bất ổn của nền kinh tế thế giới, giá dầu sụt giảm mạnh, thị trường chứng khoán biến động trong năm 2015 khiến nhiều doanh nghiệp chưa lạc quan trở lại và vẫn thận trọng trong mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến lượng nhiên liệu khí tiêu thụ duy trì ở mức thấp.



Sức ép cạnh tranh từ nhiên liệu thay thế. Hoạt động kinh doanh của CNG Việt Nam tiếp tục gặp phải sự cạnh tranh gay gắt từ các loại nhiên liệu thay thế giá rẻ khác như than, biomass... Nhiều doanh nghiệp lựa chọn các nhiên liệu giá rẻ để giảm bớt chi phí sản xuất, dù tính thân thiện với môi trường không cao bằng CNG.



THUẬN LỢI

Bên cạnh những khó khăn thì CNG Việt Nam cũng có được những thuận lợi nhất định trong năm 2015



Nguồn khí đầu vào tiếp tục duy trì ổn định. Năm 2015, Công ty nhận được sự hỗ trợ kịp thời từ PVGas, PVGas South. Nhờ đó, nguồn khí đầu vào luôn được duy trì ổn định, đáp ứng đầy đủ và kịp thời cho khách hàng.



Thị trường bất động sản khởi sắc. Thị trường bất động sản năm 2015 có sự phục hồi ấn tượng. Do đó, các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, nhóm khách hàng tiềm năng của CNG Việt Nam, cũng được hưởng lợi và tăng nhu cầu sử dụng nhiên liệu CNG.



Nỗ lực cao của tập thể CBCNV. Tổ chức, nhân sự của Công ty luôn ổn định, tạo ra sự đồng thuận cao trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

GIÁ DẦU ↘ **39%**

Tóm tắt nội dung

Ban lãnh đạo CNG Việt Nam đã đề ra những giải pháp kịp thời và phù hợp với tình hình hoạt động để không ngừng cải thiện hiệu quả.

Các giải pháp kinh doanh đặc biệt được chú trọng, như: phát triển thị trường miền Bắc, phát triển mô hình cấp khí qua trạm trung tâm, cấp khí cho hệ thống xe buýt, đàm phán giá bán khí hàng tháng,...

Nhận biết được những khó khăn và thuận lợi của ngành và nền kinh tế trong năm 2015, Ban lãnh đạo CNG Việt Nam đã đề ra những giải pháp kịp thời và phù hợp với tình hình hoạt động để không ngừng cải thiện hiệu quả, chẳng hạn như:

GIẢI PHÁP VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- ★ Đẩy mạnh mở rộng thị trường ra phía Bắc, tiếp xúc với doanh nghiệp trên mọi lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cũng như khu vực địa lý để tìm kiếm khách hàng mới. Đây là tiền đề để tiếp tục chinh phục khu vực miền Trung trong những năm sắp tới.
- ★ Phát triển mô hình cấp khí qua trạm trung tâm nhằm cấp khí cho các khách hàng nhỏ lẻ, giảm chi phí đầu tư.
- ★ Mở rộng đối tượng khách hàng sang các phương tiện giao thông vận tải bằng việc cấp khí CNG cho hệ thống xe buýt qua Trạm trung tâm Mỹ Phước 3. Đây là mô hình sử dụng nhiên liệu thay thế, phục vụ lợi ích cộng đồng, giảm ô nhiễm môi trường, đồng thời cũng đem lại hiệu quả kinh tế cao cho doanh nghiệp vận tải.
- ★ Thay đổi cách tính giá bán khí cho khách hàng. Theo đó, hàng tháng CNG Việt Nam sẽ tính lại giá bán và đàm phán lại các điều khoản hợp đồng với khách hàng. Điều này giúp Công ty chủ động hơn với diễn biến phức tạp của giá dầu khí và gia tăng hiệu quả hoạt động.

- ★ Chăm sóc tốt các khách hàng cũ, thắt chặt mối quan hệ với các khách hàng hiện tại. Hỗ trợ khách hàng kịp thời và hiệu quả, tạo sự tin tưởng cho khách hàng, từ đó có thể giúp gia tăng lượng khí sử dụng.
- ★ Tích cực tìm kiếm khách hàng mới ở các khu vực sản xuất công nghiệp tiềm năng, đa dạng hóa các hộ sử dụng khí để giảm thiểu rủi ro biến động khách hàng.

GIẢI PHÁP VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

- ★ Tiếp tục thực hiện tốt các quy trình và giám sát chặt chẽ, các loại máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, đảm bảo hoạt động an toàn, ổn định, đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh.
- ★ Công tác bảo dưỡng máy móc được thực hiện chủ động, đúng tiến độ đảm bảo đúng quy trình. Tận dụng hiệu quả các máy móc thiết bị dù đã hết khấu hao.
- ★ Thực hiện có hiệu quả các dự án đầu tư tài sản, phương tiện vận chuyển, trung tâm xử lý khí, PRU... để đáp ứng kịp thời yêu cầu mở rộng và chinh phục thị trường mới.

GIẢI PHÁP VỀ TÀI CHÍNH

- ★ Tiến hành phân tích và đưa ra cơ cấu chi phí và nguồn vốn huy động tối ưu cho công ty trong từng thời kỳ.
- ★ Chủ động tích cực thu xếp nguồn vốn đầu tư cho các dự án.
- ★ Kiểm soát việc sử dụng các tài sản hợp lý tránh tình trạng sử dụng lãng phí, sai mục đích.
- ★ Thường xuyên theo dõi đối chiếu công nợ, đôn đốc, tích cực thu hồi công nợ của khách hàng, không để tình trạng nợ xấu, nợ khó đòi phát sinh.
- ★ Kiểm soát chi phí để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

GIẢI PHÁP VỀ TỔ CHỨC

- ★ Thành lập Chi nhánh miền Bắc, bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách, 02 trưởng phòng, 01 phó phòng và 01 Trưởng trung tâm điều độ để đẩy mạnh phát triển thị trường tại khu vực này.
- ★ Tăng cường công tác tuyển dụng cán bộ kinh doanh, kỹ thuật có tay nghề cao nhằm đáp ứng đủ nguồn lực cho việc mở rộng thị trường.
- ★ Đẩy mạnh công tác đạo tạo, phát triển năng lực của CBCNV, gia tăng hiệu quả lao động.

Tóm tắt nội dung

Số lượng khách hàng tăng mạnh từ 36 lên 41. Công ty cũng đạt được thỏa thuận với một số khách hàng mới và sẽ tiến hành cấp khí trong năm 2016.

Sản lượng tiêu thụ khí CNG trong năm 2015 đạt 94,3 triệu Sm³, tăng 26,4% so với năm trước.

Doanh thu năm 2015 đạt 950 tỷ đồng, giảm 12,5% so với năm trước; nhưng LNST đạt 118,7 tỷ đồng, tăng trưởng 5,5% và hoàn thành 108% kế hoạch.

Cổ tức tiền mặt duy trì mức cao 30%, vốn hóa thị trường tăng mạnh lên 848 tỷ đồng.

Tiền lương bình quân đạt 18,3 triệu đồng/người/tháng, tăng mạnh so với mức 15,9 triệu đồng của năm trước, phúc lợi liên tục được cải thiện.

Công tác quản trị tiếp tục được duy trì theo định hướng "phát triển bền vững".

Dù gặp nhiều khó khăn và thách thức nhưng Ban lãnh đạo Công ty luôn ý thức trách nhiệm trong công tác quản lý, cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị theo đúng định hướng và kế hoạch đã đề ra.

Với sự đồng thuận cao của CBCNV, sự hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của PVGas South, PVGas và Hội đồng Quản trị, CNG Việt Nam đạt được những thành quả đáng khích lệ trong năm 2015.

- ★ Số lượng khách hàng đã tăng mạnh từ 36 lên 41 khách hàng. Trong đó có 4 khách hàng từ khu vực miền Bắc và 01 khách hàng của khu vực miền Nam, đánh dấu sự thành công của chiến lược mở rộng thị trường ra khu vực phía Bắc trong năm 2015.
- ★ Ngoài ra, trong năm 2015, CNG Việt Nam cũng đạt được thỏa thuận với một số khách hàng và sẽ tiến hành cấp khí trong năm 2016. Các khách hàng mới này sẽ góp phần làm tăng sản lượng khí tiêu thụ của Công ty trong năm 2016.
- ★ Sản lượng tiêu thụ khí CNG đạt 94,3 triệu Sm³, tăng 26,4% so với năm 2014.
- ★ Doanh thu giảm nhưng lợi nhuận tăng trưởng 5,5% và hoàn thành 108% kế hoạch năm. Giá dầu khí thế giới và trong nước liên tục giảm làm cho giá bán khí CNG thực tế giảm, kéo theo doanh thu năm 2015 chỉ đạt 950 tỷ đồng, giảm 12,5% so với năm 2014. Dù doanh thu sụt giảm khá mạnh nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn đạt 118,7 tỷ đồng, tăng trưởng 5,5% so với năm 2014 và hoàn thành 108% kế hoạch năm.

Xem thêm chi tiết trong phần *Phân tích Tình hình Tài chính* ở trang 42.



- ★ Cổ tức duy trì mức cao 30%. Vốn hóa thị trường tăng mạnh lên 848 tỷ đồng. Năm 2015, Công ty tiếp tục duy trì chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 30% trên vốn điều lệ hiện hành, đây được xem là mức cổ tức cao so với mặt bằng chung trên thị trường, nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông. Vốn hóa thị trường (market capitalization) của Công ty vào cuối năm 2015 đạt gần 848 tỷ đồng, tăng mạnh từ mức 783 tỷ đồng cuối năm 2014.
- ★ Phúc lợi cho người lao động liên tục được cải thiện. Tiền lương bình quân theo số thực chi của CBCNV trong năm 2015 đạt 18,3 triệu đồng/người/tháng, tăng mạnh so với 15,9 triệu đồng/người/tháng của năm

2014. Bên cạnh đó, Công ty đã nâng mức mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật) với các mức trách nhiệm từ 80 – 180 triệu/người/vụ (năm 2014 là 50-150 triệu/người/vụ); và mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho CBCNV, nhằm bổ sung thêm nguồn thu nhập cho người lao động khi nghỉ hưu.
- ★ Đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững. Công ty tiếp tục duy trì tốt công tác quản trị rủi ro, an toàn lao động, đóng góp cho cộng đồng, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan, gắn liền sự phát triển của CNG Việt Nam với sự thịnh vượng chung của cộng đồng.

THỰC HIỆN NĂM 2015 SO VỚI KẾ HOẠCH VÀ NĂM TRƯỚC

Như vậy, kết thúc năm tài chính 2015, tổng doanh thu (bao gồm Doanh thu bán hàng, Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác) của CNG Việt Nam đạt gần 959 tỷ đồng, chỉ hoàn thành 88,7% kế hoạch doanh thu. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế vẫn đạt 118,7 tỷ đồng và vượt 8% kế hoạch năm, EPS tương ứng đạt 3.993 đồng.

Kết quả đạt được trong năm 2015 là một minh chứng khẳng định năng lực, tâm huyết của Ban lãnh đạo và đội ngũ CBCNV của Công ty.

Chỉ tiêu chính	ĐVT	Năm 2015			Năm 2014	
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
Sản lượng khí tiêu thụ	Triệu Sm ³	85,0	94,3	110,9	74,6	126,4
Miền Nam	Triệu Sm ³	75,0	85,3	113,7	74,6	114,3
Miền Bắc	Triệu Sm ³	10,0	9,0	90,0	-	-
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.081,7	958,9	88,7	1.101	86,3
Chi phí	Tỷ đồng	945,7	813,9	86,1	971	83,7
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	136,0	145,1	106,7	130	111,6
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	110,0	118,7	107,9	112,5	105,5

Tình hình THỰC HIỆN các DỰ ÁN đầu tư

Cùng với sự nỗ lực và quyết tâm của Ban Lãnh đạo và tập thể CBCNV, sau 8 năm hình thành và phát triển, CNG Việt Nam đã trở thành thương hiệu có uy tín về mọi mặt trên thị trường CNG khu vực Đông Nam bộ nói riêng và cả nước nói chung.

Năm 2015, CNG Việt Nam tiếp tục đẩy nhanh hoạt động đầu tư để tăng cường khả năng cung cấp khí cho khách hàng. Trong đó, hoạt động đầu tư phát triển thị trường khu vực phía Bắc được tập trung đẩy mạnh thực hiện, đồng thời đầu tư một trạm trung tâm tại KCN Mỹ Phước 3 để phục vụ cho các khách hàng trong KCN này của Bình Dương – nơi tập trung nhiều doanh nghiệp sản xuất của khu vực phía Nam.

Các dự án chuyển tiếp từ năm 2014:

- ★ Dự án “Đầu tư phát triển thị trường”: Đã đầu tư 01 PRU; mua sắm và lắp đặt 01 máy nén.
- ★ Đầu tư 02 PRU cho khách hàng mới: Đã thực hiện.

Các dự án được phê duyệt trong năm 2015:

- ★ Dự án cấp khí cho Viglacera (giai đoạn 2): Đã thực hiện mua trước 10 bồn chứa CNG để kịp thời phục vụ dự án miền Bắc, các hạng mục còn lại của dự án chuyển sang năm 2016 thực hiện theo tiến độ nhận khí của khách hàng.
- ★ Dự án đầu tư phát triển thị trường miền Bắc: Đã đầu tư các trạm giảm áp, các hạng mục còn lại chuyển tiếp sang năm 2016 thực hiện theo tiến độ của khách hàng mới.
- ★ Dự án 01 trạm trung tâm: Do khách hàng thay đổi kế hoạch đầu tư nên dự án không triển khai thực hiện.



Tình hình giải ngân:

Tổng vốn giải ngân trong năm 2015 là 122,64 tỷ đồng, trong đó:

- ★ Đầu tư dự án “Phát triển thị trường”: 15,02 tỷ đồng;
- ★ Đầu tư dự án cấp khí cho Viglacera (Gđ 2): 98,07 tỷ đồng;
- ★ Đầu tư dự án “Phát triển thị trường miền Bắc”: 3,23 tỷ đồng;
- ★ Đầu tư 02 PRU cho khách hàng mới: 6,32 tỷ đồng.



Trạm giảm áp PRU tại Công ty Toto - KCN Bắc Thăng Long, Hà Nội.



Trạm giảm áp PRU tại Công ty Kyoei Việt Nam - Tam Điệp, Ninh Bình.



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tóm tắt nội dung

Sản lượng khí tiêu thụ tăng 26,4% nhờ mở rộng thị trường, nhưng doanh thu sụt 12,5% do giá bán giảm mạnh và chỉ đạt 950 tỷ đồng.

Tỷ lệ lãi gộp lên mức 24,5% so với 21,1% của năm 2014 nhờ chính sách giá bán mới và chi phí khấu hao giảm.

Quản lý hiệu quả chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp khi tổng hai loại chi phí này trong năm giảm 11% so với năm 2014.

Lợi nhuận sau thuế tăng 5,5% so với năm trước, đạt 118,7 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu đạt mốc 12,5%, là bước hồi phục rất lớn về hiệu quả sản xuất kinh doanh.

ROE và ROA năm 2015 lần lượt đạt 28,6% và 18,5%, tăng mạnh so với mức 26,3% và 17,7% của năm trước, cho thấy hoạt động kinh doanh khá tốt, sử dụng vốn chủ sở hữu và tài sản hiệu quả cao.

28,6% ROE
18,5% ROA

Kết quả KINH DOANH

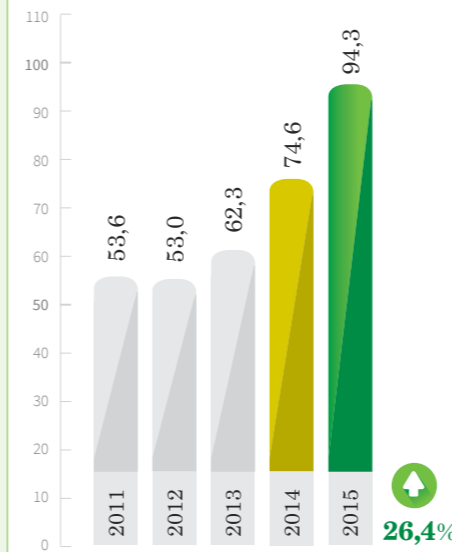
Sản lượng khí tiêu thụ tăng 26,4% nhờ chiến lược mở rộng địa bàn kinh doanh, nhưng doanh thu sụt 12,5% do giá bán giảm mạnh. Năm 2015, CNG Việt Nam tiếp tục đối diện thách thức khi giá khí liên tục sụt giảm và biến động mạnh. Cụ thể, giá khí bán ra trung bình năm 2015 chỉ ở mức 12,1 USD/mmBTU, giảm 30,6% so với năm 2014.

Trước tình hình đó, Công ty đã chủ động trong việc tìm kiếm khách hàng mới, phát triển mở rộng thị trường miền Bắc, phát triển mô hình cấp khí qua trạm trung tâm ở Mỹ Phước 3 (Bình Dương). Những giải pháp này đã giúp giảm bớt phần nào ảnh hưởng tiêu cực từ việc giá khí bán ra giảm mạnh nhờ sản lượng cấp khí gia tăng. Cụ thể, sản lượng cấp khí cho khách hàng trong năm 2015 đã đạt mốc 94,3 triệu Sm³, tăng mạnh 26,4% so với năm 2014. Trong đó, sản lượng khí tiêu thụ tại thị trường miền Nam đạt 85 triệu Sm³, thị trường miền Bắc trong năm đầu tiên đã đạt 9 triệu Sm³. Mặc dù sản lượng cấp khí tăng đáng kể nhưng do giá khí bán ra giảm mạnh nên tổng doanh thu năm 2015 chỉ đạt 950 tỷ đồng, giảm 12,5% so với năm trước.

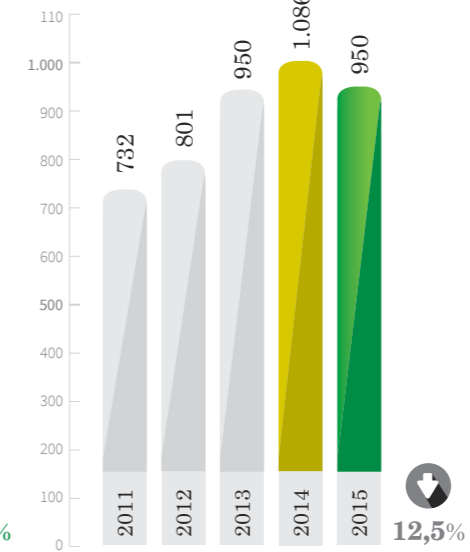


Trạm cấp khí trung tâm của CNG Việt Nam - KCN Mỹ Phước 3, Bình Dương.

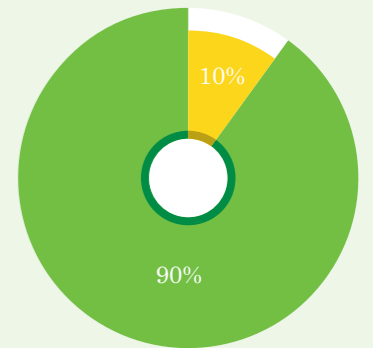
SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ (Triệu Sm³)



TỔNG DOANH THU (Tỷ đồng)



SẢN LƯỢNG KHÍ TIÊU THỤ NĂM 2015 THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ



Khu vực	Tỷ lệ
Miền Bắc	10%
Miền Nam	90%

KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ đồng)

	2014	2015	Tăng/giảm (%)
Doanh thu thuần	1.085,6	950,2	-12,5%
Giá vốn hàng bán	856,1	717,5	-16,2%
Lợi nhuận gộp	229,5	232,7	1,4%
Doanh thu hoạt động tài chính	14,3	8,7	-39,2%
Chi phí tài chính	7,6	6,2	-17,9%
Trong đó: Chi phí lãi vay	7,5	6,1	-18,4%
Chi phí bán hàng	10,8	18,8	74,4%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	89,4	70,2	-21,5%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	136,1	146,2	7,4%
Thu nhập khác	1,2	0,0	-97,3%
Chi phí khác	7,2	1,1	-84,7%
Lợi nhuận khác	(6,0)	(1,1)	-82,3%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	130,0	145,1	11,6%
Lợi nhuận sau thuế	112,5	118,7	5,5%

Tỷ lệ lãi gộp cải thiện mạnh lên mức 24,5% so với 21,1% của năm 2014. Bất chấp sự sụt giảm của tổng doanh thu, lợi nhuận gộp trong năm 2015 của Công ty vẫn đạt 232,7 tỷ đồng, tăng 1,4% so với năm 2014. Sự tăng

trường của lợi nhuận gộp đến chủ yếu từ tỷ lệ lợi nhuận gộp cải thiện tích cực, cụ thể, tỷ lệ lợi nhuận gộp năm 2015 đạt 24,5% trong khi năm 2014 chỉ là 21,1%.



KẾT QUẢ KINH DOANH (tiếp theo)

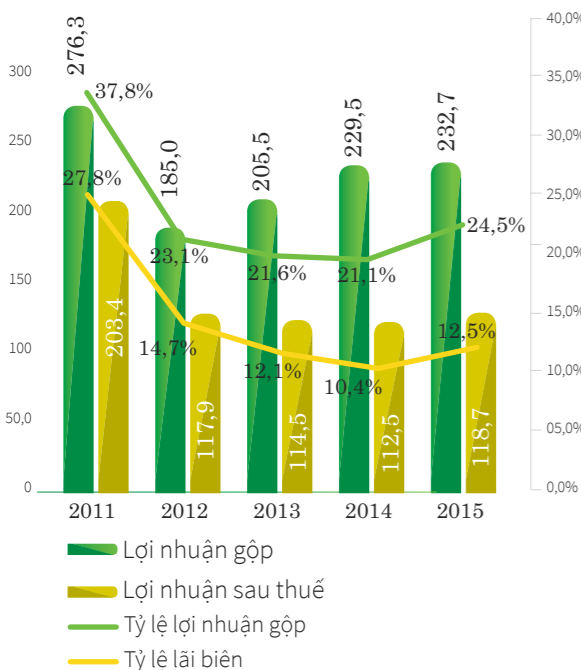
Tỷ lệ lợi nhuận góp cải thiện mạnh chủ yếu nhờ vào:

- ★ **Chính sách giá bán mới.** Năm 2015, Ban lãnh đạo Công ty đã có sự thay đổi trong cách thức đàm phán với khách hàng. Theo đó, Công ty sẽ tính lại giá bán và đàm phán lại với khách hàng hàng tháng. Việc áp dụng cách thức tính giá bán mới giúp giải quyết bài toán biến động mạnh của giá khí trong năm 2015, đồng thời giúp tận dụng thành công việc áp dụng tính giá đầu vào và đầu ra thả nổi theo giá đầu FO được triển khai từ năm 2014 và nhờ đó giúp gia tăng tỷ lệ lợi nhuận góp tích cực trong năm 2015.
- ★ **Chi phí khấu hao giảm.** Chi phí khấu hao năm 2015 là 64 tỷ đồng, giảm 20% so với năm 2014, đã phần nào giúp Công ty gia tăng tỷ lệ lãi gộp. Bên cạnh đó, việc Công ty thực hiện tốt công tác bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển giúp nhiều máy móc, thiết bị dù đã hết khấu hao nhưng vẫn hoạt động ổn định và đóng góp đáng kể vào việc gia tăng tỷ lệ lãi gộp.

Quản lý hiệu quả chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Năm 2015, tổng chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là 89 tỷ đồng, giảm 11% so với năm 2014.

Phân tích tỷ lệ tương đối các khoản mục chi phí (xem bảng) so với doanh thu cho thấy tỷ lệ chi phí bán hàng/doanh thu đã gia tăng trong năm 2015 do đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm khách hàng. Và thành quả là lượng khách hàng của Công ty cùng lượng khí cung cấp đã tăng khá mạnh trong năm 2015.

Tuy vậy, Công ty đã tiết giảm mạnh chi phí quản lý doanh nghiệp rất hiệu quả so với năm trước. Đáng chú ý, việc giảm chi phí quản lý diễn ra trong bối cảnh Công ty vẫn đang đẩy mạnh đầu tư trang thiết bị, nguồn nhân lực để phục vụ cho việc phát triển thị trường khu vực phía Bắc cũng như phải vận hành Trạm cấp khí trung tâm ở Bình Dương. Điều này cho thấy nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo Công ty trong việc quản lý hiệu quả chi phí để góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh sau cùng.



Cơ cấu chi phí	2014	2015
Chi phí khấu hao/Doanh thu thuần	7,4%	6,8%
Chi phí tài chính/Doanh thu thuần	0,70%	0,65%
- Chi phí lãi vay/Doanh thu thuần	0,69%	0,64%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	0,99%	1,98%
Chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần	8,24%	7,39%
Chi phí khác / Doanh thu thuần	0,67%	0,12%

Lợi nhuận sau thuế tăng 5,5%. Tỷ suất lợi nhuận cho thấy bước hồi phục rất lớn về hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nhờ gia tăng hiệu quả hoạt động, kiểm soát tốt chi phí, lợi nhuận sau thuế năm 2015 của Công ty đạt 118,7 tỷ đồng, tăng trưởng 5,5% so với năm trước. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu cũng đạt mốc 12,5% trong khi năm 2014 chỉ là 10,4%, đánh dấu một bước hồi phục rất lớn về hiệu quả sản xuất kinh doanh.

TÀI SẢN & NGUỒN VỐN

Tính ổn định và hợp lý trong cơ cấu tài sản và nguồn vốn đã giúp duy trì sự phát triển bền vững của CNG Việt Nam.

Công ty luôn duy trì nguyên tắc vàng trong việc huy động nguồn vốn và phân bổ tài sản, đó là:

- ★ Tập trung mọi nguồn lực cho ngành nghề hoạt động chính, không đầu tư dàn trải ra các lĩnh vực ngoài ngành.
- ★ Luôn ưu tiên sử dụng nguồn vốn dài hạn để tài trợ cho hoạt động kinh doanh cũng như đầu tư vào tài sản cố định.
- ★ Hiểu rõ về đặc thù kinh doanh thương mại, đặc biệt là kinh doanh khí đòi hỏi nguồn vốn lưu động cao, Công ty đã luôn giữ cơ cấu tài sản ngắn hạn ở mức cao 70-80% tổng tài sản để đảm bảo khả năng thanh toán.

Năm	ĐVT	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng tài sản	Tỷ đồng	705,3	623,7	628,1	641,5	643,8
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	396,4	316,4	511,0	521,1	465,6
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	308,9	307,3	117,2	120,4	178,2
Nợ phải trả	Tỷ đồng	317,5	243,2	205,2	209,2	245,1
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	207,4	166,4	168,0	184,3	201,2
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	110,2	76,7	37,2	24,9	43,9
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	387,8	380,6	423,0	432,4	398,5



Nhà máy sản xuất khí CNG của CNG Việt Nam tại KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, công suất 95 triệu Sm³.



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

TÀI SẢN

Tính đến cuối năm 2015, tổng tài sản của CNG Việt Nam đạt 644 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,3% so với năm 2014. Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 466 tỷ đồng, chiếm 72,3% tổng tài sản và tài sản dài hạn đạt 178 tỷ đồng, chiếm 27,7% tổng tài sản.

Trong tài sản ngắn hạn, Tiền mặt, tương đương tiền và Đầu tư tài chính ngắn hạn đạt 295 tỷ đồng, chiếm 45,8% tổng tài sản. Điều này giúp Công ty luôn đảm bảo nhu cầu thanh toán nhanh cho các đối tác, và tạo ra lợi thế chủ động cho công tác đầu tư trong tương lai.

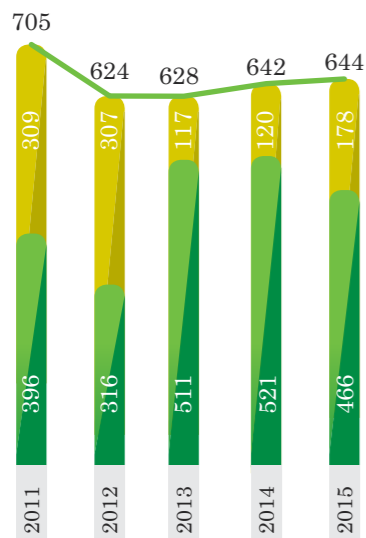
Tài sản dài hạn chủ yếu tập trung ở tài sản cố định, đầu tư vào máy móc trang

thiết bị và phương tiện vận tải chuyên chở khí. Nguyên giá trị tài sản cố định của Công ty cuối năm 2015 là 679 tỷ đồng, tăng 22,5% so với năm trước, tổng giá trị còn lại của tài sản cố định là 171 tỷ đồng, tăng gần 52%. Năm 2015, do Công ty đẩy mạnh hoạt động đầu tư trang thiết bị nhằm mở rộng thị trường nên tài sản dài hạn của công ty đã tăng tỷ trọng lên mức 27,7% trong tổng tài sản.



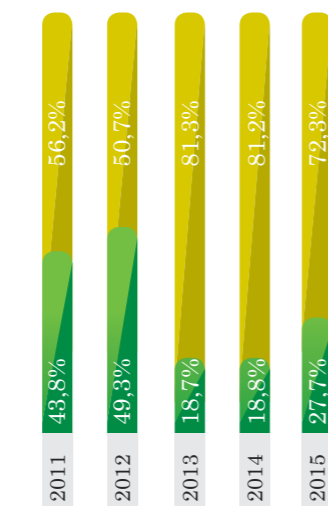
CƠ CẤU TÀI SẢN 2011 – 2015 (Tỷ đồng)

- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn
- Tổng tài sản



CƠ CẤU TÀI SẢN 2011 – 2015 (%)

- Tài sản dài hạn
- Tài sản ngắn hạn



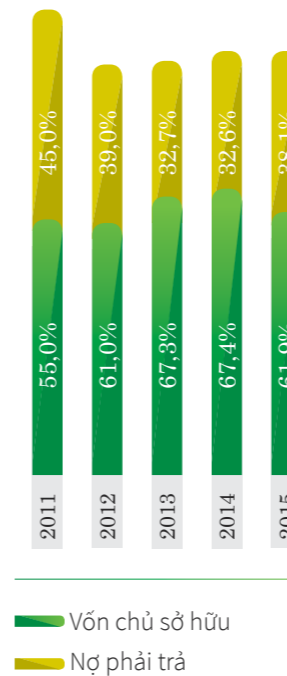
CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN 2014-2015 (Tỷ đồng)

- Tiền/Đầu tư tài chính ngắn hạn
- Các khoản phải thu ngắn hạn
- Hàng tồn kho
- Tài sản ngắn hạn khác



NGUỒN VỐN

Công ty có nguồn vốn dồi dào và tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính, không đầu tư dàn trải nhiều lĩnh vực.



Tính đến ngày 31/12/2015, Nợ phải trả của Công ty là 245 tỷ đồng, chiếm 38,1% tổng nguồn vốn, tập trung chủ yếu ở nợ phải trả ngắn hạn với 201 tỷ đồng trong khi nợ dài hạn là 44 tỷ đồng.

Trong đó, tổng nợ vay ngắn hạn và dài hạn ở mức 75 tỷ đồng, chủ yếu là các khoản vay bằng VNĐ nên không chịu rủi ro về tỷ giá. Chỉ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu hiện chỉ ở mức 0,19 lần. Việc sử dụng nợ vay thấp giúp giảm bớt rủi ro về chi phí lãi vay và áp lực trả nợ gốc. Bên cạnh đó, chỉ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu thấp cũng thể hiện khả năng dễ dàng huy động vốn vay trong tương lai cho các dự án đầu tư của Công ty khi cần thiết.

So với năm 2014, tỷ lệ nợ phải trả/tổng nguồn vốn đã tăng lên mức 38,1%, chủ yếu do Công ty gia tăng sử dụng nợ vay dài hạn để đẩy mạnh hoạt động đầu tư vào tài sản cố định trong năm 2015. Việc gia tăng sử dụng nợ vay dài hạn của Công ty là khá hợp lý vì đây là nguồn lực tài chính rẻ nhất trong giai đoạn hiện tại khi mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp, các ngân hàng trong và ngoài nước đều đẩy mạnh mở rộng tín dụng.

Năm 2015, nguồn vốn chủ sở hữu tiếp tục chiếm tỷ lệ lớn trong tổng nguồn vốn với 61,9% cho thấy tình hình tài chính của Công ty rất lành mạnh. Vốn chủ sở hữu đến cuối năm 2015 đạt 399 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở vốn đầu tư chủ sở hữu 270 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối gần 72 tỷ đồng và quỹ đầu tư phát triển 46 tỷ đồng.



HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Trong năm 2015, chỉ số ROE và ROA có sự tăng trưởng tích cực trong bối cảnh tình hình kinh tế trong nước và thế giới rất khó khăn. Điều này cho thấy hoạt động kinh doanh trong năm 2015 của

Công ty là khá tốt, việc sử dụng vốn chủ sở hữu và tài sản đạt hiệu quả cao. ROE và ROA năm 2015 lần lượt đạt 28,6% và 18,5%, tăng mạnh so với mức 26,3% và 17,7% trong năm 2014.



PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Phân tích CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012	2013	2014	2015
1. Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán						
Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)	lần	1,9	1,9	3,0	2,8	2,3
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,9	1,8	2,9	2,7	2,2
Hệ số thanh toán tiền mặt	lần	0,9	0,5	1,5	1,6	1,4
2. Chỉ tiêu về Hiệu quả hoạt động						
Kỳ thu tiền bình quân	ngày	53,7	65,8	61,6	54,9	56,4
Kỳ lưu kho bình quân	ngày	5,9	9,3	11,0	9,6	12,3
Kỳ trả tiền bình quân	ngày	35,2	44,3	35,0	35,9	42,7
Vòng quay tổng tài sản	lần	1,4	1,2	1,5	1,7	1,5
3. Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời						
Hệ số lợi nhuận gộp	%	37,8	23,1	21,6	21,1	24,5
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	31,6	16,9	14,6	12,5	15,4
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	27,8	14,7	12,1	10,4	12,5
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROEA)	%	65,5	30,7	28,5	26,3	28,6
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROAA)	%	38,2	17,7	18,3	17,7	18,5
4. Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn						
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	45,0	39,0	32,7	32,6	38,1
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	81,9	63,9	48,5	48,4	61,5

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Tình hình tài chính của Công ty vẫn luôn vững mạnh như các năm trước. Lượng Tiền và tương đương tiền lớn giúp đáp ứng đầy đủ nhu cầu kinh doanh và phát triển của Công ty.

Các chỉ số tài chính về khả năng thanh toán ngắn hạn, thanh toán nhanh và thanh toán tiền mặt được giữ xa trên mốc 1 lần cho thấy khả năng thanh khoản của Công ty luôn duy trì ổn định và vững chắc.

HỆ SỐ ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kỳ thu tiền bình quân: Kỳ thu tiền bình quân năm 2015 đã tăng thêm 1,5 ngày so với năm 2014. Chỉ số này gia tăng trong năm nhưng chủ yếu do ảnh hưởng của việc giá dầu giảm mạnh kéo theo doanh thu của Công ty giảm mạnh và ảnh hưởng lên kỳ thu tiền bình quân, trong khi hiệu quả kinh doanh vẫn đang duy trì ở mức cao.

Năm 2015, Công ty tiếp tục hoàn thiện các quy trình thực hiện, các quy chế quản lý liên quan và việc tuân thủ nghiêm quy định kế toán. Điều này giúp cho khoản phải thu ngắn hạn vào cuối năm chỉ còn 132 tỷ đồng, giảm

14% so với cuối năm 2014. Công tác thu hồi nợ xấu cũng được chú trọng và giúp dự phòng phải thu ngắn hạn được thu hẹp chỉ còn 3 tỷ đồng, trong khi đầu năm là 7 tỷ đồng.

Kỳ trả tiền bình quân: Công ty luôn coi trọng việc thực hiện đầy đủ và đúng hạn đối với nghĩa vụ phải trả đối với các đối tác. Điều này đã giúp đảm bảo niềm tin đối với thương hiệu CNG Việt Nam trong suốt 8 năm qua. Không chỉ vậy, các chính sách thanh toán hợp lý đã giúp việc quản lý dòng tiền hoạt động của Công ty đem lại hiệu quả.

Vòng quay hàng tồn kho: Tổng giá trị hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm cuối kỳ là 26 tỷ đồng, chỉ chiếm 4,1% trong tổng tài sản. Công tác quản lý hàng tồn kho luôn được Công ty chú trọng.

Năm 2015, các thiết bị chính đến thời kỳ cần bảo dưỡng, sửa chữa nhiều nên lượng vật tư, dụng cụ, phụ tùng thay thế phục vụ cho bảo dưỡng, sửa

chữa định kỳ và đột xuất gia tăng nhẹ. Điều này đã khiến kỳ lưu kho bình quân gia tăng, tuy vậy số ngày lưu kho là không đáng kể.

Vòng quay tổng tài sản: Vòng quay tổng tài sản năm 2015 chỉ đạt mức 1,5 lần do chịu ảnh hưởng từ việc doanh thu sụt giảm mạnh trước biến động của giá dầu. Ngoài ra, việc đẩy mạnh hoạt động đầu tư vào tài sản cố định nhằm chuẩn bị cho các khách hàng mới của năm 2016 cũng khiến cho chỉ số vòng quay tổng tài sản giảm nhẹ trong năm vừa qua.

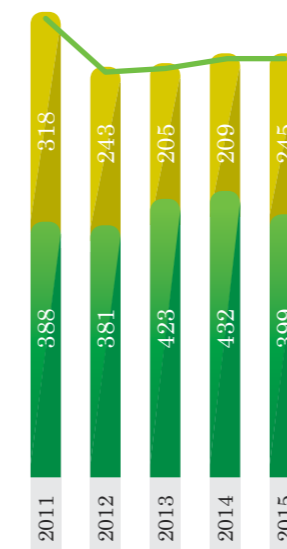
CO CẤU VỐN

Hệ số tổng nợ trên tổng tài sản và tổng nợ trên vốn chủ sở hữu đã gia tăng trong năm 2015 do hoạt động đầu tư mở rộng kinh doanh của Công ty. Nguồn nợ vay dài hạn được ưu tiên sử dụng cho hoạt động đầu tư. Đây được xem là quyết định hợp lý khi mặt bằng lãi suất cho vay vẫn đang đứng ở mức thấp. Tuy cơ cấu nợ gia tăng nhưng tỷ lệ nợ vẫn được duy trì ở mức thấp và an toàn.

CHỈ SỐ SINH LỜI

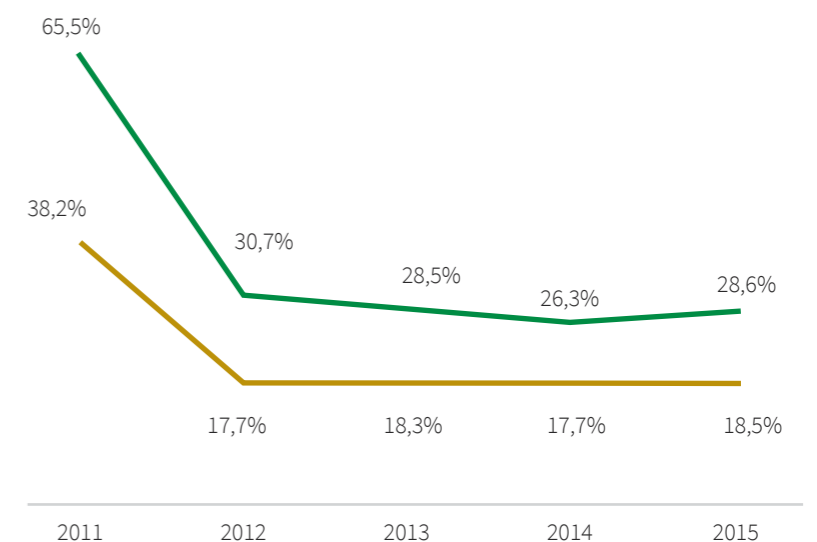
Sự sụt giảm và biến động mạnh của giá khí đã khiến hoạt động kinh doanh của CNG Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong năm 2015. Trước những khó khăn của môi trường kinh doanh, tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV đã nỗ lực không ngừng trong việc phát triển thị trường, tiết kiệm chi phí, gia tăng hiệu quả hoạt động, nhờ đó Công ty vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận 5,5% trong năm 2015, bất chấp doanh thu giảm mạnh 12,5% so với năm 2014. Các chỉ số sinh lời của Công ty như tỷ lệ lãi gộp, lợi nhuận biên, tỷ lệ sinh lời trên vốn chủ sở hữu, tỷ lệ sinh lời trên tổng tài sản đều cải thiện tích cực trong năm 2015. Trong đó, ROE và ROA năm 2015 lần lượt đạt 28,6% và 18,5%, tăng mạnh so với mức 26,3% và 17,7% trong năm 2014.

CO CẤU NGUỒN VỐN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 (Tỷ đồng)



■ Vốn chủ sở hữu
■ Nợ phải trả
■ Tổng nguồn vốn

BIỂU ĐỒ ROE - ROA (2011 - 2015)



— Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)
— Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)



Tóm tắt nội dung

Lượng cung dầu năm 2016 nhiều khả năng tiếp tục dư thừa và khó kỳ vọng giá dầu hồi phục mạnh. Năm 2016 dự báo tiếp tục khó khăn với ngành Dầu khí và CNG Việt Nam.

Yếu tố thuận lợi cho CNG Việt Nam: (1) Làn sóng đầu tư đón đầu các FTA. (2) Thị trường tập trung hoạt động sản xuất công nghiệp. (3) Tiềm năng từ lĩnh vực giao thông vận tải. (4) Thị trường LNG có nhiều cơ hội.

Thách thức của CNG Việt Nam: (1) Cạnh tranh từ nhiên liệu thay thế. (2) Giá dầu biến động phức tạp và sụt giảm. (3) Ngành bất động sản và vật liệu xây dựng có thể giảm tốc. (4) Nhiều thiết bị, máy móc đã hết khấu hao.



Diễn biến GIÁ DẦU năm 2015

Năm 2015 tiếp tục là một năm đen tối đối với dầu thô. Tính chung cả năm, giá dầu đã giảm thêm 39% từ mức 52,7 USD/thùng xuống quanh ngưỡng 32 USD/thùng, đánh dấu 2 năm sụt giảm liên tiếp kể từ cuối năm 2013.

Nhiều chuyên gia kỳ vọng cung cầu dầu thô thế giới năm 2015 sẽ trở lại cân bằng nhờ vào: (1) Giá dầu giảm sẽ có nhiều tác động tích cực đến nền kinh tế toàn cầu, giúp tăng cường đà phục hồi, giảm chi phí sản xuất và kích thích tiêu dùng; (2) Một số tranh chấp, mâu thuẫn địa chính trị trên thế giới giữa Nga, Mỹ và Châu Âu hạ nhiệt và các nước đạt được đồng thuận để hợp tác và phát triển kinh tế, nhờ đó sẽ tăng cường nhu cầu tiêu thụ dầu thô; (3) Ở chiều ngược lại, việc giá dầu sụt giảm có thể khiến các nước sản xuất dầu mỏ thu hẹp sản lượng, tạo ra sự cân bằng cung cầu và thúc đẩy giá dầu hồi phục.

Tuy nhiên, tình hình thực tế lại diễn biến hoàn toàn khác khi cung cầu dầu thô thế giới tiếp tục mất cân đối. Tình trạng thừa cung đã gây áp lực rất lớn lên thị trường dầu thô trong năm 2015 và đẩy giá sụt giảm mạnh.

Triển vọng GIÁ DẦU năm 2016

Có thể thấy lượng cung dầu năm 2016 nhiều khả năng sẽ tiếp tục dư thừa và do đó, khó kỳ vọng giá dầu sẽ hồi phục mạnh. Phần đông các chuyên gia dự đoán giá dầu sẽ dao động từ 25 USD - 35 USD/thùng; còn Goldman Sachs đưa ra kịch bản xấu nhất là giá dầu thô có thể giảm xuống 20 USD/thùng trong năm 2016.

Theo IEA, trong năm 2016, việc giá dầu tiếp tục giảm xuống được dự báo sẽ kích thích nhu cầu tiêu thụ gia tăng thêm 1,2 triệu thùng/ngày so với năm 2015 lên mức 95,6 triệu thùng/ ngày. Nhu cầu tiêu thụ gia tăng sẽ đến chủ yếu từ các nước Châu Á nằm ngoài khối OPEC, trong đó Trung Quốc là tâm điểm. So với năm 2015, tốc độ tiêu thụ dầu được dự báo chậm lại xuất phát từ triển vọng tăng trưởng của thế giới không khả quan, với diễn biến tiêu cực của các thị trường tài chính thế giới cuối năm 2015 và đầu năm 2016 là những dấu hiệu đầu tiên.

Với sự tác động của nhiều yếu tố như cung cầu, yếu tố địa chính trị khiến cho việc dự báo giá dầu trong năm 2016 gặp nhiều khó khăn. Điều này được thể hiện khá rõ khi xuất hiện nhiều kịch bản dự báo được đưa ra. Như vậy, có thể thấy rằng thị trường dầu khí thế giới nhiều khả năng sẽ biến động mạnh trong năm 2016, và đây được dự báo sẽ là một năm khó khăn cho ngành Dầu khí nói chung và CNG Việt Nam nói riêng.

Nguồn CUNG CẤP KHÍ của CNG Việt Nam

PVGas là doanh nghiệp độc quyền trong việc cung cấp khí ở Việt Nam. Hiện nguồn khí của CNG Việt Nam được lấy từ PVGas thông qua đường ống của PVGas-D, do đó nguồn cung khí của Công ty sẽ phụ thuộc chủ yếu vào khả năng cung cấp khí của PVGas. Nguồn khí của PVGas được thu gom từ các bể khí Cửu Long, Nam Côn Sơn, Malay-Thổ Chu, Hàm Rồng (Thái Bình) với tổng công suất hiện tại vào khoảng 11 tỷ m³/năm.



Nhà máy xử lý Khí Tiên Hải của PV GAS cung cấp khí cho CNG Việt Nam tại KCN Tiên Hải, Thái Bình.

Triển vọng KINH DOANH năm 2016

Hưởng lợi từ làn sóng đầu tư đón đầu các Hiệp định thương mại tự do (FTA).

Trong năm 2015 và 2016, nhiều hiệp định thương mại tự do đã và sẽ được Việt Nam ký kết, tham gia. Trong đó, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) là những hiệp định toàn diện, chất lượng cao với những cam kết sâu rộng về cải cách thể chế, mở cửa thị trường và chế tài thực thi nghiêm ngặt. Năm 2016, Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) cũng chính thức được hình thành.

Việc tham gia các mối liên kết này được kỳ vọng sẽ thúc đẩy hoạt động sản xuất trong nước, cũng như thu hút mạnh mẽ dòng vốn nước ngoài đầu tư vào Việt Nam. Có thể thấy rõ điều này khi trong năm 2015, nhiều doanh nghiệp lớn của thế giới đã đổ vốn mạnh vào Việt Nam để đón đầu cơ hội. Một xu hướng khác cũng cần chú ý đó là nhiều doanh nghiệp FDI đã chuyển dịch đầu tư từ Trung Quốc sang Việt Nam để phân tán rủi ro và tận dụng cơ hội từ việc tham gia các hiệp định FTA của Việt Nam. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp cũng đã đẩy mạnh mở rộng quy mô để kịp thời tận dụng cơ hội khi nền kinh tế hội nhập ngày càng sâu rộng.





Triển vọng KINH DOANH năm 2016 (tiếp theo)

**Thị trường tiềm năng với
mức độ tập trung cao của
sản xuất công nghiệp**



Nhân viên CNG Việt Nam tại KCN Tiền Hải, Thái Bình.

Như vậy, việc tham gia các hiệp định thương mại tự do cũng như Cộng đồng Kinh tế ASEAN sẽ thúc đẩy việc mở rộng hoạt động sản xuất, thu hút dòng tiền đầu tư đổ vào Việt Nam. Với những lợi thế cạnh tranh nổi bật, đây

trí chiến lược, nơi tập trung của thị trường tiêu thụ rộng lớn, nhiều trung tâm kinh tế, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, khoa học – kỹ thuật, đầu mối giao thông và giao lưu quốc tế, có lực lượng lao động dồi dào, tay nghề cao, có nhiều cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ, có hệ thống đô thị phát triển...

Hiện tại, khu vực Đông Nam bộ (Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP.HCM, Long An...) và Đồng bằng sông Hồng (Hà Nội, Thái Bình, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Hưng Yên, Hải Phòng...) đã luôn là nơi thu hút mạnh mẽ nhất dòng vốn đầu tư nước ngoài, với lượng vốn FDI liên tục tăng, đặc biệt là doanh nghiệp từ các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore... đầu tư trong nhiều ngành nghề khác nhau. Có thể thấy rõ sự phát triển của các khu vực này khi đây là nơi tập trung số lượng khu công nghiệp (KCN) nhiều nhất cả nước.

Trong thời gian tới, khu vực Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Hồng sẽ tiếp tục là vùng kinh tế trọng điểm của cả nước, và vẫn là thị trường đầy tiềm năng cho việc cung cấp khí CNG cũng như LNG sau này.

Tiềm năng từ lĩnh vực giao thông vận tải: Hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, bảo vệ môi trường sống và bầu khí quyển đang là xu hướng toàn cầu. Với ưu thế là nguồn nhiên liệu sạch với ít chất thải ô nhiễm môi trường và nhiệt lượng cao, khí thiên

sẽ là cơ hội lớn để CNG Việt Nam chinh phục thành công nhiều khách hàng mới, nâng cao sản lượng cấp khí cho khách hàng hiện tại và mở rộng hoạt động kinh doanh của mình.

Thị trường tiềm năng với mức độ tập trung cao của sản xuất công nghiệp: Vùng Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Hồng được dự báo sẽ tiếp tục đóng vai trò là các trung tâm công nghiệp của Việt Nam trong tương lai, là "thời nam châm" thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài đặt cứ điểm sản xuất. Điều này có được là nhờ vị

nhiên (CNG, LNG) ngày càng được sử dụng rộng rãi như là nhiên liệu thay thế cho các loại nhiên liệu truyền thống xăng dầu, than đá..., đặc biệt là ở các nước phát triển Mỹ, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước Châu Âu. Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ khi loại nhiên liệu sạch này đang thu hút sự quan tâm của các doanh nghiệp lẫn Chính phủ.

Bên cạnh lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiềm năng cung cấp khí CNG làm nhiên liệu trong lĩnh vực giao thông vận tải là rất lớn. Hiện sản lượng CNG cung cấp cho các loại xe chạy loại nhiên liệu này chỉ chiếm 0,05% tổng sản lượng cung cấp cho thị trường, với số xe chạy khí CNG chủ yếu ở miền Nam gồm khoảng 100 xe buýt và 300 xe taxi, với lượng khí tiêu thụ từ 3-5 triệu m³/năm.

Tuy vậy, hiện Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi đối với xe buýt sử dụng năng lượng sạch (Quyết định 13/2015/QĐ-TTg và Thông tư 140/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính), trong đó xe buýt sử dụng năng lượng sạch (như CNG) sẽ được miễn lệ phí trước bạ, bên cạnh nhiều ưu đãi như miễn thuế nhập khẩu phụ tùng, linh kiện (trong nước chưa sản xuất được) để lắp ráp, ưu tiên nguồn vốn vay từ nguồn ngân sách và ngân hàng thương mại... như các loại xe buýt thông thường.

Dự báo trong thời gian tới, hoạt động đầu tư cho các xe sử dụng khí CNG sẽ được đẩy mạnh trên cả nước,

điển hình như TP.HCM sẽ đầu tư 300 xe buýt CNG trong năm 2016. Điều này được kỳ vọng sẽ thúc đẩy sản lượng tiêu thụ khí CNG gia tăng trong tương lai gần.

Như vậy, với ưu tiên cho mục tiêu phát triển bền vững ngày càng được chú trọng, khí thiên nhiên đang có nhiều lợi thế cạnh tranh so với các nguồn nhiên liệu khác trong lĩnh vực giao thông vận tải. Điều này được dự báo sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ khí CNG tăng cao và CNG Việt Nam sẽ có nhiều lợi thế khi đang là nhà cung cấp khí hàng đầu thị trường với thị phần hơn 50% và trên thực tế đã cung cấp khí CNG cho các tuyến xe

buýt Becamex Tokyu ở Bình Dương.

Thị trường LNG có nhiều cơ hội: Nhu cầu khai thác và sử dụng khí của Việt Nam vào khoảng 10 tỷ m³/năm. Trong tương lai, nhu cầu tiêu thụ khí được dự báo sẽ gia tăng mạnh lên mức 15 tỷ m³ vào năm 2020 và tiếp tục tăng lên 20 tỷ m³ vào năm 2030, chủ yếu do nhu cầu tiêu thụ của ngành điện gia tăng. Bên cạnh việc tiếp tục tìm kiếm và đẩy mạnh khai thác thì đầu tư mỏ khí tại nước ngoài và nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) đang được ngành Dầu khí đẩy mạnh. Thị trường phân phối LNG đối với CNG Việt Nam sẽ rất tiềm năng trong tương lai.



Cung cấp khí CNG cho các tuyến xe buýt Becamex Tokyu ở Bình Dương.



THÁCH THỨC trong năm 2016

Cạnh tranh từ các nguồn nhiên liệu thay thế như biomass, than sẽ tiếp tục tăng cao.

Với ưu thế giá thành rẻ hơn khoảng 20 - 25%, nguồn cung dồi dào, chi phí chuyển đổi sử dụng thấp khiến cho nhiều doanh nghiệp chuyển hướng sang nguồn nguyên liệu thay thế này. Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp lựa chọn nguồn nhiên liệu giá rẻ để giảm chi phí sản xuất, gia tăng khả năng cạnh tranh.

Giá dầu được dự báo sẽ tiếp tục biến động phức tạp và sụt giảm. Cơ chế giá khí đầu vào và đầu ra của CNG Việt Nam nay được tính dựa trên giá

dầu thế giới. Điều này khiến hoạt động kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng đáng kể nếu giá dầu cứ tiếp tục giảm.

Ngành bất động sản và vật liệu xây dựng có khả năng giảm tốc. Ngành bất động sản đã hồi phục tích cực trong năm 2015 nhờ các chính sách hỗ trợ và các gói kích cầu được Chính phủ ban hành. Điều này đã tác động tích cực gián tiếp lên nhóm khách hàng sản xuất vật liệu xây dựng của Công ty. Đây là nhóm khách hàng chiếm tỷ trọng lớn trong tiêu thụ khí và đã có tác động tích cực lên hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2015. Tuy nhiên, thị trường bất động sản năm 2016 nhiều khả năng sẽ không còn duy trì được đà hồi phục mạnh như năm qua nếu Dự thảo sửa đổi Thông tư 36/2014/TT-NHNN được thông qua. Theo đó, quy định này sẽ hạn chế nguồn vốn của ngân hàng thương mại đối với cho vay lĩnh vực bất động sản, theo quan điểm của cơ quan quản lý là nhằm để kiểm soát rủi ro bong bóng bất động sản cũng như hoạt động của các ngân hàng.

Nhiều thiết bị, máy móc đã hết khấu hao. Điều này sẽ khiến chi phí bảo dưỡng, sửa chữa của Công ty gia tăng. Bên cạnh đó, việc bảo dưỡng cũng sẽ khiến thời gian tạm dừng hoạt động của máy móc, trang thiết bị tăng và ảnh hưởng lên hoạt động sản xuất của Công ty.



Ngành bất động sản và vật liệu xây dựng có khả năng giảm tốc vì quy định hạn chế nguồn vốn của ngân hàng thương mại đối với cho vay lĩnh vực bất động sản.

VỊ THẾ cạnh tranh qua phân tích Mô hình Five Forces

Trước những biến động phức tạp của thị trường dầu khí thế giới cũng như thách thức liên tục từ bối cảnh kinh tế trong nước, Ban lãnh đạo cho rằng sẽ rất hữu ích nếu xác định được vị thế cạnh tranh của CNG Việt Nam, từ đó có định hướng chiến lược phù hợp để không ngừng cải thiện thế mạnh cạnh tranh cốt lõi và gia tăng uy tín, hiệu quả hoạt động kinh doanh.



Chúng tôi đã sử dụng Mô hình phân tích cạnh tranh Five Forces của Michael Porter để phục vụ cho mục đích phân tích này.

TÁC ĐỘNG TỪ PHÍA NHÀ CUNG CẤP: THẤP

Nguồn nguyên liệu để sản xuất khí CNG là khí tự nhiên được lấy trực tiếp từ Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas) thông qua hệ thống đường ống của PVGas-D. PVGas hiện là doanh nghiệp độc quyền trong kinh doanh và phân phối khí thiên nhiên trên thị trường Việt Nam. Do đó, nguồn cung của CNG Việt Nam sẽ chịu tác động mạnh từ chính sách của PVGas. Tuy nhiên, CNG Việt Nam luôn nhận được sự hỗ trợ từ PVGas trong suốt thời gian hoạt động và từ năm 2016, Công ty cũng trở thành công ty con của PVGas nên rủi ro về nguồn cung là khá thấp.

TÁC ĐỘNG TỪ PHÍA CẦU: VỪA PHẢI

Như phân tích trong phẩm Triển vọng thị trường, nhu cầu sử dụng khí CNG còn rất lớn và CNG Việt Nam có vị thế vững chắc trong ngành. Tuy nhiên, khí CNG chưa được sử dụng rộng rãi, và thị trường vẫn đang trong quá trình phát triển khách hàng. Do đó, khả năng đàm phán giá từ phía khách hàng chỉ ở mức vừa phải.

ĐỐI THỦ CẠNH TRANH: VỪA PHẢI

Tất cả các công ty cung cấp khí CNG trên thị trường Việt Nam hiện nay đều trực thuộc PVGas và hoạt động có sự bổ sung cho nhau, do đó mức độ cạnh tranh chỉ ở mức trung bình.

SẢN PHẨM THAY THẾ: VỪA PHẢI

CNG phải cạnh tranh với nhiều sản phẩm thay thế như khí biomass, than đá... với giá thành rẻ hơn. Trong đó, khí biomass được xem là đối thủ lớn nhất của CNG. Tuy vậy, mức độ cạnh tranh chỉ ở mức vừa phải do nguồn cung biomass chưa đáp ứng đủ nhu cầu, nhu cầu tăng dẫn đến nguồn cung nguyên vật liệu sản xuất khí biomass thiếu hụt nên chi phí cũng đã gia tăng trong thời gian gần đây.

RÀO CẢN GIA NHẬP NGÀNH: CAO

Hoạt động kinh doanh khí CNG là ngành có nhiều đặc thù như yêu cầu cao về quy mô, kỹ thuật, công nghệ, trang thiết bị, nguồn nhân lực đòi hỏi tính chuyên môn riêng biệt... Do đó, rào cản gia nhập ngành là khá cao.



về THỊ TRƯỜNG & KINH DOANH

Tóm tắt nội dung

Thực hiện đồng bộ các định hướng về (1) Thị trường và kinh doanh, cũng như (2) Quản lý và điều hành với giải pháp cụ thể cho từng mảng hoạt động.

Kế hoạch năm 2016 với sản lượng tiêu thụ đạt mức 110 triệu Sm³ khí, tăng 16,6% so với thực hiện năm 2015.

Trước những khó khăn và thách thức của ngành cũng như những khó khăn riêng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của CNG Việt Nam; để giữ vững đà tăng trưởng như các năm vừa qua, thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh doanh cho năm 2016, Công ty đưa ra các giải pháp khi điều kiện thị trường, giá cả có biến động, cụ thể như sau:



Nhân viên CNG Việt Nam chi nhánh miền Bắc.

- ★ CNG Việt Nam sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác quan hệ khách hàng và phát triển thị trường thông qua tiếp xúc, quảng bá hình ảnh, quảng bá sản phẩm CNG, các chính sách bán hàng và chính sách hỗ trợ hợp lý.
- ★ Áp dụng chính sách linh hoạt trong việc chiết khấu giá và có chính sách khuyến khích khách hàng theo từng khu vực cũng như từng giai đoạn nhằm tăng sản lượng tiêu thụ, tránh tình trạng khách hàng chuyển sang sử dụng nhiên liệu khác trên nguyên tắc đảm bảo lợi nhuận cho Công ty và ổn định sản xuất cho khách hàng. Công ty tiếp tục phát triển dịch vụ và công tác hỗ trợ nhằm tạo ra điều kiện tốt nhất cho các khách hàng đã nhận khí.
- ★ Phát triển theo hướng đa dạng hóa khách hàng nhằm đảm bảo sự ổn định và giảm tính phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định, với các chiến lược đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, tìm kiếm khách hàng mới.
- ★ Áp dụng các hình thức bán hàng đa dạng như: bán tại hộ tiêu thụ, bán tại nhà máy, qua các trạm trung tâm nhằm phát triển nhanh khách hàng, giảm chi phí đầu tư và nguồn nhân lực trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả và bền vững.
- ★ Tiếp tục đẩy mạnh phát triển thị trường miền Bắc nhằm gia tăng sản lượng, giảm bớt ảnh hưởng tiêu cực từ việc giá dầu giảm và để nâng cao lợi nhuận.
- ★ Luôn luôn tìm tòi các công nghệ sản xuất kinh doanh CNG mới trong khu vực và trên thế giới. Từ đó, áp dụng linh hoạt và hiệu quả để gia tăng lợi ích tối đa cho khách hàng và phát triển thị trường.
- ★ Thành lập bộ phận chuyên trách về giám sát và dự báo giá dầu nhằm bám sát diễn biến thị trường dầu khí thế giới và có các giải pháp kịp thời ứng phó với những biến động xấu nhất. Phối hợp cùng các phòng ban để đưa ra giải pháp phù hợp, trong đó tập trung vào các giải pháp thị trường phù hợp, giải pháp cân đối dòng tiền, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- ★ Xây dựng chiến lược kinh doanh LNG nhằm đón đầu thị trường trong thời gian tới.
- ★ Phối hợp chặt chẽ với PVGas, PVGas South, PVGas-D nhằm đảm bảo có được nguồn cung cấp khí ổn định, liên tục và cơ chế giá thành hợp lý.

về QUẢN LÝ & ĐIỀU HÀNH

Sản xuất, vận chuyển, phân phối CNG

- ★ Chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ đầy đủ cho công tác sản xuất và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện nhằm đảm bảo máy móc thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất.
- ★ Chú trọng công tác bảo trì, bảo dưỡng đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận chuyển luôn tuân theo quy định của nhà sản xuất và kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa nhằm giảm thiểu thời gian dừng vận hành do sự cố. Công ty sẽ tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu cho các Cán bộ kỹ thuật để làm chủ được công tác bảo dưỡng, sửa chữa, xử lý sự cố tất cả các máy móc thiết bị sản xuất.
- ★ Tiếp tục triển khai các biện pháp quản lý an toàn một cách hiệu quả để giảm thiểu tai nạn, sự cố. Trong chiến lược quản trị rủi ro, quyết liệt xử lý và loại bỏ tình trạng mất an toàn thông qua việc cải tiến, cập nhật phiên bản mới, duy trì và áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008 và ISO 14001:2004 vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đầu tư

- ★ Nắm bắt triệt để các cơ hội đầu tư, tiến hành nghiên cứu, đánh giá các dự án đầu tư nhằm đảm bảo hiệu quả kinh tế cao nhất.
- ★ Theo dõi, giám sát, đôn đốc chặt chẽ quá trình đầu tư nhằm đảm bảo các dự án được triển khai, hoàn thành đạt chất lượng và đúng tiến độ đề ra. Các thủ tục, hồ sơ được tiến hành đúng theo quy trình, quy định của pháp luật và Công ty nhằm loại bỏ các rủi ro về mặt pháp lý.

Tài chính

- ★ Ưu tiên, chủ động thu xếp nguồn vốn để phục vụ các dự án đầu tư và sản xuất kinh doanh.
- ★ Giám sát chi phí, quản lý công nợ hiệu quả, hạn chế tình trạng nợ quá hạn của khách hàng. Các nguồn vốn, quỹ được sử dụng linh hoạt nhằm tăng thêm thu nhập từ hoạt động tài chính.

Tổ chức, nhân sự và phát triển nguồn lực

- ★ Công ty sẽ tiến hành rà soát cơ cấu tổ chức, bộ máy, cách thức tổ chức sản xuất nhằm đảm bảo phù hợp với sự phát triển của Công ty trong từng giai đoạn.
- ★ Xem xét tái cấu trúc hệ thống tiền lương phù hợp với thị trường, phù hợp với chính sách của Tập đoàn để thu hút nguồn nhân lực có phẩm chất, trình độ, tay nghề, kinh nghiệm làm nền tảng cho sự phát triển của CNG Việt Nam trong tương lai.
- ★ Duy trì môi trường làm việc hiệu quả, các chính sách đãi ngộ đối với người lao động hợp lý, theo hiệu quả công việc, nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động.
- ★ Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đào tạo. Xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả của người lao động, xác định những điểm mạnh, điểm yếu còn tồn tại; từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp cho người lao động.



Nhân viên CNG Việt Nam trao đổi thẳng thắn và cởi mở.



KẾ HOẠCH CỤ THỂ CHO NĂM 2016

Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 được CNG Việt Nam xây dựng dựa trên tình hình thực hiện năm 2015, công suất của nhà máy và khả năng vận chuyển của Công ty. Với các kịch bản giá dầu khác nhau, CNG Việt Nam cũng xây dựng các kế hoạch doanh thu và các chỉ tiêu tài chính phù hợp để đảm bảo tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, đảm bảo các nhiệm vụ kinh tế cho năm tài chính 2016.

Vận hành an toàn, cấp khí thường xuyên, liên tục và ổn định cho các khách hàng với sản lượng khí tiêu thụ theo kế hoạch năm 2016 là 110 triệu Sm³, tăng 16,6% so với thực hiện năm 2015.

- ★ Tăng cường hiệu quả trong sản xuất kinh doanh: giảm chi phí sản xuất kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận.
- ★ Mở rộng và phát triển thị trường tại các khu công nghiệp mới ở phía Nam và Bắc bộ. Đa dạng hóa các mô hình kinh doanh khác, đa dạng hóa khách hàng sử dụng CNG.
- ★ Đa dạng hóa nguồn vốn, huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau có hiệu quả.
- ★ Hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng các dự án đầu tư và tiết kiệm chi phí.
- ★ Duy trì, cải tiến và áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ★ Tuân thủ các quy định của pháp luật về nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán nhằm công khai minh bạch thông tin đến các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Kế hoạch đầu tư

- ★ Tiếp tục thực hiện đầu tư dự án “Phát triển thị trường”;
- ★ Tiếp tục thực hiện dự án cấp khí cho Viglacera (giai đoạn 2) theo tiến độ nhận khí của khách hàng;
- ★ Tiếp tục thực hiện đầu tư dự án “Phát triển thị trường miền Bắc”;
- ★ Thực hiện lắp đặt 03 PRU cho khách hàng mới;
- ★ Thực hiện đầu tư mua và lắp đặt 01 máy nén CNG, 10 bồn và 10 rơmoóc vận chuyển CNG và chuyển đổi hệ thống nhiên liệu (bổ sung cho dự án cấp khí cho Kính Viglacera giai đoạn 2).



Trạm giảm áp PRU tại Công ty Toto - KCN Bắc Thăng Long, Hà Nội.



Văn phòng Chi nhánh miền Bắc của CNG Việt Nam - Tầng 21, CEO Tower, Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

CHỦ ĐỘNG GIẢI PHÁP LINH HOẠT THEO THỊ TRƯỜNG

Chủ động áp dụng chính sách giá bán linh hoạt cho từng khách hàng, đàm phán giá khí đầu vào, đảm bảo biên lợi nhuận trước những chuyển biến của thị trường dầu khí thế giới. Mở rộng khách hàng doanh nghiệp nhiều ngành nghề nhằm hạn chế rủi ro, xây dựng và giữ gìn uy tín thương hiệu, khẳng định năng lực cạnh tranh hàng đầu trên thị trường CNG cả nước.





Tóm tắt nội dung

HDQT đã luôn theo sát thị trường, diễn biến kinh doanh, kinh tế vĩ mô để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp. Tập thể Công ty đã cố gắng, nỗ lực để hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2015.

HDQT tiếp tục định hướng chiến lược quan trọng của Công ty là: (1) Trở thành nhà cung cấp khí CNG hàng đầu ở Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ CNG, dẫn đầu về thị phần CNG. (2) Phát triển thị trường CNG ở miền Nam, miền Bắc, và đón đầu tiêu thụ LNG.

Thị trường dầu khí thế giới trong năm 2015 biến động dữ dội và giá dầu tiếp tục giảm sâu xuống chỉ còn khoảng 32 USD/thùng tại thời điểm cuối năm, giảm mạnh nhất kể từ năm 2008. Giá dầu giảm đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của nhiều doanh nghiệp thuộc nhóm dầu khí. Ngoài ra, áp lực cạnh tranh từ các loại nhiên liệu thay thế cũng làm Công ty gặp không ít trở ngại.

Hội đồng Quản trị (HDQT) Công ty đã luôn theo sát các biến động của thị trường, diễn biến hoạt động kinh doanh, triển vọng kinh tế vĩ mô để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp với tình hình thực tế. Nhìn chung, tập thể Công ty đã cố gắng nỗ lực để hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2015.



Nhà máy sản xuất khí CNG của CNG Việt Nam tại KCN Phú Mỹ I.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC SẢN XUẤT VÀ AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT

Trong hoạt động kinh doanh của mình, CNG Việt Nam luôn đặt công tác an toàn trong sản xuất, vận chuyển và phân phối lên hàng đầu. Công ty đã không ngừng duy trì và cải tiến phương pháp vận hành nhằm tạo ra kết quả sản xuất tối ưu và an toàn nhất. Công ty đã và đang áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý an toàn theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2005 vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Trong năm 2015, trên cơ sở kế hoạch được HDQT phê duyệt, Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra giám sát đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015 là 233,86 tỷ đồng.



Trạm cấp khí trung tâm của CNG Việt Nam - KCN Mỹ Phước 3, Bình Dương - Mở rộng đối tượng khách hàng sang các phương tiện giao thông vận tải.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Năm 2015, bộ phận Tài chính – Kế toán đã tham mưu cho Ban điều hành triển khai tốt các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, xây dựng nhiều giải pháp để thu tiền hàng, đối chiếu công nợ, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, tính toán, cân đối hợp lý nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để phát huy hơn nữa vai trò kiểm tra, kiểm soát và tham mưu cho HDQT, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện chính sách tiền tệ luôn thay đổi, quy mô tài sản của Công ty ngày càng lớn, HDQT yêu cầu công tác tài chính chú trọng những vấn đề sau:

- ★ Chủ động thu xếp các nguồn vốn để phục vụ cho các dự án đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ★ Thực hiện quản lý chi phí, công nợ hiệu quả, hạn chế tình trạng nợ quá hạn của khách hàng.
- ★ Luôn chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn như: công tác thu hồi công nợ cần được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi, khống chế công nợ, thực hiện trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- ★ Phối hợp với các ban, nhà máy để hoạch định nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ★ Phối hợp thực hiện công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo đúng các quy định của pháp luật.
- ★ Thực hiện việc phân tích kinh tế định kỳ nhằm kịp thời tham mưu cho Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác đào tạo cũng được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao tay nghề, trình độ của nhân viên, chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai gần. Việc trả lương, thưởng và sử dụng các quỹ thực hiện đảm bảo công bằng, minh bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt. Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), các nghị quyết và quyết định của HDQT trong công tác quản lý và điều hành. Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các bộ phận liên quan để hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận đề ra.

Ban Tổng Giám đốc nhận thức rõ khó khăn và thách thức mà Công ty phải đối mặt nên đã đưa ra những giải pháp linh hoạt trong công tác điều hành cũng như hoạt động kinh doanh nhằm kiểm soát có hiệu quả các hoạt động của Công ty, có chiến lược kinh doanh phù hợp định hướng.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Dựa trên hoạt động kinh doanh cốt lõi, những thành tích đã đạt được và nhận định về thị trường trong giai đoạn tiếp theo, HĐQT đã đưa ra kế hoạch và định hướng phát triển của CNG Việt Nam như sau:

- ★ Xây dựng và phát triển CNG Việt Nam bền vững, trở thành nhà cung cấp khí CNG hàng đầu ở Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ CNG, dẫn đầu về thị phần CNG trên thị trường.
- ★ Xây dựng và phát triển thương hiệu CNG Việt Nam trở thành một thương hiệu có uy tín trong nước và khu vực.
- ★ Đa dạng hóa các mô hình kinh doanh khác, đa dạng hóa khách hàng sử dụng CNG.
- ★ Đa dạng hóa nguồn vốn, huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau có hiệu quả.
- ★ Mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ CNG ở miền Nam, miền Bắc, và đón đầu tiêu thụ LNG trong thời gian tới.
- ★ Duy trì, cải tiến và áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ★ Tuân thủ các quy định của pháp luật về nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán nhằm công khai minh bạch thông tin đến các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên HĐQT tại Công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT, 04 thành viên trong đó 02 thành viên kiêm nhiệm Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc, 01 thành viên không điều hành và 01 thành viên HĐQT độc lập. Số lượng nắm giữ cổ phần đến ngày 31/12/2015 tại CNG Việt Nam của HĐQT như sau:

Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	CP nắm giữ cá nhân	Tổng số CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	4.200.000	69.030	4.269.030	15,81	Điều hành
2	Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	4.000.000	67.006	4.067.006	15,06	Điều hành
3	Ông Trần Văn Nghị	Thành viên HĐQT	3.600.000	0	3.600.000	13,33	Không điều hành
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên HĐQT	3.104.263	0	3.104.263	11,50	Điều hành
5	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT	0	625	625	0,002	Độc lập

Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Không có.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2015: Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, HĐQT đã tổ chức 01 phiên họp ĐHCĐ thường niên, 04 phiên họp HĐQT thường kỳ và nhiều lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT trong năm 2015. Cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-HĐQT	10/01/2015	Nghị quyết hợp HĐQT quý 4/2014.
02	34/QĐ-CNG	05/02/2015	QĐ phê duyệt cơ cấu tổ chức và thang bảng lương chức danh cho các chức danh lãnh đạo, quản lý của Chi nhánh miền Bắc.
03	03/NQ-HĐQT	25/03/2015	Nghị quyết hợp HĐQT quý 1/2015.
04	104/QĐ-CNG	14/4/2015	QĐ phê duyệt dự án đầu tư phát triển thị trường miền Bắc.
05	05/NQ-HĐQT	08/06/2015	Nghị quyết HĐQT về chi trả 15% cổ tức còn lại năm 2014 bằng tiền mặt.
06	184/QĐ-HĐQT	01/07/2015	QĐ phê duyệt Bộ định mức Kinh tế - Kỹ thuật cho vận hành, vận chuyển, bảo dưỡng sửa chữa và an toàn của CNG Việt Nam.
07	06/NQ-HĐQT	02/07/2015	Nghị quyết hợp HĐQT quý 2/2015.
08	262/QĐ-HĐQT	26/8/2015	QĐ phê duyệt quy chế làm việc của HĐQT (sửa đổi lần 3).
09	07/NQ-HĐQT	02/10/2015	Nghị quyết hợp HĐQT quý 3/2015.
10	352/QĐ-CNG	03/12/2015	QĐ bổ nhiệm ông Nguyễn Nguyên Vũ giữ chức Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh.
11	08/NQ-HĐQT	10/12/2015	Nghị quyết về tạm ứng 15% cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt.
12	379/QĐ-CNG	28/12/2015	QĐ phê duyệt định mức tiêu hao nhiên liệu cho máy nén khí hiệu IMW tại Nhà máy CNG Phú Mỹ.
13	09/NQ-HĐQT	30/12/2015	Nghị quyết hợp HĐQT quý 4/2015.

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành tham gia đầy đủ các cuộc họp và giải quyết các vấn đề liên quan đến HĐQT. Các thành viên độc lập, không điều hành đảm bảo CNG Việt Nam cân bằng hài hòa lợi ích

giữa các nhóm cổ đông Công ty, lợi ích của nhà nước, của người lao động trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các thành viên này có vai trò quan trọng trong việc tăng cường hiệu quả hoạt động, tính minh bạch của bộ máy quản trị Công ty.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị: HĐQT chưa lập ra các tiểu ban do chưa phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, HĐQT đã tổ chức 01 phiên họp ĐHCĐ thường niên, 04 phiên họp HĐQT thường kỳ và nhiều lần lấy ý

kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT trong năm 2015. Cụ thể như sau:

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm TGD
2	Ông Trần Văn Nghị	Thành viên HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên HĐQT
4	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT độc lập

Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm 2015

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm TGD
3	Ông Trần Văn Nghị	Thành viên HĐQT
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên HĐQT kiêm PTGD
5	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	CP nắm giữ cá nhân	Tổng số CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ông Huỳnh Lâm Kiệt	Trưởng BKS	0	16	16	-	Kiểm nhiệm
4	Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên BKS	0	354	354	-	Kiểm nhiệm
5	Bà Phạm Thị Loan Phượng	Thành viên BKS	0	86	86	-	Kiểm nhiệm

Hoạt động của Ban Kiểm soát: Trong năm 2015, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- ★ Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Xem xét tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội quy, quy định, văn bản của Công ty.
- ★ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót, từ đó góp ý cho công tác quản trị trong việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm tra tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn trong các khoản mục đầu tư.
- ★ Kiểm tra các chứng từ kế toán về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ, kiểm soát sự tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành. Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm trước và sau kiểm toán.

Kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

Năm 2015, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ giao trên ở các chỉ tiêu: Sản lượng tiêu thụ thực hiện năm 2015 là 94,3 triệu Sm³, đạt 111% so với kế hoạch; lợi nhuận sau thuế thực hiện 118,7 tỷ đồng, đạt 108% so với kế hoạch. Trong khi đó, doanh thu thực hiện 950 tỷ đồng, chỉ hoàn thành 89% kế hoạch do ảnh hưởng từ việc giá dầu thế giới giảm mạnh trong năm.

Công ty tổ chức vận hành liên tục, an toàn hệ thống cấp khí cho khách hàng cũng như bảo vệ an toàn các trạm khí

và hành lang an toàn tuyến ống; thực hiện hoàn thành kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ và kế hoạch bảo hộ lao động năm 2015.

Công ty tiếp tục thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí; thực hiện cải tiến chính sách tiền lương và phân phối lương, thưởng theo hướng gắn với hiệu quả công việc.

Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành

Về thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHĐCĐ quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể. Ban Tổng Giám đốc căn cứ nghị quyết, quyết định

của HĐQT triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời và có những ứng xử linh hoạt để đạt được kết quả tốt nhất.

Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn, công tác thu hồi công nợ được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi, thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định.

Về việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong quản lý, điều hành

Công tác đầu tư: Đầu tư tài sản cố định của Công ty đã thực hiện đúng Điều lệ. Công tác đầu tư xây dựng được thực hiện tuân thủ đúng các quy định của Luật đầu thầu, các quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình.

Chế độ báo cáo: Công ty đã chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, mua bán cổ phiếu

quỹ, tạm ứng cổ tức, thay đổi, bổ sung nhân sự cấp cao... được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông, nhà đầu tư.

Việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ

Được thực hiện chặt chẽ, cẩn trọng trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với quy định của pháp luật. Thông qua các ý kiến đóng góp vào dự thảo đã phát huy được trí tuệ tập thể, do đó các quy định khi ban hành có tính khả thi cao, thực sự là công cụ hữu hiệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát hiện tại có 03 thành viên. Với kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, các thành viên Ban Kiểm soát luôn xác định được vai trò trách nhiệm thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo quy định nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho các cổ đông của CNG Việt Nam.

Trong suốt năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã nỗ lực giám sát hoạt động kinh doanh, phát hiện và ngăn chặn kịp

thời những vấn đề sai phạm, sai sót nhằm đảm bảo hoạt động Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ cũng như thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ để ra hàng năm. Đồng thời Ban Kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.



Ban Kiểm soát thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo quy định nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho cổ đông.



Trạm cấp khí trung tâm của CNG Việt Nam - KCN Mỹ Phước 3, Bình Dương.

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016**

Để thực hiện tốt công tác soát xét theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch làm việc năm 2016 như sau:

- ★ Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty.
- ★ Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- ★ Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của Công ty.
- ★ Giám sát, kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư và hiệu quả xây lắp tại các công trình.
- ★ Xem xét thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của Công ty.
- ★ Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban Kiểm soát tại các đơn vị với bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.
- ★ Cử các thành viên trong Ban Kiểm soát tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia đầy đủ các hội nghị chuyên ngành liên quan đến công tác kiểm soát.



GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Công ty áp dụng chế độ lương cho Ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc

lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của CNG Việt Nam. Tiền thưởng Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế, áp dụng theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên về Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng số tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	922.174.689	Chuyên trách
2	Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	885.529.407	Kiểm nhiệm
3	Ông Trần Văn Nghị	Thành viên HĐQT	33.200.000	Kiểm nhiệm
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên HĐQT	755.975.026	Kiểm nhiệm
5	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT	728.082.004	Độc lập

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng số tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Ông Huỳnh Lâm Kiệt	Trưởng Ban KS	41.250.000	Kiểm nhiệm
2	Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên BKS	33.600.000	Kiểm nhiệm
3	Bà Phạm Thị Loan Phượng	Thành viên BKS	33.600.000	Kiểm nhiệm

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng số tiền (Đồng)	Ghi chú
1	Ông Đặng Văn Vĩnh	Tổng Giám đốc	Như trên	
2	Ông Trần Quang Đán	Phó TGD	744.020.041	
3	Ông Bùi Văn Đản	Phó TGD	728.177.303	
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Phó TGD	Như trên	
5	Ông Nguyễn Nguyên Vũ	Phó TGD	60.150.207	Bổ nhiệm từ ngày 03/12/2015
6	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Kế toán trưởng	704.811.734	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan: Năm 2015, CNG Việt Nam không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật về quản trị công ty.



Môi trường kinh doanh biến động không ngừng, hoạt động sản xuất kinh doanh phức tạp khiến CNG Việt Nam nói riêng và các doanh nghiệp nói chung luôn phải đối diện với nhiều bất trắc ngoài ý muốn tác động tiêu cực đến sự phát triển bền vững của mình. Thêm vào đó, lĩnh vực sản xuất và phân phối khí nén là một lĩnh vực yêu cầu kỹ thuật cao, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong tất cả các khâu sản xuất, vận chuyển, ... khiến công tác quản trị rủi ro càng có tầm quan trọng đối với CNG Việt Nam.

NHẬN THỨC ĐƯỢC TẦM QUAN TRỌNG NÀY, Ở CNG VIỆT NAM, QUẢN TRỊ RỦI RO LUÔN NHẬN ĐƯỢC SỰ QUAN TÂM SÂU SÁT CỦA BAN LÃNH ĐẠO, LUÔN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ SONG HÀNH TRONG CHIẾN LƯỢC SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP. CNG VIỆT NAM QUAN NIỆM QUẢN TRỊ RỦI RO KHÔNG CHỈ LÀ GIẢI QUYẾT KỊP THỜI, HIỆU QUẢ CÁC TÌNH HUỐNG XẢY RA MÀ QUAN TRỌNG HƠN LÀ CÓ KHẢ NĂNG SỚM DỰ BÁO CÁC RỦI RO VÀ ĐƯA RA BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, KHẮC PHỤC ĐỂ HẠN CHẾ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC, ĐỒNG THỜI KHÔNG NGỪNG ĐÁNH GIÁ ĐỂ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TOÀN DIỆN.



RỦI RO VỀ
NHU CẦU
NHIÊN LIỆU



RỦI RO VỀ
KHOẢN PHẢI THU



RỦI RO VỀ
AN TOÀN
LAO ĐỘNG



RỦI RO VỀ
QUẢN LÝ NHÂN SỰ



RỦI RO VỀ
LÃI SUẤT



RỦI RO VỀ
GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO



CƠ CHẾ QUẢN TRỊ RỦI RO tại CNG Việt Nam

Hệ thống quản trị rủi ro sẽ tạo nền tảng để doanh nghiệp có những bước đi vững chắc trên định hướng “Phát triển bền vững”.

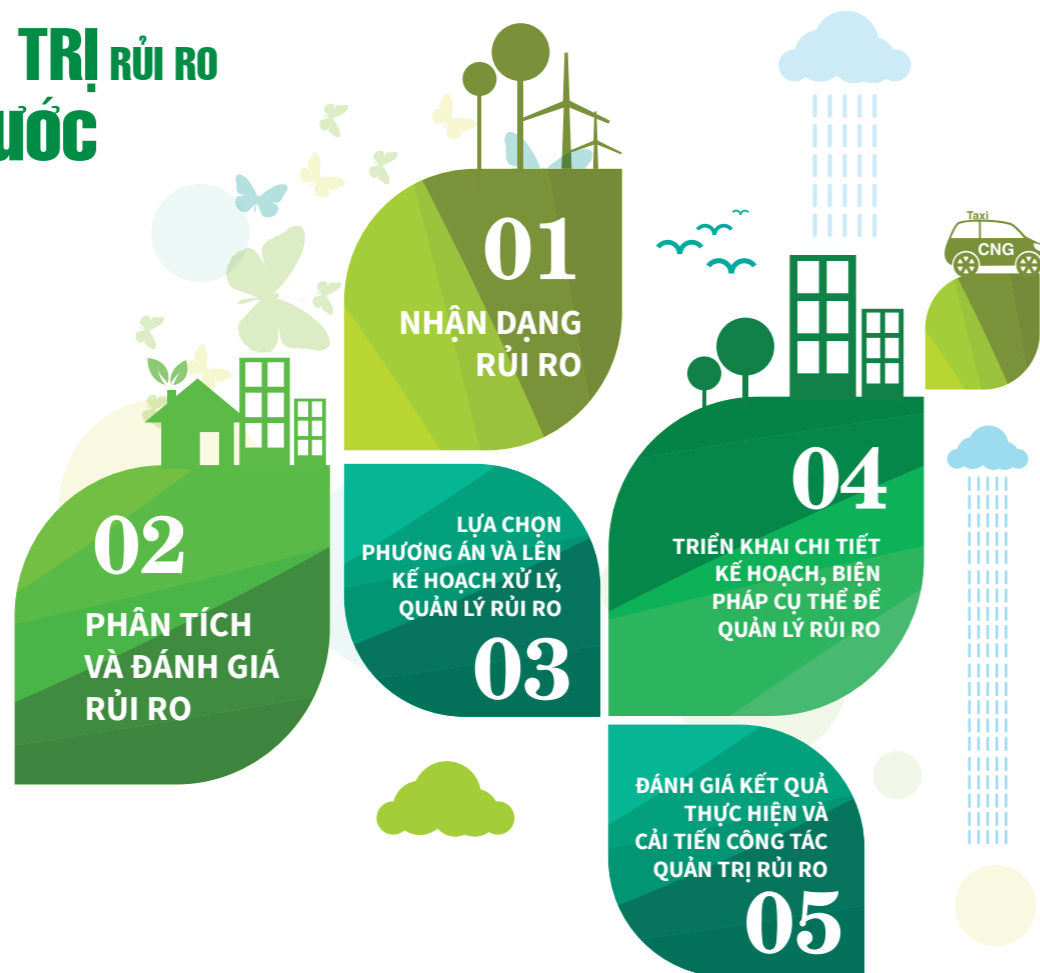
Dựa trên đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh và cơ cấu tổ chức, CNG Việt Nam không có bộ phận quản trị rủi ro chuyên biệt, mà

thay vào đó, các phòng ban liên quan dựa vào chức năng nhiệm vụ của mình để xây dựng các quy trình, đánh giá và thực hiện công tác quản trị rủi ro cho hoạt động liên quan.

Công ty đầu tư cho việc nghiên cứu, phân tích đánh giá bản chất các loại rủi ro và đưa giải pháp tối ưu nhất với nguồn lực hiện có của Công ty thông qua việc cân đối chi phí của rủi ro và chi phí quản lý rủi ro nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho doanh nghiệp.

Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng thành các quy định cụ thể, với sự nhất quán trong toàn bộ máy quản lý của Công ty thông qua việc quảng bá sâu rộng các kiến thức về rủi ro. Trong thực tế, môi trường kinh doanh luôn thay đổi, các tình huống sẽ diễn ra bất ngờ, Công ty luôn không ngừng nghiên cứu, chỉ ra các rủi ro mới, nhằm tích hợp linh hoạt, kịp thời các biện pháp giải quyết. Không chỉ đảm bảo tốt việc vận hành an toàn hiện hữu, điều này còn giúp doanh nghiệp kịp thời nắm bắt các cơ hội thị trường.

Quy trình QUẢN TRỊ RỦI RO 5 bước



Các loại RỦI RO có **ẢNH HƯỞNG MẠNH NHẤT** đến CNG Việt Nam được phân theo các nhóm chính

rủi ro về **GIÁ KHÍ** đầu vào

BẢN CHẤT RỦI RO

CNG Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực phân phối khí nén CNG, với lợi nhuận thu được phụ thuộc rất lớn vào chênh lệch giá đầu ra và đầu vào của sản phẩm.

Giá khí đầu vào của Công ty được quyết định bởi PVGas và vận chuyển thông qua đường ống của PVGas-D. Theo lộ trình tăng giá khí của PVGas, giá khí đầu vào sẽ tăng 10% trong những năm tiếp theo đến năm 2017, đây là lúc nhập khẩu khí LNG. Tuy nhiên, từ năm 2015, Công ty đã đàm phán thành công để thay đổi cơ chế tính giá khí đầu vào; cụ thể, giá khí đầu vào sẽ được thả nổi theo giá dầu thế giới. Tuy giảm bớt được áp lực từ việc gia tăng giá khí đầu vào nhưng sự biến động mạnh của giá dầu thế giới vẫn sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

- ★ Công ty liên tục theo sát diễn biến và tiến hành dự báo giá dầu thế giới để có những điều chỉnh phù hợp trong giá bán. Đối với giá khí đầu ra, Công ty tiến hành đàm phán với khách hàng theo từng tháng nhằm giảm thiểu rủi ro do sự biến động của giá dầu, gia tăng hiệu quả kinh doanh cho cả khách hàng và Công ty.
- ★ Công ty đẩy mạnh phát triển thị trường để tăng sản lượng, áp dụng chính sách giá linh hoạt để phù hợp với thị trường tại từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng và từng khu vực.
- ★ Thắt chặt mối quan hệ với nhà cung cấp thông qua việc xây dựng uy tín bằng thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán và các yêu cầu liên quan.
- ★ Xây dựng kế hoạch ngân sách, giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động, chi phí bảo trì mua sắm... đảm bảo các chi phí nằm trong ngân sách được hoạch định. Ngoài những chi tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty luôn hạn chế ở mức tối thiểu các chi phí khác nhằm đạt lợi nhuận cao nhất.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NĂM 2015

Với các biện pháp phòng ngừa rủi ro giá khí hợp lý, Công ty đã đạt được những thành quả tích cực:

- ★ Giá khí đầu vào được quản lý hiệu quả, chính sách giá hợp lý đã giúp Công ty thu hút thêm 5 khách hàng mới, với sản lượng khí cung cấp đạt 94,3 triệu Sm³, tăng 26,4% so với năm 2014.
- ★ Việc kiểm soát tốt chi phí giúp tổng chi phí năm 2015 chỉ còn 813 tỷ đồng, bằng 84% năm 2014, góp phần đưa lợi nhuận sau thuế đạt 118,7 tỷ đồng, tăng 5,5% so với năm trước dù chịu sự sụt giảm mạnh của doanh thu.

94,3 Sm³
TỔNG SẢN LƯỢNG KHÍ, ↑ 26,4% SO VỚI NĂM 2014

118,7 tỷ đồng
LỢI NHUẬN SAU THUẾ, ↑ 5,5% SO VỚI NĂM 2014



rủi ro về LÃI SUẤT

BẢN CHẤT RỦI RO

Rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay của Công ty. Khi mặt bằng lãi vay tăng cao, chi phí tài chính sẽ tạo áp lực lớn đối với lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, lãi suất tăng cao làm việc huy động vốn cho các dự án đầu tư trong tương lai sẽ trở nên khó khăn hơn.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

Công ty tiến hành phân tích và xây dựng cơ cấu nguồn vốn hợp lý phù hợp với hoạt động sản xuất công ty. Công ty xây dựng nguồn vốn tự có thông qua hoạt động kinh doanh hiệu quả để tài trợ hoạt động.

Công ty phân tích các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư để chi phí sử dụng vốn ở mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo cấu trúc tài chính an toàn.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NĂM 2015

Năm 2015, tỷ trọng Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn lần lượt đạt mức 38% và 62%. Điều này cho thấy sức mạnh tài chính của Công ty là rất lớn.

Tổng nợ vay của Công ty đến cuối năm 2015 đạt 75,1 tỷ đồng, trong đó 49% là nợ vay dài hạn, tăng 20% so với năm 2014. Tuy gia tăng nhưng tỷ lệ nợ vay trong tổng nguồn vốn chỉ chiếm 0,18%. Với mặt bằng lãi suất thấp trong năm 2015 thì việc sử dụng nợ vay để tài trợ cho hoạt động của Công ty là khá hợp lý. Có thể thấy, dù dư nợ gia tăng nhưng chi phí lãi vay năm 2015 chỉ ở mức 6,1 tỷ đồng, trong khi năm 2014 là 7,5 tỷ đồng.

0,18%
TỶ LỆ NỢ VAY
TRÊN TỔNG NGUỒN VỐN
SỨC MẠNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY LÀ RẤT LỚN

rủi ro về NHU CẦU tiêu thụ nhiên liệu

BẢN CHẤT RỦI RO

Khách hàng tiêu thụ khí của Công ty chủ yếu là hộ sản xuất công nghiệp nên khi nền kinh tế tăng trưởng chậm lại, ngành công nghiệp thu hẹp sản xuất, bất động sản trầm lắng, doanh nghiệp sản xuất cầm chừng, nhu cầu đối với sản phẩm CNG sẽ bị suy giảm.

Thêm vào đó, khi giá khí biến động mạnh, giá các loại nhiên liệu thay thế thấp hơn khoảng 25% giá CNG đã khiến nhiều khách hàng của Công ty có xu hướng chuyển sang sử dụng các nhiên liệu thay thế khác. Rõ ràng đây sẽ là yếu tố ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của Công ty. Trong những năm tiếp theo, tình hình kinh tế được dự báo tiếp tục có những biến động khó lường, và có khả năng gây ra những ảnh hưởng không tích cực đến Công ty.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

- ★ Công ty luôn quan tâm để thắt chặt mối quan hệ với khách hàng hiện có và tìm kiếm khách hàng mới thông qua các hợp đồng và thỏa thuận bán khí đảm bảo lợi ích cho cả hai bên.
- ★ Công ty luôn chủ động quảng bá hình ảnh, tăng cường tiếp thị quảng cáo lợi ích khi sử dụng các sản phẩm CNG nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ.

- ★ Tiềm kiếm các khách hàng mới trên mọi lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cũng như khu vực kinh doanh để giảm bớt sự ảnh hưởng do việc tập trung ở một số ngành nghề cũng như khu vực như hiện tại.
- ★ Công ty luôn thực hiện công tác cập nhật thông tin, dự báo nhu cầu tiêu thụ của thị trường để có bức tranh tổng quan và chính xác nhất về doanh thu, lợi nhuận. Việc lập ngân sách, các kế hoạch đầu tư, sử dụng nguồn vốn, thời điểm đầu tư cũng được xây dựng linh hoạt dựa trên những dự báo để tránh những hoạt động đầu tư không hiệu quả, hoặc bỏ qua các cơ hội đầu tư tiềm năng.
- ★ Công ty phân loại khách hàng để có kế hoạch cung ứng phù hợp, hiệu quả nhằm lựa chọn các khách hàng có sản lượng tiêu thụ đủ lớn, trong khoảng từ 3 triệu Sm³/năm trở lên và khoảng cách ngắn hơn 150km so với trạm nén nhằm tăng hiệu quả đầu tư.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NĂM 2015

Với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo, CBCNV, năm 2015 đã ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ về sản lượng khí cung cấp cũng như thêm 5 khách hàng mới từ 36 lên 41 khách hàng sử dụng khí nén CNG.

+5 KHÁCH HÀNG
TĂNG MẠNH TỪ 36 LÊN 41, CÔNG TY
CŨNG ĐẠT ĐƯỢC THỎA THUẬN VỚI MỘT
SỐ KHÁCH HÀNG MỚI VÀ SẼ TIẾN HÀNH
CẤP KHÍ TRONG NĂM 2016.



rủi ro về khoản PHẢI THU

BẢN CHẤT RỦI RO

Nền kinh tế khó khăn làm giá trị dòng tiền trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, trong đó các khoản phải thu là một trong những rủi ro lớn bị chiếm dụng vốn, thất thoát nguồn vốn của Công ty.

Rủi ro về dòng tiền diễn ra khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, không nắm bắt các cơ hội đầu tư quan trọng khi không có đủ nguồn vốn cần thiết. Đây là vấn đề liên quan đến việc quản trị tài sản và nguồn vốn lưu động. Các khoản nợ xấu phát sinh từ công nợ khách hàng kéo dài, không có khả năng thanh toán bắt buộc Công ty phải trích lập dự phòng, làm giảm lợi nhuận.

132 tỷ đồng
SỐ DƯ KHOẢN PHẢI THU (31/12/2015)
↓ 14% SO VỚI NĂM 2014

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

- ★ Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ như phân tích về tuổi nợ, ngày thu nợ.
- ★ Công ty luôn tạo chiều sâu trong mỗi liên hệ hợp tác với khách hàng nhằm hiểu rõ về tình trạng tài chính, uy tín giao dịch của từng khách hàng định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty cũng chia sẻ khó khăn với khách hàng thông qua việc nói lòng về thời gian trả chậm nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ khoản phải thu.
- ★ Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng và các đối tác, vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.
- ★ Đối với các khoản phải thu có nhiều rủi ro, Công ty trích lập dự phòng hợp lý. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NĂM 2015

Từ lúc hoạt động đến nay, Công ty không đối mặt với những vụ kiện cáo liên quan đến những tranh chấp giải quyết đối với khách hàng. Trong năm 2015, các khoản phải thu được Công ty tiếp tục theo dõi, quản lý chặt chẽ, việc thu hồi các khoản phải thu cũng được đẩy mạnh, nhờ đó số dư khoản phải thu chỉ còn 132 tỷ đồng, giảm 14% so với năm 2014. Đáng chú ý, các khoản nợ thu khó đòi cũng được đẩy mạnh thu hồi và dự phòng rủi ro phải thu ngắn hạn khó đòi cũng giảm xuống chỉ còn 3,3 tỷ đồng, từ mức 7 tỷ đồng của năm 2014.

rủi ro về AN TOÀN lao động

BẢN CHẤT RỦI RO



Với đặc thù ngành Dầu khí, các rủi ro trong quá trình vận hành như hỏa hoạn, sự cố máy móc, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, sét đánh, rò rỉ khí... luôn tiềm ẩn trong quá trình sản xuất, vận chuyển và phân phối khí.

Một khi các rủi ro xảy ra, hậu quả sẽ đặc biệt nghiêm trọng. Đối với Công ty, những rủi ro này sẽ gây thiệt hại về tài sản, tiến độ các dự án, uy tín của Công ty đối với người lao động và khách hàng. Đối với người lao động, thiệt hại về tính mạng, tâm lý bị ảnh hưởng tiêu cực, suy giảm hiệu suất lao động là điều không thể tránh khỏi.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

- ★ Công tác đảm bảo an toàn lao động trong quá trình hoạt động luôn được đặt lên hàng đầu. Các hoạt động vận hành luôn được giám sát chặt chẽ và tuân theo quy trình nhất định.
- ★ Người lao động được đào tạo bài bản trước khi vận hành, công tác bảo hộ lao động đặc biệt được chú trọng. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp huấn luyện về phòng cháy chữa cháy nhằm nâng cao ý thức và đào tạo những kỹ năng cần thiết đối với các trường hợp bất ngờ xảy ra.
- ★ Nhà máy và các máy móc thiết bị luôn có kế hoạch bảo trì, sửa chữa định kỳ và luôn được duy trì trong trạng thái vận hành tốt nhất và an toàn nhất.

- ★ Xây dựng và áp dụng thành công hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 14001:2004 & OHSAS 18001:2007, được Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận. Từ lúc vận hành đến nay, Công ty chưa để xảy ra bất kỳ một sự cố nghiêm trọng nào, đây là điều đáng tự hào của một doanh nghiệp trong ngành khí.
- ★ Công ty tiến hành mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật) cho người lao động với các mức trách nhiệm từ 80 – 180 triệu đồng/người/vụ. Điều này giúp giảm bớt thiệt hại cho Công ty nếu có rủi ro tai nạn xảy ra.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NĂM 2015

Trong năm 2015, hoạt động sản xuất, vận hành, vận chuyển của CNG Việt Nam được tiến hành một cách an toàn và hiệu quả, không có sự cố lớn đáng tiếc nào xảy ra. Hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường được tuân thủ triệt để và không ngừng được hoàn thiện để tiến hành tái chứng nhận vào giữa năm 2016.



Công tác phòng chống cháy nổ được CNG Việt Nam diễn tập thường xuyên phòng chống những tai nạn đáng tiếc xảy ra.



rủi ro về quản lý NHÂN SỰ

BẢN CHẤT RỦI RO

Rủi ro trong việc quản trị nguồn nhân lực luôn là vấn đề được Công ty quan tâm bởi con người là nhân tố quyết định cho sự thành công của bất kỳ doanh nghiệp nào.

Với hoạt động kinh doanh chính là sản xuất và chiết nạp khí CNG, LNG và LPG, nguồn nhân lực Công ty luôn được đào tạo bài bản với trình độ chuyên môn cao. Việc vận hành các hệ thống máy nén khí, trạm giảm áp, các trang thiết bị máy móc kỹ thuật chuyên dụng đòi hỏi kỹ năng và trình độ cao.

Việc quản trị kém hiệu quả sẽ dẫn đến thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, mất đoàn kết nội bộ, vận hành không hiệu quả. Trong môi trường kinh doanh nhiều biến động, nguồn nhân lực chất lượng càng là vấn đề thách thức đối với Công ty.

226 Người

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

▲ 37 LAO ĐỘNG SO VỚI NĂM 2014

NHÂM ĐÁP ỨNG CHIẾN LƯỢC MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

- ★ Công ty luôn cân bằng giữa lợi ích của người lao động và lợi ích chung của Công ty trong việc quản trị nguồn nhân lực.
- ★ Lao động được tuyển dụng, điều chuyển hợp lý, đảm bảo đầy đủ nguồn nhân lực và hiệu quả trong quá trình vận hành. Công ty đảm bảo lương, thưởng và chế độ khác một cách công bằng, minh bạch theo quy chế Công ty và quy định của pháp luật. Công ty luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho đội ngũ CBCNV của Công ty. Bên cạnh đó, mặc dù nền kinh tế còn nhiều khó khăn, nhưng đây cũng là cơ hội để Công ty tìm kiếm, bổ sung nguồn nhân lực chất lượng với chi phí hợp lý.
- ★ CBCNV thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề nhằm nâng cao năng lực.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NĂM 2015

Trong năm 2015, Công ty đã tuyển dụng thêm 37 lao động, nâng tổng số lao động lên 226 người. So với các năm gần đây thì đây là năm mà nguồn nhân lực của CNG Việt Nam được đầu tư phát triển mạnh mẽ nhằm đáp ứng chiến lược mở rộng thị trường. Đồng thời, người lao động Công ty cũng được hưởng tiền lương, thu nhập ổn định cùng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi khác, xứng đáng với năng suất lao động cao. Mức lương bình quân tăng từ 15,9 triệu đồng/tháng trong năm 2014 lên 18,3 triệu đồng/tháng trong năm 2015, Công ty tiến hành mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho CBCNV nhằm bổ sung thu nhập cho người lao động khi về hưu, tổ chức được 44 khóa đào tạo, với 973 lượt người, tương ứng chi phí gần 2,2 tỷ đồng...



NHÂN LỰC là nền tảng giá trị luôn được ưu tiên hàng đầu trong quá trình hoạt động của CNG Việt Nam. Xây dựng nguồn nhân lực vững chắc, tạo mọi điều kiện để các cá nhân phát huy được tài năng đóng góp cho doanh nghiệp, phục vụ cộng đồng là giá trị cốt lõi mà CNG Việt Nam luôn theo đuổi và vun đắp.

Nguồn nhân lực trẻ, có chuyên môn cao của CNG Việt Nam.

HÀI HÒA LỢI ÍCH ĐỒNG HÀNH CÙNG THỊNH VƯỢNG

Cam kết hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với các bên có liên quan. Cam kết mang đến sản phẩm xanh - sạch, thân thiện với môi trường. Cam kết môi trường làm việc tốt và chính sách nhân sự phù hợp, góp phần phát huy sáng tạo và cống hiến của người lao động. Cam kết vận hành - vận chuyển an toàn, đảm bảo tính liên tục và ổn định, góp phần phát triển kinh tế cùng địa phương.





Trong tương lai, CNG Việt Nam có chiến lược kiểm toán tất cả các thông tin và dữ liệu cung cấp trong Báo cáo Phát triển Bền vững nhằm đảm bảo các thông tin công bố là trung thực, chính xác và tin cậy.



Báo cáo Phát triển Bền vững này được CTCP CNG Việt Nam lập cho năm tài chính 2015, dựa trên các thông tin và dữ liệu do chúng tôi thu thập và xác minh, trong đó các số liệu về tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, các quy trình đảm bảo An toàn – Chất lượng – Môi trường được chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO & OHSAS bởi Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam.

Kỳ báo cáo: Báo cáo được lập theo niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2015. Báo cáo được lập định kỳ hàng năm.

Phạm vi báo cáo: Thông tin và dữ liệu trình bày trong báo cáo được thu thập và phân tích cho niên độ 2015 trong phạm vi toàn Công ty, bao gồm Văn phòng tại TP. Vũng Tàu, Nhà máy CNG Phú Mỹ tại KCN Phú Mỹ 1, Trạm xử lý trung tâm tại KCN Mỹ Phước 3 – Bình Dương, các trạm giảm áp (PRU) và Chi nhánh Miền Bắc tại Hà Nội.

Thông tin liên hệ: Nếu Quý vị có ý kiến đóng góp hoặc câu hỏi liên quan đến nội dung của báo cáo, vui lòng liên hệ với:

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Tổ Báo cáo Phát triển Bền vững

- | Tầng 7, Tòa nhà GAS Tower, 61B Đường 30/4, P. Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu
- | (+84 64) 357 4635
- | (+84 64) 357 4619

Bà Nguyễn Thị Hồng Hải – Phó Tổng Giám đốc



Ông ĐẶNG VĂN VĨNH - Tổng Giám đốc

Như Quý vị đã biết, ngay từ những ngày đầu thành lập, CNG Việt Nam đã mang trên mình sứ mệnh “Xây dựng và phát triển Công ty bền vững, trở thành nhà cung cấp CNG hàng đầu tại Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ CNG, dẫn đầu về thị phần CNG trên thị trường”, với giá trị cốt lõi là “Phát triển bền vững cùng cộng đồng xã hội và thân thiện với môi trường”.

Từ khi thực hiện Báo cáo Phát triển Bền vững lần đầu tiên vào năm 2014, chúng tôi nhận thấy phát triển bền vững đã trở thành một nét văn hóa trong doanh nghiệp, từ nhận thức của CBCNV đến quy



Chào mừng Quý vị đến với Báo cáo Phát triển Bền vững năm 2015 của CTCP CNG Việt Nam!

Triết lý văn hóa kinh doanh của CNG Việt Nam chưa bao giờ xa rời các yếu tố Môi trường (Environmental) và Xã hội (Social), bên cạnh yêu cầu đem lại lợi ích Kinh tế (Economic) cho cổ đông và các bên liên quan.

trình thu thập thông tin dữ liệu, đánh giá, báo cáo và cải thiện sau báo cáo. Báo cáo cũng đã giúp cải thiện đáng kể nhận thức của các bên liên quan (stakeholders) về tinh thần phát triển của CNG Việt Nam và sản phẩm nhiên liệu sạch CNG trên thị trường.

Với tinh thần liên tục cầu tiến, Báo cáo Phát triển Bền vững năm 2015 của CNG Việt Nam được lập dựa trên Hướng dẫn của Global Reporting Initiative (GRI), phiên bản mới nhất G4. Báo cáo cũng đưa ra các đánh giá cụ thể về kết quả đạt được (những mặt tích cực và cần cải tiến) để giúp Công ty không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đạt được mục tiêu phát triển bền vững.

Mục tiêu An toàn – Chất lượng – Môi trường năm 2015	Đánh giá kết quả
1 Hoàn thành 100% các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh	✗ Chỉ tiêu doanh thu không đạt do giá đầu giảm mạnh , nhưng sản lượng khí tiêu thụ và lợi nhuận đều vượt kế hoạch.
2 Không xảy ra tai nạn lao động, sự cố không tăng so với năm 2014	✗ Không đạt , do sản lượng cung cấp khí cho các khách hàng tăng, nên số chuyến xe bồn vận chuyển cũng tăng dẫn đến rủi ro nhiều hơn.
3 100% khiếu nại của khách hàng được phản hồi trong vòng 03 ngày làm việc	✓ Đạt
4 100% các công việc cân phân tích môi trường được thực hiện	✓ Đạt
5 Hệ thống quản lý ATCLMT được liên tục cải tiến để nâng cao hiệu quả quản lý toàn Công ty	✓ Đạt



5.109 m³/năm
KHỐI LƯỢNG NƯỚC THẢI ĐƯỢC
XỬ LÝ ĐÁP ỨNG TIÊU CHUẨN XẢ THẢI



7,26
TRIỆU Kwh
ĐIỆN TIÊU THỤ NĂM 2015



670
KG/NĂM
CHẤT THẢI RẮN



3.860
KG/NĂM
CHẤT THẢI LỎNG

Tổ chức **quản trị** hướng đến **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Hệ thống quản trị của CNG Việt Nam được thực hiện đúng theo các quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty. Gắn liền với định hướng phát triển bền vững, hiện nay Công ty đã

triển công tác quản trị bền vững theo hướng xuyên suốt từ cấp lãnh đạo cao nhất đến từng nhân viên trong toàn Công ty, dưới sự chỉ đạo cụ thể của Tổ Phát triển Bền vững do một Phó Tổng Giám đốc đứng đầu. Công tác quản trị được phân công cụ thể như sau:

Hội đồng Quản trị

- ★ Hoạch định mục tiêu chiến lược và định hướng phát triển bền vững.
- ★ Chỉ đạo và xử lý các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững thông qua báo cáo của Ban Điều hành.

Ban Tổng Giám đốc

- ★ Điều hành, triển khai thực hiện các hoạt động theo mục tiêu chiến lược và định hướng bền vững.
- ★ Theo dõi, giám sát và điều hành các hoạt động hàng ngày.
- ★ Tham mưu cho Hội đồng Quản trị các phương án tối ưu hướng đến hoạt động ổn định và bền vững

Tổ Phát triển Bền vững

- ★ Phân tích môi trường và hoạt động kinh doanh để đề xuất các biện pháp đảm bảo phát triển bền vững của Công ty.
- ★ Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị về các vấn đề chiến lược và giải pháp đồng bộ.
- ★ Điều phối các bên liên quan để chiến lược phát triển bền vững của Công ty phát huy hiệu quả trong thực tế, đánh giá và cải tiến quy trình.

Phòng ban, Nhà máy

- ★ Lên kế hoạch chi tiết hành động vì mục tiêu hoạt động bền vững.
- ★ Xây dựng quy trình phối hợp hoạt động giữa các bộ phận.

Nhân viên

- ★ Thực hiện và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật Nhà nước và các quy trình hoạt động của Công ty.



53 TỶ ĐỒNG
TIỀN THUẾ THỰC NỘP
VÀO NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC NĂM 2015

phát triển **BỀN VỮNG**
là **NỀN TẢNG** VĂN HÓA
CNG VIỆT NAM



4,2
TỶ ĐỒNG
DOANH THU BÌNH
QUÂN MỖI NHÂN
VIÊN MANG LẠI CHO
CNG VIỆT NAM



973
LƯỢT NGƯỜI
THAM DỰ ĐÀO TẠO
VỚI CHI PHÍ ĐÀO TẠO
SỬ DỤNG THỰC TẾ
2,2 TỶ ĐỒNG



0
SỐ CA TAI NẠN
XÂY RA TRONG LAO ĐỘNG
NĂM 2015



18,3
TRIỆU ĐỒNG/THÁNG
THU NHẬP BÌNH QUÂN
CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG



226 NGƯỜI
NHÂN SỰ ĐẾN NGÀY 31/12/2015

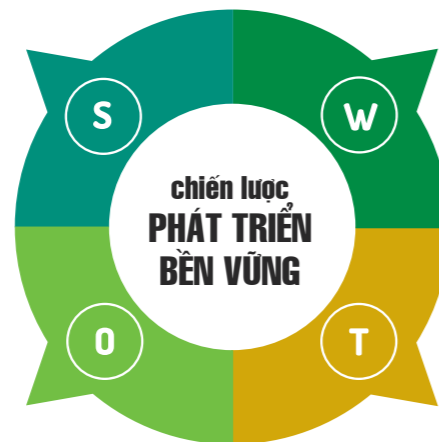
Phân tích SWOT phục vụ chiến lược PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với CNG Việt Nam, nhận diện, đánh giá, phân tích các tác động, rủi ro, cơ hội là vấn đề quan trọng để từ đó xây dựng và thiết lập các giải pháp phù hợp. Theo đó, quản trị rủi ro là một bộ phận không thể tách rời với

chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp. Sự gắn kết với quản trị rủi ro trong quá trình thực hiện các mục tiêu, tầm nhìn, định hướng, sứ mệnh của doanh nghiệp sẽ mang lại sự phát triển ổn định và bền vững lâu dài cho CNG Việt Nam.

ĐIỂM MẠNH

- ★ Có vị thế vững mạnh trong lĩnh vực phân phối khí CNG khi chiếm hơn 50% thị phần.
- ★ Khí nén CNG có nhiều ưu thế nổi trội so với các nguồn nhiên liệu khác, dẫn được khách hàng ưa chuộng phổ biến.
- ★ Nguồn nhân lực ổn định, có tay nghề kỹ thuật cao, nhiều năm kinh nghiệm, có tâm huyết với ngành, Công ty.
- ★ Cơ cấu tài chính vững mạnh với nguồn lực tự có dồi dào, được bồi đắp nhờ hiệu quả kinh doanh tích cực.
- ★ Nguồn cung ổn định nhờ vào sự hỗ trợ tích cực của PVGas, PVGas South, PetroVietnam.
- ★ Nhận được sự hỗ trợ liên tục về nhiều mặt của các ban ngành, địa phương.
- ★ Thương hiệu CNG Việt Nam từng bước được khẳng định trên thị trường cả nước



CƠ HỘI

- ★ Việt Nam tham gia hàng loạt các hiệp định thương mại tự do như TPP, các FTA với Châu Âu, Hàn Quốc, Cộng đồng kinh tế ASEAN được kỳ vọng sẽ giúp gia tăng nhu cầu tiêu thụ khí do doanh nghiệp mở rộng sản xuất cũng như có thêm khách hàng mới.
- ★ Vấn đề bảo vệ môi trường đang trở thành mối quan tâm trong quá trình phát triển của Việt Nam. Điều này sẽ giúp cho nguồn nguyên liệu sạch như CNG được quan tâm, sử dụng nhiều hơn trong tương lai gần.

ĐIỂM YẾU

- ★ Hoạt động kinh doanh phụ thuộc vào thị trường dầu khí thế giới và biến động khá mạnh theo triển vọng kinh tế vĩ mô.
- ★ Cơ cấu khách hàng theo ngành nghề chưa đa dạng, mà chủ yếu tập trung vào nhóm sản xuất Vật liệu xây dựng và Thực phẩm.

THÁCH THỨC

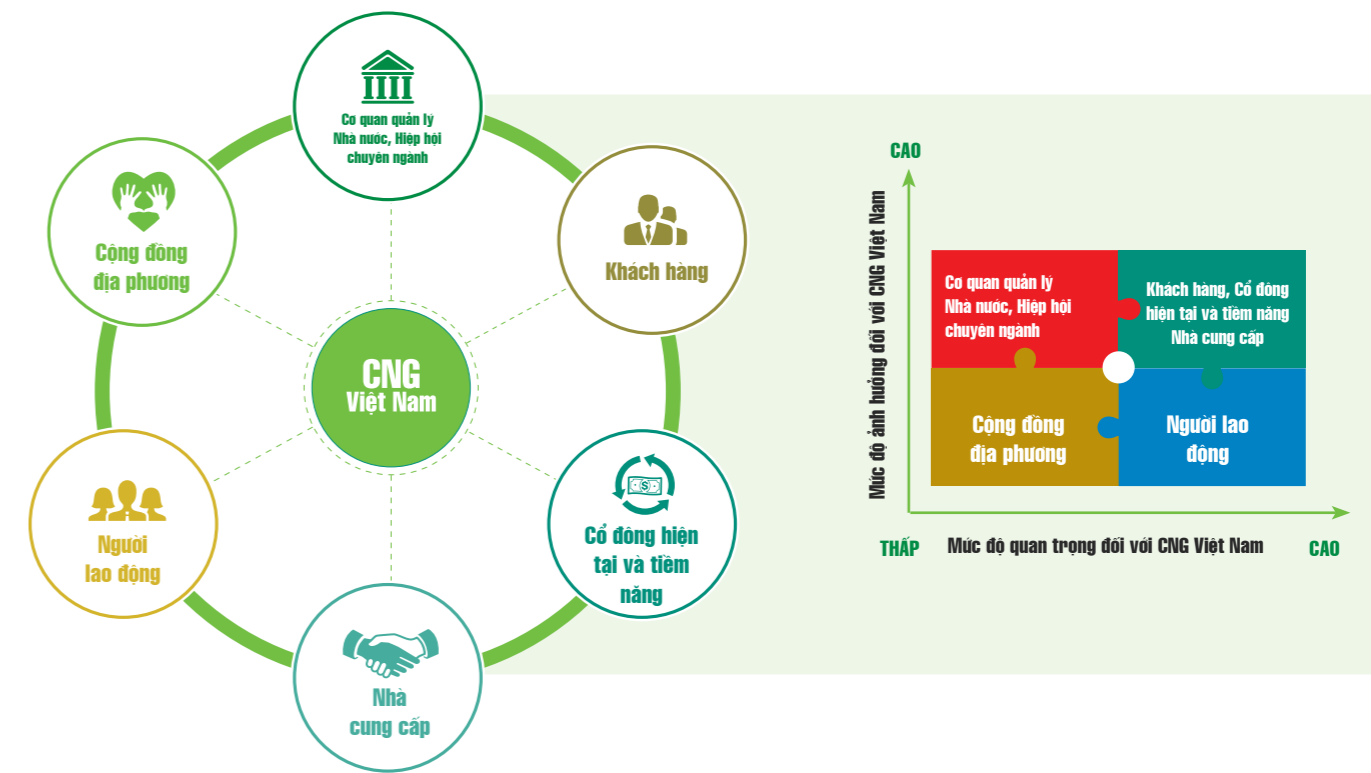
- ★ Sự cạnh tranh cao từ các nguồn nhiên liệu thay thế như biomass, than đá... nhờ ưu thế về giá và nhận thức về vấn đề môi trường chưa cao.
- ★ Giá dầu khí thế giới đang trong xu hướng giảm mạnh.
- ★ Yêu cầu kỹ thuật, công nghệ, an toàn cao đòi hỏi phải đầu tư vốn nhiều mới đáp ứng được.

Các bên liên quan được xem là đối tác quan trọng bậc nhất của CNG Việt Nam và có tầm ảnh hưởng lớn đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty về các mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

Xác định được điều đó, chúng tôi đã xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan, thường xuyên tham vấn để thu thập thông tin nhằm đáp ứng kỳ vọng của họ thông qua các chương trình khảo sát, gửi phiếu lấy ý kiến và các phương thức tiếp cận khác.

CNG Việt Nam đã chủ động tham vấn các bên liên quan có tầm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty về phương diện kinh tế, môi trường và xã hội. Các bên liên quan quan trọng của chúng tôi bao gồm: khách hàng, cổ đông/nhà đầu tư, nhà cung cấp, người lao động, các cơ quan quản lý/hiệp hội và cộng đồng địa phương.

CNG Việt Nam xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các Bên liên quan đối với Công ty theo "Mô hình đánh giá mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan" như sau:





THIẾT LẬP QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

★ Tích cực, tiếp tục duy trì

★ Cần cải thiện tốt hơn để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các bên liên quan

Bên liên quan	Tại sao lại QUAN TRỌNG	Chúng tôi ĐÃ LÀM GÌ	Đánh giá thực hiện
Khách hàng	<p>Khách hàng là yếu tố đầu ra, đóng vai trò tối quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của CNG Việt Nam. Sự hài lòng của khách hàng quyết định đến nguồn thu, sự tồn tại và phát triển của Công ty.</p> <p>Khách hàng của CNG Việt Nam hiện nay chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất và vận tải.</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Thiết lập cơ chế duy trì mối liên hệ, đối thoại thường xuyên và định kỳ thông qua quy trình “Bán khí và chăm sóc khách hàng”. ★ Hàng năm, Công ty khảo sát ý kiến, sự hài lòng của khách hàng thông qua “Phiếu thăm dò ý kiến”. ★ Hàng quý, Công ty cũng tập hợp ý kiến phản hồi của khách hàng để trình Ban Lãnh đạo có phương án xử lý, chỉ đạo tích cực, kịp thời. ★ Hàng tháng, nếu thị trường nhiên liệu (giá FO, LPG) có biến động, Công ty sẽ gặp gỡ trực tiếp với khách hàng để đối thoại, đàm phán giá bán. ★ Bên cạnh đó, khách hàng cũng có thể liên hệ bất cứ lúc nào đến đường dây nóng hoặc thông qua email nhận ý kiến phản hồi của Công ty. ★ Giao lưu văn hóa – thể thao với khách hàng. 	★
Cổ đông hiện tại và tiềm năng	<p>Cổ đông là những người chủ thực sự của doanh nghiệp, là nhà tài trợ vốn chủ sở hữu khi cần để Công ty duy trì và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.</p> <p>Mối quan hệ với nhà đầu tư góp phần tạo dựng hình ảnh của Công ty trên thị trường vốn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Thành lập bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư (IR – Investor Relations) để tạo đầu mối tương tác với cổ đông hiện tại và tiềm năng. ★ Chủ trương chung của Công ty là luôn luôn cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết đến nhà đầu tư khi yêu cầu, tiếp nhận các ý kiến, khuyến nghị từ cổ đông hiện tại và tiềm năng. ★ Các kênh tương tác trọng yếu: <ul style="list-style-type: none"> • Đại hội đồng cổ đông thường niên. • Viếng thăm Công ty và nhà máy. • Tiếp nhà đầu tư thông qua điện thoại, đàm thoại. • Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua hình thức email. • Tiếp nhận phản hồi qua website. • Tham gia hội thảo đầu tư do các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư tổ chức. • Báo cáo thường niên. • Báo cáo phân tích của các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư. • Công bố thông tin theo quy định. 	★
Cơ quan quản lý Nhà nước, Hiệp hội chuyên ngành	<p>Đảm bảo sự tuân thủ pháp luật đối với mọi hoạt động của Công ty và đóng góp vào sự phát triển chung của ngành Dầu khí Việt Nam.</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do các sở ban ngành tổ chức. ★ Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để thay đổi cho phù hợp với những quy định mới, đảm bảo sự tuân thủ, đặc biệt trong lĩnh vực an toàn. ★ Tham gia đóng góp vào quy hoạch phát triển chung của ngành Dầu khí. 	★

Bên liên quan	Tại sao lại QUAN TRỌNG	Chúng tôi ĐÃ LÀM GÌ	Đánh giá thực hiện
Nhà cung cấp	<p>Hoạt động kinh doanh của CNG Việt Nam có tính đặc thù cao, PVGas-D là nhà cung cấp khí CNG duy nhất.</p> <p>Ngoài ra, CNG Việt Nam còn có các nhà cung cấp khác như: cung cấp thiết bị, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ bảo trì-bảo dưỡng...</p> <p>Duy trì mối quan hệ bền vững với nhà cung cấp giúp CNG Việt Nam ổn định được quy trình vận hành, phân phối và kinh doanh, đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục, nâng cao lợi thế cạnh tranh trên thị trường.</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Duy trì cơ chế tiếp xúc, đàm phán về nguồn cung khí CNG cũng như giá đầu vào để đảm bảo sự ổn định liên tục của nguồn cung và hạn chế rủi ro giá khí đầu vào. ★ Tìm kiếm và đánh giá chi tiết chất lượng của các nhà cung cấp trang thiết bị, dịch vụ... trong và ngoài nước để đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững, dựa trên các hoạt động đấu thầu và quy chế mua sắm trang thiết bị của Công ty. ★ Giao lưu văn hóa – thể thao với nhà cung cấp. 	★
Người lao động	<p>Nhân lực là yếu tố sống còn trong hoạt động kinh doanh của bất kỳ doanh nghiệp nào.</p> <p>Hoạt động kinh doanh đặc thù của CNG Việt Nam càng yêu cầu cao về chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt về kiến thức chuyên môn ngành Dầu khí, khả năng vận hành an toàn, hiệu quả...</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Cơ chế truyền thông nội bộ CNG Việt Nam được thực hiện hai chiều: từ trên xuống (top down) và từ dưới lên (bottom up), đảm bảo các định hướng từ cấp trên được truyền đạt hiệu quả và phản hồi từ cấp dưới được ghi nhận một cách dân chủ. ★ Người lao động có thể đóng góp ý kiến và các kiến nghị theo định kỳ hoặc thường xuyên thông qua: <ul style="list-style-type: none"> • Hoạt động của Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty. • Hội nghị Người lao động được tổ chức hằng năm. • Hình thức “Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc” theo Quy chế dân chủ mà Công ty đã ban hành. 	★
Cộng đồng địa phương	<p>“Phát triển bền vững cùng cộng đồng xã hội và thân thiện với môi trường” là giá trị cốt lõi của CNG Việt Nam.</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Phối hợp với chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở văn phòng, nhà máy, chi nhánh để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân địa phương. ★ Các hoạt động vệ sinh môi trường, thăm hỏi, tặng quà gia đình chính sách, hộ nghèo và trẻ em nghèo hiếu học tại địa phương. ★ Thúc đẩy, quảng bá sử dụng CNG như là nhiên liệu thay thế thân thiện với môi trường, nâng cao hiệu quả kinh tế. 	★

KỶ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

Căn cứ việc tham vấn các bên liên quan, CNG Việt Nam có thể xác định được các vấn đề mà họ quan tâm và kỳ vọng.

Việc tham vấn cũng giúp Công ty xác định được nội dung mà báo cáo cần phải tập trung để đáp ứng sự quan tâm và kỳ vọng đó.

Mặt khác, nội dung mà báo cáo chọn cũng là những vấn đề trọng tâm mà Công ty hướng tới vì có ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty về các mặt kinh tế, xã hội và môi trường. CNG Việt Nam cũng đã thực hiện các bước thu thập các chỉ số liên quan đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về vấn đề trọng yếu đồng thời đảm bảo tính đầy đủ, tuân thủ và tin cậy.

Các chủ đề mà các bên liên quan quan tâm và nội dung báo cáo tương ứng được trình bày như bảng dưới đây:

Bên liên quan	Mối quan tâm và kỳ vọng	Nội dung báo cáo
Khách hàng, Nhà cung cấp	<ul style="list-style-type: none"> Tài chính vững mạnh, hoạt động ổn định liên tục. An toàn trong vận hành và vận chuyển CNG, môi trường. 	Tình hình hoạt động kinh doanh, Tình hình tài chính, Triển vọng thị trường, An toàn trong sản xuất – kinh doanh, Môi trường.
Cổ đông hiện tại và tiềm năng	<ul style="list-style-type: none"> Thành tích của Công ty trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư, công bố thông tin. 	Tình hình hoạt động kinh doanh, Tình hình tài chính, Triển vọng thị trường, Thiết lập quan hệ bền vững với các bên liên quan.
Cơ quan quản lý Nhà nước, Hiệp hội chuyên ngành	Môi trường, chăm sóc về sức khỏe và an toàn lao động, quản lý nước thải và chất thải, việc tuân thủ các quy định pháp luật	An toàn trong sản xuất – kinh doanh, Môi trường, Môi trường làm việc, Thiết lập quan hệ bền vững với các bên liên quan.
Cộng đồng địa phương	Môi trường, an toàn sản xuất và quyền lợi cho người lao động địa phương.	An toàn trong sản xuất – kinh doanh, Sẵn sàng cho tình huống khẩn cấp, Môi trường, Hỗ trợ cộng đồng.
Người lao động	<ul style="list-style-type: none"> Chế độ lao động: quyền lợi lương thưởng, bảo hiểm, an toàn nghề nghiệp... Môi trường làm việc và cơ hội thăng tiến. Thành tích và uy tín của Công ty về kinh tế, môi trường, xã hội. 	Môi trường làm việc, Giáo dục và đào tạo, An toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Tình hình hoạt động kinh doanh, Tình hình tài chính, Triển vọng thị trường, Hỗ trợ cộng đồng

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (*)

- ★ Hiệu quả trực tiếp và gián tiếp.
- ★ Tiêu chuẩn ngành: Trữ lượng và sản lượng đã được chứng minh.

(*) Vui lòng xem thông tin chi tiết được trình bày trong phần Phân tích Hoạt động Kinh doanh và Triển vọng Thị trường.

AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT, VẬN CHUYỂN VÀ PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

- ★ Tiêu chuẩn ngành: Sẵn sàng cho tình huống khẩn cấp.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NGUỒN NHÂN LỰC

- ★ Môi trường làm việc.
- ★ Giáo dục và Đào tạo.
- ★ An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp.

MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

- ★ Nước thải và Chất thải
- ★ Năng lượng
- ★ Tuyên truyền, quảng bá giải pháp năng lượng sạch CNG
- ★ Hoạt động hỗ trợ cộng đồng



Khuôn viên xanh tại Nhà máy sản xuất khí CNG của CNG Việt Nam.



AN TOÀN



CHẤT LƯỢNG



MÔI TRƯỜNG

LÀ MỘT TRONG NHỮNG NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG **HÀNG ĐẦU** CÓ TÍNH CHẤT SỐNG CÒN

ĐỐI VỚI NGÀNH CÔNG NGHIỆP KHÍ NÓI CHUNG VÀ KINH DOANH SẢN PHẨM CNG NÓI RIÊNG, NƠI LUÔN TIỀM ẨN CÁC YẾU TỐ NGUY HIỂM RỦI RO CAO.

Triết lý về AN TOÀN – CHẤT LƯỢNG – MÔI TRƯỜNG CỦA CNG VIỆT NAM

Để quản lý công tác An toàn – Chất lượng – Môi trường được hiệu quả, CNG Việt Nam đã quyết định đưa hệ thống quản lý An toàn theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, hệ thống quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004, áp dụng trong các hoạt động của Công ty.

Chính sách An toàn – Chất lượng – Môi trường của CNG Việt Nam là ngăn ngừa các thiệt hại về Con người, Tài sản, Môi trường và thỏa mãn nhu cầu khách hàng trong các hoạt động sản xuất, vận chuyển và phân phối khí CNG.

Để thực hiện chính sách trên, CNG Việt Nam cam kết thiết lập và duy trì một Hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường đảm bảo:

- 01 | Tuân thủ luật pháp hiện hành và các yêu cầu khác từ các bên liên quan;
- 02 | Đáp ứng các yêu cầu quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường theo Tiêu chuẩn Quốc tế;
- 03 | Phù hợp với cơ cấu tổ chức của CNG Việt Nam;
- 04 | Kiểm soát các nguy hiểm, rủi ro có thể gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cháy nổ, hư hỏng tài sản, tác hại môi trường và chất lượng sản phẩm dịch vụ;
- 05 | Được định kỳ xem xét và không ngừng cải tiến;
- 06 | Được thấu hiểu thông suốt trong toàn thể Cán bộ công nhân viên và phổ biến đến các bên liên quan.

XÂY DỰNG & ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ ATCLMT

Triết lý và cam kết từ Ban lãnh đạo

Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý ATCLMT theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO, OHSAS)

Xây dựng quy trình hoạt động

Quy trình được chuẩn hóa bằng văn bản, phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, CBCNV, giúp thực hiện công việc đúng ngay từ đầu, có sự kiểm soát chặt chẽ, qua đó giảm khối lượng công việc làm lại, giảm được lãng phí về thời gian, nhân lực, tiết kiệm chi phí sản xuất.

Chứng nhận và Tái chứng nhận bởi Bên thứ 3 uy tín (BSI)

Đánh giá và cải tiến

Cải tiến chất lượng sản phẩm, dịch vụ, theo dõi sự không phù hợp, đánh giá sự hài lòng của khách hàng, đánh giá nội bộ và đánh giá giám sát của bên ngoài... để khắc phục, phòng ngừa và cải tiến hiệu quả hoạt động, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hướng đến sự thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Nâng cao lợi thế cạnh tranh và uy tín thương hiệu của CNG Việt Nam

AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT – KINH DOANH

TẠI SAO LẠI QUAN TRỌNG

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành Dầu khí nói chung và sản phẩm khí CNG nói riêng tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro hoạt động cao; và an toàn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, có tính chất sống còn. Chính vì vậy, công tác an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ tính mạng con người và tài sản tại CNG Việt Nam luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc và đầu tư nguồn lực thỏa đáng từ Công ty.

CHÚNG TÔI ĐÃ LÀM GÌ

Với tầm quan trọng của vấn đề cũng như triết lý và cam kết cao về chính sách ATCLMT, CNG Việt Nam đã sớm thành lập Ban Kỹ thuật – An toàn – Chất lượng, chịu trách nhiệm “quản lý và điều hành công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy, bảo hộ lao động và công tác môi trường, xây dựng và duy trì hệ thống quản lý an toàn, chất lượng, môi trường đảm bảo an toàn cho con người, tài sản và môi trường trong các hoạt động của Công ty”.

Qua đó, các biện pháp để đảm bảo an toàn cũng như ứng phó với tình trạng khẩn cấp được thực hiện một cách liên tục, xuyên suốt quy trình sản xuất kinh doanh, và định kỳ được đánh giá, cải tiến, hoàn thiện.

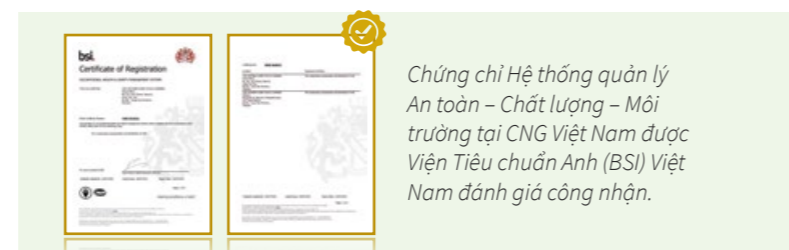
AN TOÀN TRONG CÔNG NGHỆ – THIẾT BỊ

CNG Việt Nam luôn lựa chọn thiết bị hàng đầu thế giới vào trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hầu hết các thiết bị của CNG Việt Nam như bồn, máy nén, trạm giảm áp có xuất xứ từ Canada, Mỹ, Đức, Ý, Anh nhằm giảm thiểu rủi ro, hư hỏng thiết bị, luôn đảm bảo cấp khí ổn định cho khách hàng.

Quy trình công nghệ sản xuất và vận chuyển CNG cũng được lựa chọn sao cho quá trình thao tác đơn giản, tự động hóa cao. Các thiết bị đều được đăng ký kiểm định an toàn bởi các trung tâm kiểm định và đăng ký sử dụng tại các Sở Lao động – Thương binh – Xã hội địa phương trước khi đưa vào sử dụng, cũng như phải được kiểm định định kỳ bởi các trung tâm kiểm định trong quá trình sử dụng. Thời hạn kiểm định được quy định trong các tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn hiện hành.

AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT, VẬN HÀNH, VẬN CHUYỂN

Hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường tại CNG Việt Nam xây dựng theo tiêu chuẩn ISO & OHSAS và được Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận, cấp chứng chỉ lần đầu vào ngày 22/7/2010 và tái chứng nhận vào ngày 22/7/2013.



Hệ thống được duy trì và cải tiến liên tục, nhằm kiểm soát tất cả các mối nguy và yếu tố tác động môi trường trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, mang lại hiệu quả cao trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác đảm bảo an toàn trong sản xuất, vận hành, vận chuyển bao gồm:

- ★ Xây dựng các quy trình, hướng dẫn vận hành, vận chuyển, bảo dưỡng máy móc thiết bị tại Nhà máy CNG Phú Mỹ, Trạm trung tâm Mỹ Phước 3 và các trạm giảm áp (PRU), tiếp khí tại khách hàng: áp dụng, giám sát thực hiện, cập nhật thường xuyên.
- ★ Kiểm tra an toàn đầu ca sản xuất, kiểm tra các thiết bị vận hành, xe vận chuyển khí và con người điều khiển trước khi thực hiện, nhằm loại bỏ các yếu tố gây mất an toàn, lỗi kỹ thuật của phương tiện, thiết bị sản xuất, ý thức chủ quan của con người.
- ★ Công tác bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị theo đúng định kỳ, xử lý kịp thời các thiết bị hư hỏng đột xuất, đảm bảo các phương tiện, thiết bị luôn ở tình trạng an toàn, hoạt động hiệu quả.
- ★ Tổ chức huấn luyện, đào tạo về chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, an toàn đầy đủ cho CBCNV, đưa văn hóa an toàn thấm nhuần đến từng CBCNV, đặc biệt là lực lượng sản xuất trực tiếp.
- ★ Ngay từ những năm đầu mới thành lập, CNG Việt Nam đã thiết lập hệ thống mạng lưới an toàn vệ sinh viên và xây dựng quy chế hoạt động với mục đích đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động tại Nhà máy CNG Phú Mỹ, Trạm

trung tâm Mỹ Phước 3 và các trạm con. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn để nâng cao kiến thức về an toàn, vệ sinh lao động cho mạng lưới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của họ cũng như đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động cho Công ty.



AN TOÀN TRONG CẤP KHÍ CHO KHÁCH HÀNG

Cấp khí cho khách hàng là khâu cuối cùng trong quy trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Công tác an toàn trong cấp khí đảm bảo khí CNG được cung cấp một cách liên tục và hiệu quả, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng.

Trước khi cấp khí: CNG Việt Nam thực hiện khảo sát địa điểm để đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn cho trạm con, sau đó lên bản vẽ chi tiết, cung cấp hồ sơ hoàn chỉnh về phòng cháy chữa cháy, quy trình phối hợp vận hành giữa CNG Việt Nam và khách hàng.

CNG Việt Nam cũng hỗ trợ khách hàng về đào tạo vận hành, sử dụng khí, hướng dẫn các quy định về an toàn,

hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật từ khi chuyển đổi thiết bị cho đến vận hành, đảm bảo quá trình sản xuất liên tục của khách hàng.

Sau khi cấp khí: CNG Việt Nam hỗ trợ tư vấn kỹ thuật, định kỳ khảo sát, đánh giá chất lượng và bảo dưỡng sửa chữa thiết bị. Việc bảo dưỡng sửa chữa tuân thủ các quy trình kỹ thuật được lập ra một cách chặt chẽ và được thực hiện bởi những kỹ thuật viên có kiến thức, kỹ năng và nắm vững chuyên môn. Quá trình bảo dưỡng sửa chữa được giám sát chặt chẽ, thiết bị được kiểm tra và nghiệm thu đầy đủ sau khi thực hiện xong công việc.

Các quy trình phối hợp vận hành giữa CNG Việt Nam và khách hàng được soạn thảo và thực hiện đầy đủ, là căn cứ quan trọng để các bên phối hợp kịp thời và xử lý nhanh các sự cố hỏng hóc thiết bị nếu có.

AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT – KINH DOANH (tiếp theo)

SẴN SÀNG CHO TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP

Hoạt động sản xuất kinh doanh của CNG Việt Nam hàm chứa nhiều yếu tố có độ rủi ro cao và có thể xảy ra sự cố bất cứ lúc nào.

Về nội bộ, Ban Kỹ thuật – An toàn – Chất lượng chịu trách nhiệm chính trong việc xử lý khủng hoảng, các tình huống khẩn cấp, truyền thông kế hoạch ứng phó đến toàn thể CBCNV Công ty. Tùy mức độ, một nhóm xử lý khủng hoảng sẽ được thành lập với sự chỉ đạo của lãnh đạo Công ty để ứng phó và giải quyết.

CNG Việt Nam cũng thường xuyên tham vấn các cơ quan chức năng, thông báo đến cộng đồng địa phương về các hoạt động phòng cháy chữa cháy, diễn tập ứng phó sự cố... Công ty tin rằng những hoạt động này sẽ giúp nâng cao nhận thức của cộng đồng, đồng thời có thể giúp hạn chế những thiệt hại tiềm tàng do sự cố gây ra.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NĂM 2015

Năm 2015 đánh dấu thành tích Công ty tiếp tục duy trì tốt các hoạt động an toàn - vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, huấn luyện an toàn trong sản xuất, vận chuyển và cung cấp khí CNG cho khách hàng, văn hóa an toàn ngày càng được nâng cao trong toàn Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của CNG Việt Nam tuân thủ và đáp ứng được các mục tiêu của tiêu chuẩn quản lý ATCLMT, giảm thiểu rủi ro, không xảy ra tai nạn sự cố nghiêm trọng, tiếp tục đi đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhiên liệu xanh, sạch, an toàn và thân thiện với môi trường.

Trong bối cảnh hoạt động kinh doanh của Công ty không ngừng mở rộng ở khu vực miền Nam và vừa bắt đầu khai thác thị trường miền Bắc, đây là một nỗ lực không nhỏ của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV.



Nhân viên kỹ thuật nạp khí nén CNG cho xe buýt.



CHUNG TAY GIỮ SẠCH
HÀNH TINH XANH

Đoàn viên thanh niên CNG Việt Nam
nhặt rác bãi biển Vũng Tàu những ngày cuối tuần.



HOẠT ĐỘNG VÌ MÔI TRƯỜNG

TẠI SAO LẠI QUAN TRỌNG

Là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng nhiên liệu sạch CNG, CNG Việt Nam nhận thức được tầm quan trọng của yếu tố môi trường trong hoạt động, không chỉ góp phần bảo vệ môi trường mà còn giúp định hình thương hiệu “**sạch**” cho sản phẩm khí CNG của Công ty.

CHÚNG TÔI ĐÃ LÀM GÌ

CNG Việt Nam đã áp dụng các giải pháp: Quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004, Kiểm soát và xử lý nước thải và chất thải, Nâng cao ý thức nhân viên trong việc tiết kiệm năng lượng và nước. Ngoài ra, Công ty cũng đang tích cực quảng bá rộng rãi việc sử dụng CNG làm nhiên liệu thay thế trong sản xuất công nghiệp, vận tải để gia tăng hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường.

KIỂM SOÁT VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI, NƯỚC THẢI

CNG Việt Nam luôn xem trọng việc bảo vệ môi trường và thực hiện việc kiểm tra môi trường làm việc thường xuyên từ văn phòng, nhà máy đến môi trường xung quanh. Công ty đã áp dụng các biện pháp và hành động cụ thể để kiểm soát và xử lý chất thải và nước thải trong toàn Công ty, tạo môi trường làm việc “**xanh – sạch – đẹp**”.

Trong quá trình vận hành Nhà máy, chất thải được tạo ra ở các dạng chất thải rắn và lỏng được CNG Việt Nam quản lý và kiểm soát chặt chẽ bằng các giải pháp và hệ thống thiết bị phù hợp, đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14001:2004 về Quản lý môi trường.

Về Chất thải rắn sinh hoạt: Công ty đã bố trí hệ thống các thùng rác trong phạm vi toàn Công ty nhằm tránh hiện tượng rác thải sinh hoạt này bị vứt bỏ bừa bãi. Lượng rác thải này sẽ được Công ty Dịch vụ Đô thị Tân Thành thu gom hằng ngày.

Về Chất thải sản xuất không nguy hại: Đối với nhóm sản phẩm thuộc nhóm kim loại, nhựa, giấy, thu gom và lưu trữ trong những ô riêng biệt tại khu tập kết. Các chất thải có khả năng tái chế hoặc tái sử dụng như bao bì, thùng giấy... được thu gom, cho vào bao tải và bàn giao cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng. Đây là phương pháp được khuyến khích vì không những mang lại lợi ích kinh tế mà còn hạn chế ô nhiễm môi trường. Các chất thải công nghiệp không có khả năng tái chế sẽ được thu gom riêng và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

Về Chất thải sản xuất nguy hại: Được phân loại và đóng gói chất thải theo từng chủng loại, được lưu trữ trong các thùng có nắp đậy và dán nhãn. Công ty đã ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý rác thải nguy hại theo đúng quy định của Thông tư 12/2011/TT-BTNMT.

Nước thải: Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh, bồn rửa tay, Công ty đã cho xây dựng, lắp đặt hệ thống đường ống thu gom riêng tách biệt với hệ thống thu gom nước mưa. Công ty cũng đã ký Hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Đầu tư và Khai thác Hạ tầng KCN Phú Mỹ 1 để xử lý nước thải trước khi thải vào môi trường.

Đối với nước mưa chảy tràn, Công ty có hệ thống thu gom nước mưa tách biệt với hệ thống thu gom nước thải. Công ty thường xuyên quét dọn mặt bằng nhà xưởng nên mức độ ảnh hưởng tới chất lượng nước mưa khi rơi trên diện tích nhà xưởng của Công ty là không đáng kể.



ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NĂM 2015

Bảng tiêu chí đo lường việc kiểm soát chất thải trong hoạt động sản xuất tại CNG Việt Nam

Tiêu chí	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1 Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên			
Chất thải rắn	372 kg/năm	1.000 kg/năm	670 kg/năm
Chất thải lỏng	3.360 kg/năm	4.000 kg/năm	3.860 kg/năm
2 Chất thải thông thường			
Chất thải rắn	1.180 kg/năm	1.680 kg/năm	1.500 kg/năm
Chất thải lỏng bùn	n/a	n/a	n/a
3 Khối lượng nước thải được xử lý đáp ứng tiêu chuẩn xả thải			
Thải vào khu xử lý chung của KCN	10.322,80 m ³ /năm	740,00 m ³ /năm	5.109 m ³ /năm

NÂNG CAO Ý THỨC TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Nâng cao ý thức nhân viên trong việc tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước là một trong những mục tiêu quan trọng trong việc quản lý, sử dụng năng lượng và tài nguyên nước một cách hiệu quả. Để thực hiện mục tiêu đó, CNG Việt Nam đã triển khai các hoạt động cụ thể sau:

Nâng cao chất lượng quản lý

- ★ Năm 2014, CNG Việt Nam đã triển khai và xây dựng hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2011 và thực hiện kiểm toán năng lượng cho toàn bộ Nhà máy và các trạm con.
- ★ Ban hành và xây dựng một số nội quy sử dụng trong Công ty nhằm buộc Cán bộ công nhân viên phải có ý thức, trách nhiệm tiết kiệm điện, nước đảm bảo cho việc tiết kiệm đi vào nề nếp, ổn định và lâu dài.
- ★ Công ty đã thành lập Ban quản lý năng lượng nhằm mục đích:
 - Cho phép quản lý chi phí năng lượng một cách có hệ thống nhằm tiết kiệm chi phí năng lượng, giảm giá thành sản phẩm;

- Giảm chi phí vận hành và bảo trì;
- Tăng nhận thức của nhân viên về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giảm lãng phí;
- Nâng cao kiến thức của lãnh đạo và nhân viên về quản lý năng lượng;
- Có kế hoạch và mục tiêu về sử dụng năng lượng;
- Có một hệ thống thủ tục quan sát và kiểm tra vấn đề sử dụng năng lượng;
- Có các hệ thống báo cáo về tình hình năng lượng cho các cấp có liên quan;
- Hỗ trợ những hệ thống quản lý chất lượng khác như ISO 9001, 14001, TQM, v.v..
- ★ Thay thế hệ thống chiếu sáng hiện tại bằng hệ thống đèn LED hiệu suất cao, giúp tiết kiệm đến 50% năng lượng.
- ★ Thay thế dẫn các máy lạnh cũ bằng máy sử dụng công nghệ Inverter tiết kiệm năng lượng, giúp tiết kiệm 30% lượng điện năng tiêu thụ.



ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NĂM 2015

Bảng tiêu chí đo lường mức sử dụng năng lượng và tài nguyên nước tại CNG Việt Nam

Tên vật tư	ĐVT	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Số lượng	VNĐ	Số lượng	VNĐ	Số lượng	VNĐ	Số lượng	VNĐ
Dầu Diesel 0.05	lít	492.506	9.480.298.816	385.587	7.674.657.695	364.964	7.245.445.269	650.893	8.771.782.557
Nhớt PLC Komart	lít	3.402	161.736.362	3.942	183.163.638	4.764	221.114.279	8.155	548.411.169
Xăng Mogas A92	lít	42.780	883.136.545	55.483	1.197.879.441	94.051	2.057.250.910	94.690	1.534.910.408
Điện sử dụng cho NM và Trạm MP3	Kwh	3.733.700	5.697.323.368	5.717.400	8.475.523.156	6.097.200	9.096.039.377	7.264.140	11.305.089.631
Nước sinh hoạt	m ³	8.664	68.755.875	13.531	117.145.610	5.025	50.100.770	9.117	87.914.250

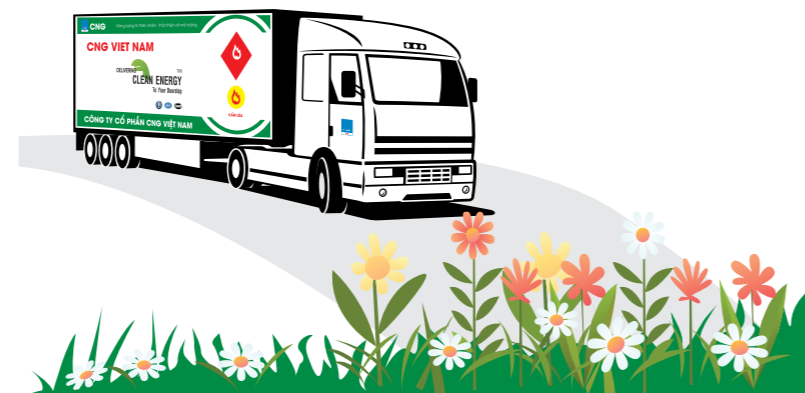
QUẢNG BÁ SỬ DỤNG CNG LÀM NHIÊN LIỆU THAY THẾ TRONG CÔNG NGHIỆP, VẬN TẢI

CNG Việt Nam là công ty đi đầu trong việc quảng bá giải pháp nhiên liệu CNG đến cộng đồng doanh nghiệp lẫn dân cư.

đang cung cấp khí CNG cho các xe buýt sử dụng nhiên liệu sạch của Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu (Nhật Bản). Đây là mô hình thí điểm việc cấp khí cho phương tiện giao thông vận tải, phục vụ lợi ích cộng đồng, giảm ô nhiễm môi trường, gắn liền với chiến lược phát triển chung của Công ty là đa dạng hoá cung cấp khách hàng.

Hoạt động này vừa giúp cải thiện hình ảnh, kết quả kinh doanh của Công ty, đồng thời góp phần tuyên truyền để doanh nghiệp và người dân tích cực ủng hộ các hoạt động phát triển bền vững, không gây hại đến môi trường sinh thái.

Tháng 4/2015, Công ty đã đưa Trạm cấp khí trung tâm tại KCN Mỹ Phước 3 (Bình Dương) đi vào hoạt động. Tại trạm trung tâm này, lần đầu tiên CNG Việt Nam lắp đặt hệ thống cấp khí cho phương tiện giao thông vận tải và



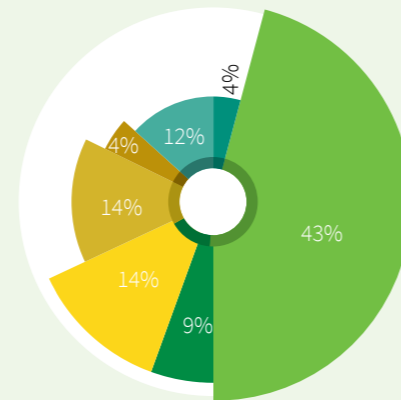
Giữ sạch môi trường xung quanh và bảo dưỡng định kỳ Nhà máy sản xuất khí Phú Mỹ I của CNG Việt Nam.

nguồn **NHÂN LỰC** CỦA **CNG VIỆT NAM**

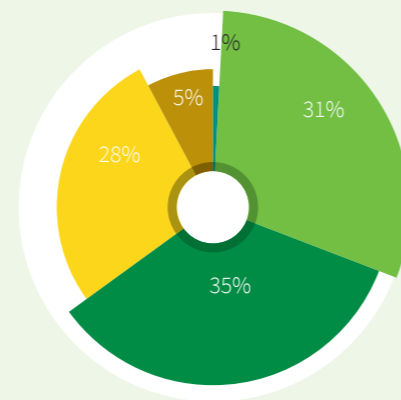
TẠI SAO LẠI QUAN TRỌNG

Nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất đảm bảo cho sự thành công của CNG Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gia tăng. Vì vậy, CNG Việt Nam luôn tập trung trong việc đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân viên.

Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn chú trọng phát triển năng lực của nhân viên thông qua các khoá đào tạo, từ đó, giúp gia tăng sự hài lòng của nhân viên, tạo động lực để nhân viên gắn bó và cống hiến hết mình cho Công ty.



Độ tuổi	Số lượng	Tỷ lệ
Thạc sĩ	8	4%
Đại học	97	43%
Cao đẳng	20	9%
Trung cấp	31	14%
Công nhân kỹ thuật	32	14%
Sơ cấp, trung học chuyên nghiệp	10	4%
Lái xe	28	12%

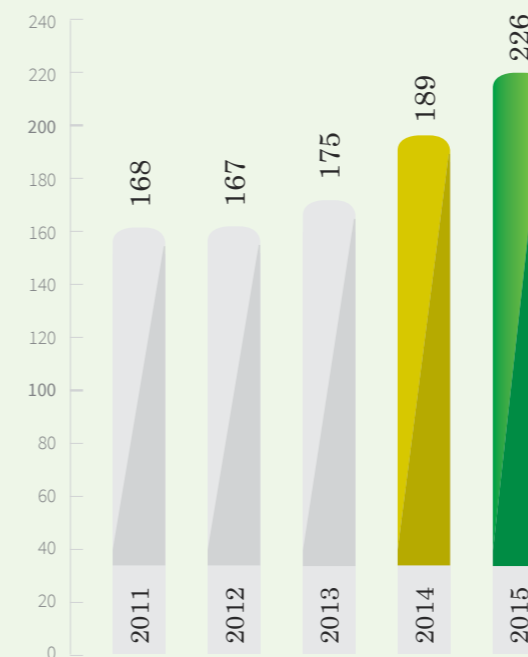


Độ tuổi	Số lượng	Tỷ lệ
Tuổi 21 - 30	71	31%
Tuổi 31 - 39	79	35%
Tuổi 40 - 49	63	28%
Tuổi 50 - 55	10	5%
Tuổi 56 - 60	3	1%

CHÚNG TÔI ĐÃ LÀM GÌ

Tích cực thúc đẩy, phát huy, tạo dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp phù hợp với văn hóa doanh nghiệp Petro Việt Nam và mang phong cách riêng mà trong đó giá trị của người lao động luôn được trân trọng và phát huy.

SỐ LƯỢNG CBCNV (Người)



01. MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Nhân lực là yếu tố nền tảng, quyết định sự tăng trưởng và phát triển của Công ty. Việc xây dựng và thiết lập môi trường làm việc hiện đại, cởi mở nhằm thu hút và tạo động lực làm việc cho tập thể CBCNV là công tác được Công ty đặc biệt chú trọng.

Theo đó, CNG Việt Nam xây dựng môi trường làm việc đảm bảo các yếu tố sau:

- ★ Trân trọng giá trị lao động;
- ★ Tạo cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp;
- ★ Sử dụng lao động trên cơ sở tự nguyện.

TRÂN TRỌNG GIÁ TRỊ LAO ĐỘNG

Trong quá trình hình thành và phát triển, một trong những định hướng mang tính chiến lược để thu hút và nâng cao trình độ, chất lượng nguồn nhân lực của Công ty là tích cực thúc đẩy, phát huy, tạo dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp phù hợp với văn hóa doanh nghiệp Petro Việt Nam và mang phong cách riêng mà trong đó giá trị của người lao động luôn được trân trọng và phát huy. Một môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, thân thiện, gắn bó, đoàn kết chính là điểm mạnh thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đến làm việc tại Công ty.

- ★ Ban Lãnh đạo luôn tạo điều kiện cho nhân viên chủ động trong công việc.
- ★ CBCNV luôn nhận được sự hỗ trợ tối đa từ phía Ban Tổng Giám đốc, Trưởng bộ phận khi có yêu cầu hoặc khi gặp khó khăn trong xử lý công việc.
- ★ Chính sách thi đua khen thưởng công bằng, cạnh tranh, phù hợp với đặc thù SXKD của Công ty, chính sách của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Ngoài những chế độ đãi ngộ cho nhân viên theo quy định của Nhà nước, Công ty còn phát triển chính sách khen thưởng, phúc lợi đặc thù như thưởng an toàn, đãi ngộ về y tế, bảo hiểm nhân thọ, ...
- ★ Nhiều hoạt động nhằm mục đích khơi sáng trí tuệ, khỏe mạnh thể chất, vững chắc tinh thần được Công ty phối hợp cùng BCH Công đoàn, Đoàn Thanh niên tổ chức thành công và mang lại hiệu quả cao như: Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, CLB bóng đá, tennis, cầu lông, bơi lội, CLB văn nghệ, phong trào chung tay giữ gìn môi trường xanh sạch đẹp, ... Các hoạt động đã thu hút nhiều CBCNV thi đua lao động sáng tạo, không ngừng rèn luyện, học tập nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, rèn luyện thể chất vì sự phát triển toàn diện và bền vững của CNG Việt Nam.

Công ty đã và đang xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, bình đẳng và cạnh tranh, tất cả CBCNV trong Công ty đều được đối xử công bằng, không phân biệt giới tính, tuổi tác, chủng tộc, thân thế, ...

Công ty đã xây dựng quy chế tiền lương, tiền lương tuân thủ theo các quy định của Nhà nước nhằm xây dựng một cơ chế trả lương công bằng và hiệu quả góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, xây dựng môi trường làm việc công bằng, cạnh tranh, duy trì và phát triển nguồn nhân

lực chất lượng và gắn bó với Công ty. Cụ thể, tiền lương, tiền thưởng của NLD được trả căn cứ vào các yếu tố:

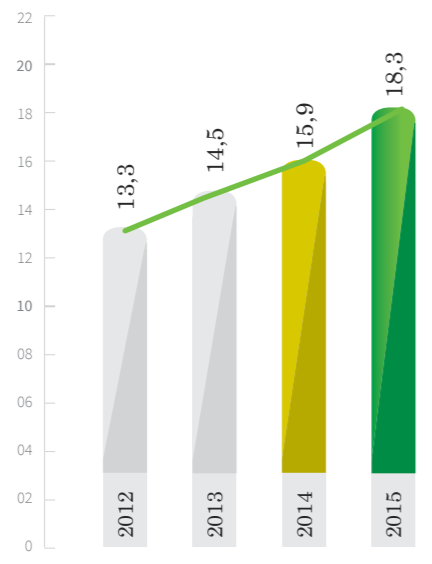
- ★ Phạm vi, trách nhiệm và nghĩa vụ của chức danh công việc đảm nhận;
- ★ Năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc;
- ★ Năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm làm việc của NLD;
- ★ Hiệu quả SXKD của Công ty.

Bảng thống kê thu nhập bình quân của người lao động

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Thu nhập bình quân của người lao động (Triệu đồng)	13,3	14,5	15,9	18,3

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG
(Triệu đồng)

— Thu nhập bình quân.
— Mức tăng trưởng qua các năm.



TẠO CƠ HỘI THĂNG TIẾN VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP

Nhận thức rõ việc tạo điều kiện để từng nhân viên có cơ hội thăng tiến và không ngừng phát triển bản thân, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ là một trong các động lực quan trọng nhất để người lao động gắn bó lâu dài với Công ty, CNG Việt Nam đã từng bước hoàn thiện việc đánh giá nhân viên theo đúng năng lực làm việc và đào tạo để phát triển đội ngũ kế thừa cho các vị trí quan trọng. CNG Việt Nam cam kết mọi nhân viên đều được tạo cơ hội một cách bình đẳng dựa trên năng lực.

CNG Việt Nam thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu để phát triển đội ngũ nhân viên, đặc biệt là năng lực quản lý. Ban Lãnh đạo cũng cam kết sẽ tạo môi trường tốt nhất để nhân viên phát huy hết khả năng của mình. Môi trường ấy là nơi để CBCNV có thể cống hiến hết mình, không ngừng sáng tạo, phát huy thế mạnh và cùng lớn mạnh với ngôi nhà CNG Việt Nam.

Bảng thống kê số lượng CBCNV được đề bạt, bổ nhiệm năm 2015

	Số lượng	% Tổng lao động
Số lượt người được bổ nhiệm	10	4,40%
Số lượt người được giao nhiệm vụ	6	2,65%

SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRÊN CƠ SỞ TỰ NGUYỆN

Quan hệ lao động được CNG Việt Nam xem là một yếu tố quan trọng để hình thành và duy trì sự hài hòa trong kinh doanh. Công ty sử dụng lao động trên cơ sở tuân thủ theo Luật lao động hiện hành. Người lao động và Ban Lãnh đạo tin tưởng lẫn nhau để chia sẻ kỳ vọng cũng như lợi ích cho cả hai bên.

Người lao động thường xuyên được trao đổi với lãnh đạo về các vấn đề mà họ quan tâm thông qua Đoàn thanh niên, Công đoàn và định kỳ tại các cuộc đối thoại trực tiếp với người lao động hàng quý và tại Hội nghị người lao động hàng năm. Công ty đã ban hành Quy chế thực hiện dân chủ theo Quyết định số 195/QĐ – CNG ngày 19/8/2013.

Kể từ khi ban hành, Quy chế dân chủ đã được triển khai thực hiện tốt trong toàn Công ty, được thể hiện qua:

Việc lập kế hoạch SXKD hàng quý, năm được thực hiện từ các phòng, ban, đơn vị.

Công khai hóa kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD của Công ty trước hội nghị người lao động gồm: Chỉ tiêu doanh thu, nộp ngân sách, các khoản đầu tư phát triển, tình hình trích lập quỹ phúc lợi và trích nộp các loại bảo hiểm cho NLD.

Tổng Giám đốc và Chủ tịch công đoàn Công ty luôn tiếp nhận các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty, thông qua các cấp quản lý đơn vị, các tổ công đoàn và trực tiếp người lao động.

Phát huy quyền dân chủ trực tiếp của Người lao động; tạo điều kiện để Người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của Người lao động;

Nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của Người sử dụng lao động đối với Người lao động; tạo điều kiện để các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội của Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện quyền dân chủ cho Người lao động;

Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, góp phần phòng ngừa và hạn chế tranh chấp lao động trong hoạt động SXKD; thực hiện dân chủ trong khuôn khổ pháp luật, xây dựng Công ty phát triển bền vững.

Ngay từ những năm đầu mới thành lập, Tổng Giám đốc đại diện cho người sử dụng lao động và Chủ tịch công đoàn đại diện cho người lao động cùng ký kết “Thỏa ước lao động tập thể” sau khi hai bên cùng thống nhất về các nội dung và điều khoản hoàn toàn phù hợp với luật hiện hành. Thỏa ước lao động tập thể bao gồm các điều khoản có lợi cho người lao động.

Tất cả nhân viên vào Công ty đều được ký kết hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu vị trí công việc. Mọi quyền lợi của người lao động được đảm bảo theo Bộ Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.



Bảng thống kê về lao động qua các năm

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Hợp đồng lao động					
a	Không xác định thời hạn	Người	73	97	131	161
b	Xác định thời hạn 1 – 3 năm	Người	95	74	54	65
c	Thời hạn ngắn hơn 01 năm	Người	1	4	4	0
2	Tỷ lệ nhân viên được ký hợp đồng lao động	%	100%	100%	100%	100%
3	Biến động về nhân viên					
a	Tuyển dụng mới	Người	27	16	19	37
b	Nghỉ việc, trong đó	Người	26	10	5	0
	Nghỉ hưu	Người	1	0	0	0
	Chấm dứt hợp đồng	Người	25	10	5	0



02. GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Ban Lãnh đạo nhận thức sâu sắc vai trò nguồn nhân lực là yếu tố quyết định và đồng hành với sự phát triển của Công ty, đặc biệt đối với một ngành công nghiệp khí CNG đòi hỏi chất lượng nguồn nhân lực cao.

Bên cạnh việc tuyển dụng các ứng viên khá giỏi, có kinh nghiệm vào làm việc, trong các năm qua, Công ty đã xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo dựa trên tiêu chí đa dạng, bám sát nhu cầu thực tế nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBCNV, đáp ứng những đòi hỏi mới của yêu cầu SXKD và đầu tư phát triển về nhiều lĩnh vực, nhiều chuyên ngành như: Ngoại ngữ, kỹ thuật, quản trị và các kỹ năng làm việc khác cho CBCNV thể hiện qua số khóa đào tạo, số lượt người được đào tạo và chi phí dành cho đào tạo ổn định và có xu hướng tăng dần qua các năm.

Bên cạnh các khóa đào tạo thường xuyên, CNG Việt Nam đã triển khai các chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ quản lý như khóa học “Nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ quản lý cấp trung”, “Quản trị Công ty”...

Các bộ phận phụ trách đào tạo bao gồm: Ban TC – HC, Ban KT – AT – CL, Giám đốc, Phó Giám đốc Nhà máy và Trưởng các Phòng tại Nhà máy CNG Phú Mỹ. Sau khi tham gia các khóa đào tạo, các cán bộ được đào tạo sẽ đào tạo lại cho các nhân viên khác theo mô hình đào tạo nội bộ.

Ngay từ khi mới thành lập, Công ty đã ban hành quy trình đào tạo, quy trình này yêu cầu phải tiến hành phân tích nhu cầu đào tạo và đánh giá sau đào tạo. Nhờ vào đó, Công ty đã lựa chọn đúng các khóa đào tạo và đối tượng đào tạo để đảm bảo nguồn lực đào tạo đáp ứng được yêu cầu công việc và sự phát triển của Công ty.

Công ty cũng thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ về an toàn, về quy trình vận hành, quy trình phối hợp để đảm bảo an toàn trong vận hành và vận chuyển khí CNG.



Bảng thống kê hoạt động đào tạo của CNG Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Số lượng khóa đào tạo	Khóa	44	43	45	44
a	Đào tạo nội bộ	Khóa	8	12	13	13
b	Đào tạo bên ngoài	Khóa	36	31	32	31
2	Số lượt người tham dự đào tạo	Lượt người	725	427	552	973
a	Cấp độ nhân viên	Lượt người	626	369	467	908
b	Cấp độ quản lý	Lượt người	99	58	85	65
3	Số giờ đào tạo/nhân viên	Giờ	0,97	1,61	1,3	2,5
4	Chi phí dành cho hoạt động đào tạo					
a	Chi phí kế hoạch dành cho đào tạo	Tỷ đồng	2,05	1,90	1,20	1,81
b	Chi phí đào tạo sử dụng thực tế	Tỷ đồng	1,11	0,75	1,20	2,18
c	Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách	%	54,2%	39,5%	100,0%	120,9%

03. AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Đối với Công ty, an toàn sức khỏe nghề nghiệp là một trong những công tác quan trọng hàng đầu vì đặc thù ngành khí là nơi luôn tiềm ẩn các rủi ro về cháy nổ. Ngoài ra, công tác chăm sóc an toàn sức khỏe nghề nghiệp cũng chính là trách nhiệm của doanh nghiệp đối với người lao động.

Ban KT – AT – CL là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý về tất cả hoạt động liên quan đến an toàn, sức khỏe và môi trường. Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật là người đại diện điều hành mọi hoạt động trên.

Trong năm 2015, Công ty không có lỗi “không tuân thủ” nào trong lĩnh vực an toàn sức khỏe nghề nghiệp. Ban Lãnh đạo Công ty luôn chú trọng đến việc quản lý và đầu tư cho công tác chăm sóc sức khỏe (CSSK) người lao động, coi vấn đề chăm sóc, cải thiện điều kiện sức khỏe người lao động là một trong những yếu tố quyết định đến chất lượng và năng suất lao động. Có sức khỏe tốt cùng với đời sống đảm bảo và môi trường làm việc thân thiện thì người lao động mới hoàn thành tốt công việc và gắn bó lâu dài với Công ty. Vì vậy, mục tiêu của Công ty luôn là: **đảm bảo cho người lao động, ngay từ những ngày đầu làm việc tại CNG Việt Nam, được quan tâm chăm sóc, được theo dõi quản lý cũng như nhận thức rõ quyền lợi và trách nhiệm của mình.**

Đây cũng chính là định hướng cho công tác CSSK của Công ty trong thời gian tới.

Chiến lược về con người đã được cam kết ngay từ chính sách An toàn - Sức khỏe – Môi trường (AT-SK-MT), đặc

biệt nhấn mạnh hơn khi Công ty từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý tích hợp về An toàn - Sức khỏe – Môi trường và chất lượng trong tất cả các khâu hoạt động sản xuất, kinh doanh và đã được cấp chứng chỉ tích hợp các hệ thống quản lý An toàn - Sức khỏe – Môi trường theo tiêu chuẩn OHSAS 18001, hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 và chứng chỉ quản lý hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 bởi tổ chức đánh giá chứng nhận quốc tế (Viện Tiêu chuẩn Anh – BSI Việt Nam).

Hàng năm, công tác Vệ sinh lao động (VSLĐ) được tuân thủ theo Pháp luật, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngay từ những thời kỳ đầu mới thành lập, công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe người lao động, tới các cấp quản lý và người lao động đã được quan tâm thực hiện; đảm bảo 100% người lao động được quản lý hồ sơ sức khỏe và hỗ trợ y tế khi cần thiết.





NGUỒN NHÂN LỰC (tiếp theo)

Công ty luôn cam kết mang lại điều kiện làm việc an toàn và tiện nghi nhất cho người lao động:

- ★ Đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc ở tất cả các nơi từ Văn phòng Công ty cho đến Nhà máy, Chi nhánh, trạm con.
- ★ Phương tiện, công cụ bảo hộ lao động luôn được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn an toàn theo Luật Bảo hộ lao động.
- ★ Các hoạt động tập huấn, đào tạo được tổ chức hàng năm:
 - Tập huấn về an toàn lao động: 100% người lao động tại Công ty.
 - Tập huấn về phòng cháy chữa cháy: 100% người lao động của Công ty.
 - Tổ chức các cuộc diễn tập phòng cháy chữa cháy hàng năm tại Văn phòng Công ty và Nhà máy.
 - Tham gia các cuộc thi về PCCN, ATVSLĐ của Tổng Công ty tổ chức và đạt các giải cao.
 - Thông qua hoạt động ghi thẻ STOP và thành lập mạng lưới An toàn vệ sinh viên Công ty đã tuyên truyền được văn hóa an toàn đến từng CBCNV và công tác an toàn được cải tiến rõ rệt, đảm bảo hoạt động sản xuất liên tục và ổn định.

Chăm sóc sức khỏe cho người lao động: Công tác quản lý CSSK người lao động được Công ty đặc biệt quan tâm, 100% trường hợp nhân viên của Công ty được khám sức khỏe. Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, khám sức khỏe cho CBCNV nữ và khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV làm việc trong môi trường nguy hiểm độc hại.

Công ty cũng thực hiện lồng ghép khám tầm soát phát hiện, tư vấn điều trị, quản lý các bệnh có nguy cơ

Thông kê về chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp tại CNG Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Chi phí bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	Triệu đồng	486,36	709,27	771,34	842,49
2	Chi phí cho hoạt động chăm sóc sức khỏe	Triệu đồng	336,88	343,24	337,28	500
3	Số ca tai nạn lao động ảnh hưởng đến khả năng lao động	Ca	0	0	0	0

cao cho sức khỏe CBCNV như viêm gan siêu vi B, ung thư, lao...; chủ động phòng ngừa dịch bệnh theo các khuyến cáo y tế trên địa bàn như phòng chống sốt xuất huyết, HIV-AIDS, cúm...; thực hiện nguyên tắc phòng bệnh hơn chữa bệnh, đảm bảo sức khỏe cho người lao động. 100% CBCNV của Công ty được mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội theo quy định và Bảo hiểm sức khỏe sinh mạng cá nhân với mức trách nhiệm cao. Bên cạnh đó, CBCNV còn được hướng dẫn, tuyên truyền nâng cao nhận thức để tránh xa các tệ nạn xã hội qua nhiều hình thức như tổ chức nói chuyện chuyên đề, treo băng rôn, khẩu hiệu...

Các chương trình chăm sóc sức khỏe cho người lao động năm 2015

TT	Chương trình	Đối tượng
1	Khám sức khỏe định kỳ	100% CBCNV
2	Khám sức khỏe chuyên sâu cho CBCNV nữ	100% CBCNV
3	Khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV làm việc trong môi trường nguy hiểm độc hại	100% CBCNV
4	Bảo hiểm y tế	100% CBCNV
5	Bảo hiểm xã hội	100% CBCNV
6	Bảo hiểm sức khỏe sinh mạng cá nhân	100% CBCNV
7	Bảo hiểm hưu trí tự nguyện với mức ủng hộ của Công ty: 1.000.000 đồng/tháng/người	100% CBCNV

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NĂM 2015

- ★ **100% người lao động trong Công ty được bố trí việc làm đầy đủ**, phù hợp với trình độ chuyên môn và ổn định lâu dài. Công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty được thực hiện căn cứ định biên lao động được HĐQT Công ty phê duyệt, quy trình tuyển dụng nhân sự của Công ty.
- ★ **Chế độ làm việc đảm bảo** thời gian làm việc không vượt quá 48 giờ/tuần, tuân thủ đúng quy định của Luật lao động và TULĐTT, NQLĐ.
- ★ **NLĐ được bố trí nghỉ đầy đủ** vào các ngày Lễ, Tết và các ngày nghỉ hưởng nguyên lương. Đối với các trường hợp NLĐ đi làm trùng vào các ngày nghỉ này được tính làm thêm giờ theo quy định của Luật lao động.
- ★ **Thực hiện việc phân bổ quỹ lương, chi trả tiền lương, tiền thưởng hàng tháng, quý, năm cho NLĐ** được gắn với kết quả công việc, kết quả SXKD và tuân thủ theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty. Cụ thể năm 2015, trích lập Quỹ lương 45,6 tỷ đồng, tiền lương bình quân theo số thực chi đạt 18,3 triệu đồng/người/tháng.
- ★ **Thực hiện điều chỉnh lương chức danh** cho NLĐ trong Công ty kịp thời, gắn với kết quả thực hiện công việc và chính sách thu hút lao động có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý giỏi, động viên khuyến khích kịp thời NLĐ có thành tích xuất sắc.
- ★ **Xét điều chỉnh lương cơ bản hàng năm** cho NLĐ theo đúng quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định khác của Công ty và Nhà nước.
- ★ **Trích nộp đầy đủ và kịp thời** tiền BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ trong năm 2015; Giải quyết các chế độ chính sách cho NLĐ đầy đủ: nghỉ thai sản, ốm đau, tử tuất, trợ cấp thất nghiệp,... Mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật) cho NLĐ với các mức trách nhiệm từ 80 – 180 triệu/người/vụ; hỗ trợ mua bảo hiểm hưu trí cho CBCNV mức 1 triệu đồng/người/tháng.

★ **Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi** năm 2015 là 12 tỷ đồng và thực hiện theo đúng TULĐTT, các chế độ khác cho NLĐ như sau:

- Thực hiện đầy đủ các quy định về hiếu, hỷ cho người lao động theo chính sách phúc lợi của Công ty.
- Thực hiện việc bồi dưỡng hiện vật cho NLĐ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty.
- Tặng quà các ngày kỷ niệm thành lập Công ty, ngày truyền thống Dấu khí Việt Nam, ngày Lễ, Tết Dương lịch, Tết Âm lịch, ngày Phụ nữ Việt Nam...



Chủ tịch Vũ Tuấn Ngọc trao tặng hoa cho Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Hồng Hải - đại diện phái nữ của CNG Việt Nam.



CNG Việt Nam chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam ngày 20/10/2015.



NGUỒN NHÂN LỰC (tiếp theo)

- Trang bị đồng phục, trang phục, phù hiệu cho NLĐ trong Công ty.
- Hàng năm, Công ty tổ chức đi tham quan du lịch cho NLĐ theo Quy chế Tổ chức tham quan du lịch. Trong năm 2015 đã tổ chức cho CBCNV đi du lịch (Hàn Quốc, xuyên Việt) với tổng chi phí 696 triệu đồng.
- Tổ chức các hoạt động cho con em NLĐ như: Tặng quà nhân ngày 1/6, tặng quà và tổ chức vui chơi Trung thu, tặng quà cho con em CBCNV đạt kết quả cao trong học tập;
- Tạo điều kiện cho NLĐ được tham gia các phong trào văn hóa, thể thao, dã ngoại, vui chơi giải trí nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV
- ★ **Tổ chức 44 khóa đào tạo** chuyên môn nghiệp vụ, quản lý..., với 973 lượt người, tương ứng chi phí gần 2,2 tỷ đồng. 100% NLĐ được đào tạo, phổ biến TỬLĐTT, NQLĐ, Văn hóa doanh nghiệp, Quy định về BHLĐ và an toàn lao động trước khi ký hợp đồng lao động với Công ty.



1. Giải bóng đá nhà máy CNG Phú Mỹ mở rộng.
2. Tổ chức vui chơi cho con em CBCNV CNG Việt Nam nhân ngày 1/6.
- 3-4-5 Tập thể nhân viên CNG Việt Nam.





TẠI SAO LẠI QUAN TRỌNG

Đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội là một trong những mục tiêu quan trọng mà Công ty hướng đến. Đóng góp của CNG Việt Nam đối với sự phát triển của cộng đồng thể hiện ở nhiều mặt như nghĩa vụ nộp thuế, tạo công ăn việc làm, chính sách phúc lợi cho người lao động, bảo vệ môi trường, hoạt động từ thiện... Việc thực hiện công tác hỗ trợ cộng đồng không chỉ là trách nhiệm của Ban lãnh đạo hay nhóm phụ trách công tác xã hội mà toàn thể người lao động cùng tham gia.

CÁC HOẠT ĐỘNG QUAN TRỌNG TRONG NĂM 2015

Trong năm 2015, CNG Việt Nam tiếp tục duy trì các hoạt động cộng đồng, xã hội, từ thiện như là những truyền thống tốt đẹp của Công ty, không những khơi gợi nghĩa vụ cộng đồng mà còn hun đúc tinh thần gắn kết trong CBCNV, phấn đấu hoàn thành mục tiêu SXKD của toàn Công ty.

Về nguồn: Chương trình “Về nguồn” là hoạt động thường niên, thật sự đã tạo dấu ấn tốt đẹp và trở thành một nét văn hóa của CNG Việt Nam. Từ ngày 22/10 đến 26/10/2015, Công đoàn Công ty đã tổ chức chuyến hành trình về nguồn “Về thăm Quê Bác” và tri ân, dâng hương tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng các Anh hùng liệt sĩ đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước tại Ngã ba Đồng Lộc, Nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn, Thành cổ Quảng Trị. Trong chương trình, đoàn cũng đã đi thăm các di tích lịch sử: Cầu Hiền Lương, Địa đạo Vịnh Mốc, Sông Thạch Hãn, Cố đô Huế....

Hành trình về nguồn tri ân các Anh hùng liệt sĩ là dịp để CBCNV CNG Việt Nam ôn lại truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc, nối dài truyền thống đạo nghĩa “uống nước nhớ nguồn”, bồi đắp thêm lý tưởng cách mạng của Đảng, ý chí quật cường của dân tộc, đồng thời, nêu cao tinh thần trách nhiệm của thế hệ hôm nay đối với những thế hệ đi trước trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Chung sức vì môi trường – Hướng ứng Giò Trái đất: Tiếp nối thành công của chuỗi hoạt động “Thanh niên CNG Việt Nam vì một môi trường xanh”, hướng ứng ngày môi trường thế giới 05/06/2015, Chi đoàn CNG Việt Nam đã tổ chức chương trình “Đạp xe đạp treo băng rôn cổ động và dọn dẹp bãi biển” lần thứ 3 tại thành phố biển Vũng Tàu.

Với mong muốn tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức không xả rác bừa bãi ra môi trường, tác hại của việc xả rác, chương trình còn là thông điệp kêu gọi mọi người hãy chung tay cùng Đoàn thanh niên CNG Việt Nam bảo vệ môi trường, góp phần giúp môi trường sống của chúng ta cũng như cảnh quan thành phố biển Vũng Tàu xanh – sạch – đẹp hơn.

Ngoài ra, toàn thể CBCNV Công ty cũng đã tích cực hưởng ứng phong trào Giò Trái đất, tắt điện để chuyển tải thông điệp hạn chế hiệu ứng nhà kính, bảo vệ môi trường đến người dân Vũng Tàu.

Đây là những hoạt động rất có ý nghĩa, thiết thực đối với môi trường và sẽ được Đoàn Thanh niên CNG Việt Nam duy trì trong thời gian sắp tới để trở thành hoạt động thường niên.

Tặng quà cho hộ nghèo đón Tết: Ngoài việc tặng quà cho 02 gia đình thuộc diện chính sách được CNG Việt Nam xây tặng nhà tình nghĩa năm 2011, 2013 tại Tân Thành và Xuyên Mộc, Công ty còn trao tặng 20 phần quà cho các hộ nghèo cư trú tại phường Thắng Nhất, Vũng Tàu.

Giá trị mỗi phần quà là 500.000 đồng, tuy không nhiều nhưng cũng đem đến niềm vui cho mỗi gia đình vì đó là sự quan tâm, chia sẻ của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NĂM 2015
Đoàn thanh niên, Công đoàn Công ty trong năm qua đã có nhiều nỗ lực, sáng tạo để tiếp tục duy trì các hoạt động vì cộng đồng. Dù chưa nhiều nhưng những hoạt động này đã thể hiện được phần nào triết lý phát triển cùng cộng đồng của CNG Việt Nam.



Hoạt động đền ơn đáp nghĩa, thiện nguyện vì bệnh nhân nghèo và trẻ em mồ côi.





Văn phòng chính của CNG Việt Nam tại Tòa nhà Gas Tower số 61B đường 30/4, Phường Thăng Nhất, Thành phố Vũng Tàu.

GIÁ TRỊ HÔM NAY VỮNG BƯỚC TIẾN TƯƠNG LAI

Những giá trị CNG Việt Nam tạo ra không chỉ mang lợi ích cho bản thân doanh nghiệp, cho khách hàng, cho xã hội mà còn là chỉ số niềm tin cho Cổ đông/Nhà đầu tư, là nền tảng để CNG Việt Nam vững tin tiếp bước theo định hướng “Phát triển bền vững”, tận dụng cơ hội tăng tốc cùng nền kinh tế Việt Nam trong tương lai.



Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "**Công ty**") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông VŨ TUẤN NGỌC	:	Chủ tịch
Ông ĐẶNG VĂN VĨNH	:	Thành viên
Bà LÊ THỊ THU GIANG	:	Thành viên
Bà NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI	:	Thành viên
Ông TRẦN VĂN NGHỊ	:	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông ĐẶNG VĂN VĨNH	:	Tổng Giám đốc
Ông TRẦN QUANG ĐÁN	:	Phó Tổng Giám đốc
Ông BÙI VĂN ĐÀN	:	Phó Tổng Giám đốc
Bà NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI	:	Phó Tổng Giám đốc
Ông NGUYỄN NGUYỄN VŨ	:	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 12 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- ★ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ★ Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ★ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ★ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- ★ Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

ĐẶNG VĂN VĨNH
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2016.



**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 26 tháng 02 năm 2016, từ trang 122 đến trang 147, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



LÊ ĐÌNH TỬ

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0488-2013-001-1

NGUYỄN TRỌNG THỂ

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2649-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 26 tháng 02 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		465.633.340.617	521.087.847.405
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	281.710.813.470	288.734.892.821
1. Tiền	111		32.310.813.470	126.619.892.821
2. Các khoản tương đương tiền	112		249.400.000.000	162.115.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.000.000.000	40.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	13.000.000.000	40.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		135.602.339.039	157.879.557.769
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	132.158.317.364	153.510.756.890
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.945.987.381	3.684.831.426
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.750.218.889	7.713.560.961
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.252.184.595)	(7.029.591.508)
IV. Hàng tồn kho	140		26.446.863.900	21.931.573.085
1. Hàng tồn kho	141	10	26.446.863.900	21.931.573.085
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.873.324.208	12.541.823.730
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	8.347.026.069	7.515.757.001
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		524.215.318	5.023.983.908
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.082.821	2.082.821
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		178.162.866.544	120.434.292.003
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		936.000.000	334.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	936.000.000	334.000.000
II. Tài sản cố định	220		170.817.116.061	109.822.617.254
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	170.390.481.805	109.110.332.709
- Nguyên giá	222		679.452.127.701	554.228.241.388
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(509.061.645.896)	(445.117.908.679)
2. Tài sản cố định vô hình	227		426.634.256	712.284.545
- Nguyên giá	228		1.009.806.700	1.009.806.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(583.172.444)	(297.522.155)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	2.632.049.006
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	2.632.049.006
IV. Tài sản dài hạn khác	260		6.409.750.483	7.645.625.743
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	6.409.750.483	7.645.625.743
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		643.796.207.161	641.522.139.408

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		245.059.826.377	209.154.360.421
I. Nợ ngắn hạn	310		201.176.465.912	184.284.573.426
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	100.003.964.075	122.303.826.744
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	7.050.802.250	5.550.376.499
3. Phải trả người lao động	314		9.890.753.381	3.353.545.179
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.462.174.315	5.199.471.738
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	43.098.147.358	3.272.089.765
6. Vay ngắn hạn	320	18	38.121.860.356	44.605.236.280
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.548.764.177	27.221
II. Nợ dài hạn	330		43.883.360.465	24.869.786.995
1. Vay và nợ dài hạn	338	18	36.928.912.826	17.915.339.356
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		6.954.447.639	6.954.447.639
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		398.736.380.784	432.367.778.987
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	398.736.380.784	432.367.778.987
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		270.000.000.000	270.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.695.680.000	1.695.680.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.179.045.649	3.554.581.745
4. Cổ phiếu quỹ	415		(3.270.000)	(3.270.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		46.226.828.725	40.602.364.821
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71.638.096.410	116.518.422.421
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	4.029.144.344
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		71.638.096.410	112.489.278.077
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		643.796.207.161	641.522.139.408

PHAN THỊ KIM THOA
Người lập biểu

NGUYỄN MẠNH HÙNG
Kế toán trưởng



ĐẶNG VĂN VĨNH
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 02 năm 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng	01	22	950.207.897.486	1.085.581.454.172
2. Doanh thu thuần về bán hàng	10		950.207.897.486	1.085.581.454.172
3. Giá vốn hàng bán	11	23	717.534.764.477	856.053.296.010
4. Lợi nhuận gộp (20 = 10-11)	20		232.673.133.009	229.528.158.162
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	8.699.779.960	14.308.121.402
6. Chi phí tài chính	22	26	6.216.468.597	7.574.405.723
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.107.955.735	7.483.151.958
7. Chi phí bán hàng	25	27	18.784.468.100	10.767.950.065
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	70.220.675.819	89.408.732.158
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		146.151.300.453	136.085.191.618
10. Thu nhập khác	31		32.563.637	1.200.300.428
11. Chi phí khác	32		1.105.498.429	7.245.260.685
12. Lỗ từ hoạt động khác (40=31-32)	40		(1.072.934.792)	(6.044.960.257)
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		145.078.365.661	130.040.231.361
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	25.115.396.372	25.196.579.027
15. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	1.235.875.260	(7.645.625.743)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		118.727.094.029	112.489.278.077
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	3.993	3.523

PHAN THỊ KIM THOA
Người lập biểu

NGUYỄN MẠNH HÙNG
Kế toán trưởng



ĐẶNG VĂN VĨNH
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 02 năm 2016



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	145.078.365.661	130.040.231.361
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	64.229.387.506	80.028.708.037
Các khoản dự phòng	03	(3.777.406.913)	7.029.591.508
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.936.474	47.000.265
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.556.879.660)	(14.269.835.346)
Chi phí lãi vay	06	6.107.955.735	7.483.151.958
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	203.086.358.803	210.358.847.783
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	16.583.228.874	(2.440.150.836)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(4.515.290.815)	1.241.087.821
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(21.399.757.774)	29.746.371.549
Giảm chi phí trả trước	12	(831.269.068)	(650.610.230)
Tiền lãi vay đã trả	13	(6.099.381.339)	(7.548.709.434)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(25.059.565.033)	(44.012.243.738)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	2.881.350.147
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	161.764.323.648	189.575.943.062
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(122.591.837.307)	(89.309.139.550)
2. Tiền thu hồi từ đầu tư	24	27.000.000.000	25.000.000.000
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	8.663.011.393	15.565.704.925
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(86.928.825.914)	(48.743.434.625)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	92.721.764.163	37.120.608.400
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(80.230.753.820)	(44.556.226.626)
3. Cổ tức đã trả	36	(94.508.169.900)	(94.504.331.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(82.017.159.557)	(101.939.949.326)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(7.181.661.823)	38.892.559.111
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	288.734.892.821	249.841.848.415
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	157.582.472	485.295
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	281.710.813.470	288.734.892.821

PHAN THỊ KIM THOA
Người lập biểu

NGUYỄN MẠNH HÙNG
Kế toán trưởng



ĐẶNG VĂN VĨNH
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 02 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động trong vòng 20 năm theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 tháng 11 năm 2011 với mã chứng khoán là CNG.

Các cổ đông chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sở hữu 55, 2%). Các cổ đông khác sở hữu 44,8% vốn cổ đông.

Công ty được thành lập nhằm thực hiện dự án Chiết nạp khí thiên nhiên (gọi tắt là dự án “CNG Việt Nam”) với thời gian hoạt động của dự án 20 năm kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2007.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 226 người (tại 31 tháng 12 năm 2014: 190 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; cung cấp các dịch vụ cài tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí; mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG để phân phối cho khách hàng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tuổi nợ của các nhóm nợ. Cụ thể như sau:

Nợ quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Từ 11 ngày đến dưới 6 tháng	20%
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	3 - 8

Trong năm 2015, đối với các tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải dùng cho việc sản xuất, chiết nạp khí CNG, Công ty thực hiện khấu hao nhanh theo phương pháp số dư giảm dần được quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013, với thời gian hữu dụng được áp dụng tương tự như thời gian hữu dụng theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm kế toán và phần mềm quản lý nhân sự. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ ba năm đến mười năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí quảng cáo, chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được trích lập chi để sử dụng cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Công ty. Mức trích tối đa là 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc hàng năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho các cổ đông.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	240.044.429	172.828.498
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.070.769.041	126.447.064.323
Các khoản tương đương tiền	249.400.000.000	162.115.000.000
	281.710.813.470	288.734.892.821

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trong vòng 3 tháng với lãi suất tiền gửi từ 4% đến 4,8% một năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: từ 4% đến 5,1%).

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất là 5% một năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 : 4,5%).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Công ty TNHH Thiết bị Hệ thống LPG	9.322.933.765	2.300.000.008
- Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	6.001.144.916	6.312.697.947
- Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	11.590.839.126	21.793.380.907
- Công ty TNHH URC Việt Nam	14.770.949.622	13.809.945.993
- Công ty CP Khai thác Khoáng sản và Sản xuất VLXD Trung Nguyên	12.250.972.559	3.886.107.103
- Các khoản phải thu khách hàng khác	78.221.477.376	105.408.624.932
	132.158.317.364	153.510.756.890

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a. Ngắn hạn	1.750.218.889	7.713.560.961
- Lãi dự thu	561.917.600	668.049.333
- Thuế giá trị gia tăng của chi phí trích trước	-	116.975.785
- Tạm ứng cho nhân viên	219.500.000	379.209.451
- Ký cược, ký quỹ	945.000.000	5.000.000
- Phải thu khác	23.801.289	6.544.326.392
b. Dài hạn	936.000.000	334.000.000
- Ký cược, ký quỹ	936.000.000	334.000.000
	2.686.218.889	8.047.560.961



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

9. NỢ QUÁ HẠN

	31/12/2015 VND		31/12/2014 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi tiết các nợ phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty Cổ phần Đồng Tâm Dotalia	624.498.492	499.598.794	7.179.795.990	5.743.836.792
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	2.566.413.394	2.053.130.715	4.304.240.169	3.443.392.135
Công ty TNHH American Home Việt Nam	2.183.473.466	1.746.778.773	12.669.692.610	10.135.754.088
Công ty TNHH Một Thành Viên Thép Đại Thiên Lộc	800.000.000	640.000.000	2.982.946.648	2.386.357.318
Công ty TNHH Xăng dầu Thành Tâm	2.568.048.819	2.054.439.055	266.800.002	213.440.002
Công ty CP Khai thác Khoáng sản và Sản xuất VLXD Trung Nguyên	5.641.042.262	4.512.833.810	-	-
Các khách hàng khác	1.632.635.129	1.355.070.385	7.744.482.120	6.195.585.696
	16.016.111.562	12.763.926.967	35.147.957.539	28.118.366.031

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Nguyên vật liệu	22.233.192.640	10.832.695.989
Công cụ, dụng cụ	97.565.688	44.595.416
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.116.105.572	11.054.281.680
	26.446.863.900	21.931.573.085

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí bán hàng trả trước	3.993.194.400	1.948.240.280
Chi phí bảo hiểm trả trước	4.353.831.669	3.717.516.724
Chi phí lợi thế thuê đất	-	1.849.999.997
	8.347.026.069	7.515.757.001

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	28.363.208.744	179.269.498.552	345.391.051.107	1.204.482.985	554.228.241.388
Tăng trong năm	-	520.625.000	227.532.333	329.553.000	1.077.710.333
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	36.336.069.251	87.845.891.902	-	124.181.961.153
Giảm khác	35.785.173	-	-	-	35.785.173
Tại ngày 31/12/2015	28.327.423.571	216.126.192.803	433.464.475.342	1.534.035.985	679.452.127.701
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	8.059.107.188	142.823.037.560	293.605.558.549	630.205.382	445.117.908.679
Khấu hao trong năm	1.523.139.084	24.444.195.307	37.699.006.659	277.396.167	63.943.737.217
Tại ngày 31/12/2015	9.582.246.272	167.267.232.867	331.304.565.208	907.601.549	509.061.645.896
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	18.745.177.299	48.858.959.936	102.159.910.134	626.434.436	170.390.481.805
Tại ngày 31/12/2014	20.304.101.556	36.446.460.992	51.785.492.558	574.277.603	109.110.332.709

Theo trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thể chấp một số tài sản có tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 124.787.345.750 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 56.242.194.452 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 423.094.658.028 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 262.098.482.897 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 4, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng trích khấu hao nhanh theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh đối với một số tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải sử dụng vào hoạt động sản xuất, chiết nạp khí CNG. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc áp dụng phương pháp khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn tình hình hoạt động của Công ty cũng như hiệu suất sử dụng tài sản của các máy móc thiết bị này. Theo đó, nếu Công ty tiếp tục áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng đối với các tài sản cố định này, thì chi phí khấu hao trong năm sẽ giảm 18.021.741.690 đồng và lợi nhuận trước thuế sẽ tăng với số tiền tương ứng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thể hiện chênh lệch tạm thời được khấu trừ giữa thuế và kế toán đối với giá trị còn lại của các tài sản cố định khấu hao nhanh. Bảng dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm.

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
- Thuế suất ưu đãi	10%	10%
- Thuế suất thông thường	20%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Chịu thuế suất ưu đãi	1.178.354.412	1.234.408.311
- Chịu thuế suất thông thường	5.231.396.071	6.411.217.432
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.409.750.483	7.645.625.743

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND		31/12/2014 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng các khoản phải trả người bán ngắn hạn	100.003.964.075	100.003.964.075	122.303.826.744	122.303.826.744
a. Phải trả người bán là các bên liên quan	82.806.050.165	82.806.050.165	109.601.930.382	109.601.930.382
- Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	66.987.135.161	66.987.135.161	97.439.191.174	97.439.191.174
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	15.571.483.623	15.571.483.623	10.648.646.779	10.648.646.779
- Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông	142.667.400	142.667.400	25.807.800	25.807.800
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí	104.763.981	104.763.981	1.488.284.629	1.488.284.629
b. Phải trả người bán là bên thứ ba	17.197.913.910	17.197.913.910	12.701.896.362	12.701.896.362

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	24.004.943.761	23.215.258.475	789.685.286
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.513.033.089	25.115.396.372	25.059.565.033	5.568.864.428
Thuế thu nhập cá nhân	37.343.410	5.084.784.277	4.429.875.151	692.252.536
Thuế nhà thầu	-	372.626.210	372.626.210	-
	5.550.376.499	54.577.750.620	53.077.324.869	7.050.802.250

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trích trước lãi vay	112.338.633	103.764.237
Trích trước chi phí sử dụng thương hiệu	-	2.750.948.835
Trích trước chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.951.658.666
Các khoản trích trước khác	1.349.835.682	393.100.000
	1.462.174.315	5.199.471.738

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Kinh phí công đoàn	128.834.413	42.483.928
Bảo hiểm xã hội	3.499.523	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	40.499.509.500	326.669.400
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	1.795.675.021	-
Phải trả khác	670.628.901	2.902.936.437
	43.098.147.358	3.272.089.765

18. CÁC KHOẢN VAY

	Các khoản vay dài hạn sẽ thanh toán trong vòng 1 năm VND	Các khoản vay dài hạn VND
Tại ngày 31/12/2014		
- Giá trị	44.605.236.280	17.915.339.356
- Số có khả năng trả nợ	44.605.236.280	17.915.339.356
Trong kỳ		
- Tăng	55.832.038.540	36.928.912.826
- Giảm	62.315.414.464	17.915.339.356
Tại ngày 31/12/2015		
- Giá trị	38.121.860.356	36.928.912.826
- Số có khả năng trả nợ	38.121.860.356	36.928.912.826

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn theo đối tượng:

Tại ngày 08 tháng 6 năm 2015, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Kỹ Thương Việt Nam ("Techcombank") để tài trợ mua 10 bồn phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 49.900.000.000 đồng và đáo hạn trong vòng 36 tháng. Lãi tiền vay được trả hàng quý với mức lãi suất là 9%/năm cho lần giải ngân đầu tiên chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Lãi tiền vay sau đó được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi vay cơ sở của khoản vay trung hạn áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp cộng với biên độ 1,35%/năm. Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số VTU20156141/HĐTC ngày 08 tháng 6 năm 2015. Công ty đã được giải ngân với tổng số tiền 47.844.184.000 đồng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

18. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

Trong năm 2015, Công ty ký các hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng TMCP An Bình ("ABBank") để tài trợ cho các dự án đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Các khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng lần lượt là 28.660.342.975 đồng, 17.040.000.000 đồng và 8.142.000.000 đồng. Thời hạn vay từ 2 đến 3 năm. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất từ 8%/năm đến 9%/năm cho kỳ giải ngân đầu tiên và được điều chỉnh 3 tháng một lần theo chính sách của Ngân hàng. Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã được giải ngân với tổng số tiền lần lượt là 28.660.342.975 đồng, 9.023.920.740 đồng và 5.712.060.000 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	38.121.860.356	44.605.236.280
Trong năm thứ hai	25.821.403.876	14.326.671.486
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	11.107.508.950	3.588.667.870
	75.050.773.182	62.520.575.636
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	38.121.860.356	44.605.236.280
Số phải trả sau 12 tháng	36.928.912.826	17.915.339.356

Công ty đã thế chấp một số máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn (xem *Thuyết minh 12*).

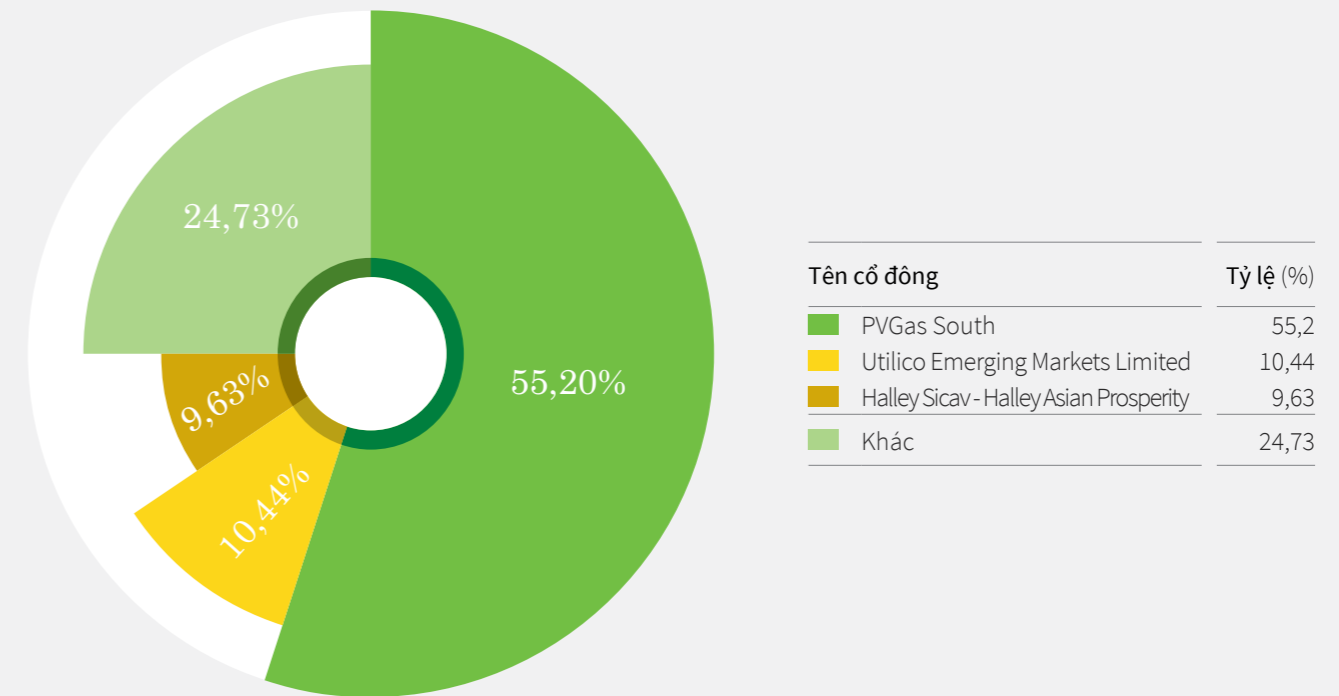
19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	270.000.000.000	1.695.680.000	3.554.581.745	(3.270.000)	8.727.793.258	22.686.989.505	116.298.499.152	422.960.273.660
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	-	-	22.686.989.505	(22.686.989.505)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	112.489.278.077	112.489.278.077
Chi cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(94.498.855.500)	(94.498.855.500)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	9.187.582.058	-	(17.770.499.308)	(8.582.917.250)
Số dư tại ngày 31/12/2014	270.000.000.000	1.695.680.000	3.554.581.745	(3.270.000)	40.602.364.821	-	116.518.422.421	432.367.778.987
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	118.727.094.029	118.727.094.029
Cổ tức công cổ	-	-	-	-	-	-	(134.998.365.000)	(134.998.365.000)
Phân phối quỹ	-	-	5.624.463.904	-	5.624.463.904	-	(28.609.055.040)	(17.360.127.232)
Số dư tại ngày 31/12/2015	270.000.000.000	1.695.680.000	9.179.045.649	(3.270.000)	46.226.828.725	-	71.638.096.410	398.736.380.784

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 04/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 10 tháng 4 năm 2015, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt mức chia cổ tức năm 2014 là 35% /mệnh giá cổ phần từ lợi nhuận chưa phân phối. Trong năm 2015, Công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền với số tiền 94.498.855.500 đồng. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt tạm ứng cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% trên số vốn điều lệ hiện hành, tương đương số tiền 40.499.520.000 đồng. Khoản tạm ứng cổ tức này được Công ty thanh toán bằng tiền trong tháng 01 năm 2016.

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐẾN NGÀY 31/12/2015



Trong năm, Công ty đã trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển, Vốn khác của chủ sở hữu và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền tương ứng là 5.624.463.904 đồng, 5.624.463.904 đồng và 9.960.127.232 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 04/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 10 tháng 4 năm 2015.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phiếu

	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	26.999.673	26.999.673
+ Cổ phiếu quỹ	327	327

Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Các cổ phần này không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015 VND	%	31/12/2014 VND	%
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	149.042.630.000	55.20	149.042.630.000	55.20
Utilico Emerging Markets Limited	28.200.000.000	10.44	10.000.000.000	3.70
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	26.009.400.000	9.63	6.009.400.000	2.23
Cổ đông khác	66.747.970.000	24.73	104.947.970.000	38.87
	270.000.000.000	100	270.000.000.000	100

Ngày 26 tháng 01 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam, Công ty mẹ, đã thông qua Nghị quyết số 18/NQ-KMN về việc thoái toàn bộ phần vốn góp tại Công ty. Thời gian dự kiến thực hiện là trước ngày 30 tháng 4 năm 2016.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	31/12/2014
Đô la Mỹ (USD)	82.659,03	2.867,92

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khí CNG. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 23 và số 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

22. DOANH THU GỘP

Doanh thu gộp là khoản doanh thu từ bán khí CNG trong năm.

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán là giá vốn của khí CNG đã bán trong năm.

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân công	57.189.935.967	49.439.680.308
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.125.628.244	80.013.272.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	204.109.429.519	171.816.083.982
Chi phí khác bằng tiền	21.316.116.707	8.231.826.242
	345.741.110.437	309.500.863.048

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi	8.556.879.660	14.269.835.346
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	142.900.300	38.286.056
	8.699.779.960	14.308.121.402

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền vay	6.107.955.735	7.483.151.958
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	103.552.996	44.253.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.936.474	47.000.265
Khác	23.392	-
	6.216.468.597	7.574.405.723



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VND	2014 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ:		
- Chi phí nhân viên quản lý	18.283.945.815	20.204.050.162
- Chi phí đồ dùng văn phòng	488.418.095	5.909.323.181
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.164.395.319	24.097.193.544
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	41.061.323.503	39.198.165.271
	73.998.082.732	89.408.732.158
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên quản lý	2.756.741.398	2.808.337.588
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.600.664.615	4.475.815.348
- Các khoản chi phí bán hàng khác	6.427.062.087	3.483.797.129
	18.784.468.100	10.767.950.065
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	3.777.406.913	-
	89.005.143.919	100.176.682.223

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	25.115.396.372	25.196.579.027
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	(7.645.625.743)
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.235.875.260	-
Tổng thu nhập thuế TNDN hoãn lại	1.235.875.260	(7.645.625.743)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 22% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2009) và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo (từ năm 2011).

Đối với phần công suất vượt công suất đăng ký kinh doanh hiện tại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán dựa vào cơ sở dữ liệu sau:

	2015 VND	2014 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế	118.727.094.029	112.489.278.077
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành (*)	10.906.139.955	17.360.127.232
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	107.820.954.074	95.129.150.845
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.999.673	26.999.673
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.993	3.523

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 dựa trên số liệu kế hoạch năm 2015 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2015.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.512.183.440	1.117.676.060

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	946.396.080	1.113.775.080
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.796.018.363	3.319.462.166
Sau năm năm	9.449.579.167	9.335.255.625
	13.191.993.609	13.768.492.871

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và thuê văn phòng tại Hà Nội. Chi tiết như sau:

- ★ Tổng số tiền thuê 10.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 1,4 Đô la Mỹ/m² theo hợp đồng thuê đất số 41/HDT/TLĐ/IZICO ngày 16 tháng 8 năm 2007 và các phụ lục kèm theo.
- ★ Tổng số tiền thuê văn phòng và căn hộ tại Hà Nội, Việt Nam với giá thuê hàng tháng là 83.314.340 đồng theo các hợp đồng thuê số 3/1/2015/HDTVP ngày 20 tháng 3 năm 2015 và 99/HDTN/CNGVN-ĐTH ngày 03 tháng 7 năm 2015.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản vay	75.050.773.182	62.520.575.636
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	281.710.813.470	288.734.892.821
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	398.736.380.784	432.367.778.987
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại *Thuyết minh số 4*.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	281.710.813.470	288.734.892.821
Phải thu khách hàng và phải thu khác	131.372.851.658	153.864.172.903
Đầu tư nắm giữ đến ngày đến hạn	13.000.000.000	40.000.000.000
	426.083.665.128	482.599.065.724
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	75.050.773.182	62.520.575.636
Phải trả người bán và phải trả khác	143.102.111.433	125.575.916.509
Chi phí phải trả	1.462.174.315	5.199.471.738
	219.615.058.930	193.295.963.883

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Đô la Mỹ (USD)	1.855.695.223	63.701.961	1.795.675.021	3.449.544.237

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Do hoạt động Công ty phát sinh chủ yếu bằng đồng Việt Nam và số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm không trọng yếu nên Công ty không thực hiện việc phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm/tăng 1.501.015.464 đồng (năm 2014: 1.250.411.513 đồng).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì Công ty đã thực hiện đánh giá tình hình tài chính của khách hàng trước khi ký hợp đồng cung cấp khí, thực hiện quản lý công nợ chặt chẽ bằng các biện pháp phù hợp như đối chiếu công nợ thường xuyên, đốc thúc khách hàng thanh toán đúng hạn theo hợp đồng và tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu một cách thận trọng và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty (xem chính sách trích lập dự phòng tại **Thuyết minh số 4**)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	281.710.813.470	-	281.710.813.470
Phải thu khách hàng và phải thu khác	130.436.851.658	936.000.000	131.372.851.658
Đầu tư nắm giữ đến ngày đến hạn	13.000.000.000	-	13.000.000.000
	425.147.665.128	936.000.000	426.083.665.128
31/12/2015			
Các khoản vay	38.121.860.356	36.928.912.826	75.050.773.182
Phải trả người bán và phải trả khác	143.102.111.433	-	143.102.111.433
Chi phí phải trả	1.462.174.315	-	1.462.174.315
	182.686.146.104	36.928.912.826	219.615.058.930
Chênh lệch thanh khoản thuần	242.461.519.024	(35.992.912.826)	206.468.606.198

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	288.734.892.821	-	288.734.892.821
Phải thu khách hàng và phải thu khác	153.530.172.903	334.000.000	153.864.172.903
Đầu tư nắm giữ đến ngày đến hạn	40.000.000.000	-	40.000.000.000
	482.265.065.724	334.000.000	482.599.065.724
31/12/2014			
Các khoản vay	44.605.236.280	17.915.339.356	62.520.575.636
Phải trả người bán và phải trả khác	125.575.916.509	-	125.575.916.509
Chi phí phải trả	5.199.471.738	-	5.199.471.738
	175.380.624.527	17.915.339.356	193.295.963.883
Chênh lệch thanh khoản thuần	306.884.441.197	(17.581.339.356)	289.303.101.841

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	Công ty mẹ
Utilico Emerging Markets Limited	Cổ đông
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	Cổ đông
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí OSC	Cùng tập đoàn
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí	Cùng tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu		
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông	422.987.401	144.392.313
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	366.214.196.623	468.126.328.544
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	87.716.080.931	152.207.124.451
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông	1.852.703.942	1.717.899.588
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí	921.353.384	5.087.992.312
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí OSC	295.958.400	629.082.000
Chi phí sử dụng tòa nhà văn phòng		
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	2.674.907.989	2.352.306.297
Chi phí sử dụng thương hiệu		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	9.502.078.974	10.855.739.043
Cổ tức chi trả trong năm		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	52.164.920.500	52.164.920.500
Utilico Emerging Markets Limited	7.230.000.000	5.059.189.500
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	5.103.290.000	2.708.949.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	2015 VND	2014 VND
Lương, thưởng và thù lao	6.684.086.424	5.525.152.221

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	2015 VND	2014 VND
Các khoản phải trả thương mại		
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	66.987.135.161	97.439.191.174
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	15.571.483.623	10.648.646.779
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông	142.667.400	25.807.800
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí	104.763.981	1.488.284.629
Cổ tức chưa chi trả		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	22.356.394.500	-
Utilico Emerging Markets Limited	4.230.000.000	-
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	3.901.410.000	-
Chi phí phải trả		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	-	2.750.948.835

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Cổ tức đã trả trong năm không bao gồm số tiền 40.490.195.100 đồng, là số tiền dùng để chi trả cổ tức phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán (năm 2014: 0 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng/giảm các khoản phải trả.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư 200, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của năm báo cáo trước được phân loại lại/ trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay và nhằm chỉnh sửa một số sai sót trong việc trình bày Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, cụ thể như sau:

Trích từ Bảng cân đối kế toán:

	Mã số	Số đã báo cáo tại ngày 31/12/2014	Phân loại lại theo Thông tư 200	Số sau phân loại lại tại ngày 31/12/2014
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN				
1. Đầu tư ngắn hạn (*)	121	40.000.000.000	-40.000.000.000	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	40.000.000.000	40.000.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7.329.351.510	384.209.451	7.713.560.961
4. Tài sản ngắn hạn khác (*)	158	384.209.451	-384.209.451	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN				
1. Phải thu dài hạn khác	216	-	334.000.000	334.000.000
2. Tài sản dài hạn khác (*)	268	334.000.000	-334.000.000	-
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ				
1. Vay và nợ ngắn hạn (*)	311	44.605.236.280	-44.605.236.280	-
2. Vay ngắn hạn	320	-	44.605.236.280	44.605.236.280
3. Vay và nợ dài hạn (*)	334	17.915.339.356	-17.915.339.356	-
4. Vay và nợ dài hạn	338	-	17.915.339.356	17.915.339.356
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU				
1. Quỹ đầu tư phát triển	418	17.915.375.316	22.686.989.505	40.602.364.821
2. Quỹ dự phòng tài chính (*)	418	22.686.989.505	-22.686.989.505	-

(*) Những khoản mục này đã được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và không được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

	Mã số	Số đã báo cáo	Trình bày lại	Số sau trình bày lại
		VND	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.166	-643	3.523

PHAN THỊ KIM THOA
Người lập biểu

NGUYỄN MẠNH HÙNG
Kế toán trưởng



ĐẶNG VĂN VĨNH
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 02 năm 2016



BẢNG THAM CHIẾU ĐẾN NỘI DUNG THÔNG TƯ 155/2015/TT-BTC

Mục tham chiếu (TT 155)	Nội dung	Báo cáo thường niên 2015	Nội dung trong BCTN 2015 /Giải thích bổ sung	Trang
I.	Thông tin chung	✓	Giới thiệu Doanh nghiệp	6
1.	Thông tin khái quát		Tổng quan về CNG Việt Nam	8
2.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	✓	Ngành nghề kinh doanh	12
3.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	✓	Tổ chức và Bộ máy nhân sự	23
4.	Định hướng phát triển	✓	Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi; Triển vọng thị trường năm 2016 và chiến lược kinh doanh; Kế hoạch, Định hướng của Hội đồng Quản trị	9; 50; 64
5.	Các rủi ro	✓	Quản trị rủi ro	70
II.	Tình hình hoạt động trong năm	✓	Tình hình sản xuất kinh doanh và Phân tích của Ban Tổng Giám đốc	32
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	✓	Thành quả kinh doanh đạt được trong năm 2015	39
2.	Tổ chức và nhân sự	✓	Tổ chức và Bộ máy nhân sự	23
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	✓	Tình hình thực hiện các dự án đầu tư	41
4.	Tình hình tài chính	✓	Phân tích tình hình tài chính	42
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	✓	Cơ cấu cổ đông và Quá trình tăng vốn điều lệ	14
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	✓	Báo cáo Phát triển Bền vững	80
III.	Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	✓	Tình hình sản xuất kinh doanh và Phân tích của Ban Tổng Giám đốc	32
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	✓	Bối cảnh hoạt động kinh doanh; Khó khăn và Thuận lợi đối với CNG Việt Nam; Thành quả kinh doanh đạt được trong năm 2015	36; 37; 39

Mục tham chiếu (TT 155)	Nội dung	Báo cáo thường niên 2015	Nội dung trong BCTN 2015 /Giải thích bổ sung	Trang
2.	Tình hình tài chính	✓	Phân tích tình hình tài chính	42
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	✓	Những giải pháp điều hành nổi bật năm 2015	38
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai	✓	Triển vọng thị trường năm 2016 và chiến lược kinh doanh; Kế hoạch cụ thể cho năm 2016	50; 58
5.	Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	✗	Không có	-
6.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	✓	Báo cáo Phát triển Bền vững	80
IV.	Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty	✓	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	62
1.	Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	✓	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	62
2.	Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc	✓	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	62
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	✓	Kế hoạch, Định hướng của HĐQT	64
V.	Quản trị công ty	✓	Quản trị Doanh nghiệp	60
1.	Hội đồng Quản trị	✓	Hội đồng Quản trị	64
2.	Ban Kiểm soát	✓	Ban Kiểm soát	66
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	✓	Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban điều hành	69
VI.	Báo cáo tài chính	✓	Báo cáo tài chính (kiểm toán)	116



PHỤ LỤC 2

BẢNG THAM CHIẾU ĐẾN TIÊU CHUẨN GRI (G4)

Mục tham chiếu (G4)	Nội dung	Báo cáo thường niên 2015	Nội dung trong BCTN 2015 /Giải thích bổ sung	Trang
TIÊU CHUẨN CHUNG				
Chiến lược và Phân tích				
G4-1	Tuyên bố của lãnh đạo cấp cao nhất của tổ chức về sự liên quan của PTBV với tổ chức và chiến lược của tổ chức đối với vấn đề PTBV	✓	Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	5
G4-2	Mô tả các tác động, rủi ro và cơ hội chính	✓	Phân tích SWOT phục vụ chiến lược phát triển bền vững	86
Hồ sơ tổ chức				
G4-3	Tên của tổ chức	✓	Tổng quan về CNG Việt Nam	8
G4-4	Sản phẩm dịch vụ chính	✓	Lĩnh vực hoạt động	12
G4-5	Địa chỉ trụ sở chính	✓	Tổng quan về CNG Việt Nam	8
G4-6	Số lượng các quốc gia công ty có hoạt động, tên các quốc gia hoặc các khu vực hoạt động chủ yếu hoặc khu vực có liên quan đến vấn đề phát triển bền vững được đề cập trong báo cáo	✓	Địa bàn kinh doanh	12
G4-7	Tính chất sở hữu và hình thái pháp lý	✓	Mô hình quản trị	23
G4-8	Thị trường phục vụ (bao gồm sự phân chia về địa lý, các khu vực phục vụ, ngành phục vụ, các loại khách hàng và người thụ hưởng)	✓	Địa bàn kinh doanh	12
G4-9	Quy mô của tổ chức	✓	Quá trình tăng vốn	14
G4-10	Thống kê về lực lượng lao động	✓	Sơ đồ tổ chức; Nguồn nhân lực	23; 102
G4-11	Tỷ lệ phần trăm người lao động thuộc các thỏa ước lao động tập thể	✓	Nguồn nhân lực (100%, phát huy tính dân chủ của người lao động trong Công tác lao động)	102
G4-12	Mô tả chuỗi cung ứng của tổ chức	✓	Quy trình sản xuất và phân phối khí CNG	18
G4-13	Thay đổi đáng kể liên quan đến quy mô, cấu trúc, quyền sở hữu hoặc chuỗi cung ứng của tổ chức	✓	Giải pháp về hoạt động kinh doanh	38
G4-14	Tổ chức có đưa ra phương pháp phòng ngừa hoặc nguyên tắc phòng ngừa hay không và áp dụng xử lý như thế nào	✓	Quản trị rủi ro	70
G4-15	Liệt kê các điều khoản, nguyên tắc về KT-MT-XH được phát triển bên ngoài tổ chức hoặc các sáng kiến khác mà tổ chức tán thành hoặc ủng hộ	✓	Triết lý về an toàn – chất lượng – môi trường của CNG Việt Nam (Hệ thống quản lý An toàn theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, Hệ thống quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, và Hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004)	93
G4-16	Liệt kê quyền hội viên các hiệp hội ngành nghề và các tổ chức đại diện trong nước hoặc quốc tế	✗	-	-

Mục tham chiếu (G4)	Nội dung	Báo cáo thường niên 2015	Nội dung trong BCTN 2015 /Giải thích bổ sung	Trang
Xác định các ranh giới và lĩnh vực trọng yếu				
G4-17	Liệt kê tất cả các đơn vị bao gồm trong các BCTC hợp nhất của tổ chức hoặc các tài liệu tương đương	✓	Sơ đồ tổ chức; Thông tin chung của Báo cáo PTBV	23; 82
G4-18	Quy trình xác định Nội dung Báo cáo và Ranh giới Báo cáo; Cách triển khai các Nguyên tắc Báo cáo cho việc Xác định Nội dung Báo cáo như thế nào	✓	Tổ chức quản trị hướng đến phát triển bền vững	85
G4-19	Liệt kê các Lĩnh vực Trọng yếu trong quy trình xác định Nội dung Báo cáo	✓	Kỳ vọng của các bên liên quan và lĩnh vực trọng yếu	90
G4-20	Với mỗi Lĩnh vực Trọng yếu, báo cáo Ranh giới Lĩnh vực trong tổ chức	✗	-	-
G4-21	Với từng Lĩnh vực Trọng yếu, báo cáo Ranh giới Lĩnh vực bên ngoài tổ chức	✗	-	-
G4-22	Tác động của bất kỳ việc trình bày lại thông tin đã cung cấp nào trong báo cáo trước đó, và những nguyên nhân của việc trình bày lại đó	✗	Không có việc trình bày lại	-
G4-23	Những thay đổi đáng kể về Quy mô và các Ranh giới Lĩnh vực so với các giai đoạn báo cáo trước đây	✓	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT; Thông điệp của Báo cáo PTBV (Các hoạt động, kết quả đạt được về các khía cạnh kinh tế – xã hội – môi trường được đánh giá cụ thể cả ở mặt được và chưa được để không ngừng cải tiến)	5; 83
Sự tham vấn của Các bên liên quan				
G4-24	Danh sách nhóm của các bên liên quan với tổ chức	✓	Các bên liên quan quan trọng	87
G4-25	Cơ sở lựa chọn và xác định các bên liên quan	✓	Các bên liên quan quan trọng	87
G4-26	Phương pháp tiếp cận của tổ chức với sự tham vấn của các bên liên quan, bao gồm tần suất tham gia theo loại và nhóm bên liên quan, và chỉ ra có sự tham vấn nào đã được triển khai đặc biệt trong khuôn khổ của quy trình lập báo cáo hay không	✓	Thiết lập quan hệ bền vững với các bên liên quan	88
G4-27	Các chủ đề và mối quan ngại chính đã được đưa ra thông qua sự tham vấn của các bên liên quan, và tổ chức đã phản hồi như thế nào đối với các chủ đề và mối quan ngại chính này (bao gồm phản hồi qua báo cáo)	✓	Mối quan tâm, kỳ vọng của các bên liên quan và nội dung báo cáo tương ứng	90
Hồ sơ Báo cáo				
G4-28	Giai đoạn báo cáo	✓	Thông tin chung của Báo cáo PTBV	82
G4-29	Thời gian của báo cáo gần nhất	✓	Thông tin chung của Báo cáo PTBV	82
G4-30	Chu kỳ báo cáo	✓	Thông tin chung của Báo cáo PTBV	82
G4-31	Đầu mối liên hệ cho các câu hỏi liên quan đến báo cáo hoặc nội dung của báo cáo	✓	Thông tin chung của Báo cáo PTBV	82
G4-32	Báo cáo phương án “phù hợp” mà tổ chức đã chọn	✓	Báo cáo tích hợp	-
G4-33	Báo cáo chính sách và thông lệ hiện hành của tổ chức về việc sử dụng đảm bảo bên ngoài cho báo cáo	✗	-	-



PHỤ LỤC 2 (tiếp theo)

BẢNG THAM CHIẾU ĐẾN TIÊU CHUẨN GRI (G4) (tiếp theo)

Mục tham chiếu (G4)	Nội dung	Báo cáo thường niên 2015	Nội dung trong BCTN 2015 /Giải thích bổ sung	Trang
Quản trị				
G4-34	Cơ cấu quản trị của tổ chức, bao gồm các ủy ban của cơ quan quản trị cao nhất. Xác định bất kỳ ủy ban nào chịu trách nhiệm ra quyết định về các tác động KT-MT-XH	✓	Tổ chức và Bộ máy nhân sự	23
G4-35	Quy trình ủy quyền cho các chủ đề về KT-MT-XH từ cơ quan quản trị cao nhất đến các giám đốc điều hành cấp cao và các nhân viên khác	✓	Quản trị vì mục đích phát triển bền vững	85
G4-36	Liệu tổ chức đã chỉ định vị trí cấp điều hành hoặc các vị trí chịu trách nhiệm về các chủ đề KT-MT-XH hay không, và những người nắm giữ các vị trí đó có báo cáo trực tiếp cho các cơ quan quản trị cao nhất hay không	✓	Quản trị vì mục đích phát triển bền vững	85
G4-37	Quy trình tham vấn giữa các bên liên quan và cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề KT-MT-XH	✓	Thiết lập quan hệ bền vững với các bên liên quan	88
G4-38	Thành phần của bộ máy quản trị cao nhất và các ủy ban liên quan	✓	Hội đồng Quản trị	64
G4-39	Chủ tịch của cơ quan quản trị cao nhất có phải cũng là giám đốc điều hành hay không	✓	Hội đồng Quản trị	64
G4-40	Các quy trình chỉ định và lựa chọn dành cho cơ quan quản trị cao nhất và các ủy ban của cơ quan này, và những tiêu chí sử dụng cho việc chỉ định và lựa chọn thành viên của cơ quan quản trị cao nhất	✗	Quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT	-
G4-41	Các quy trình dành cho cơ quan quản trị cao nhất để đảm bảo tránh và kiểm soát được xung đột lợi ích. Báo cáo liệu xung đột lợi ích có được công khai cho các bên liên quan hay không	✗	Quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT	-
Vai trò của HĐQT trong việc thiết lập mục tiêu, giá trị và chiến lược				
G4-42	Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất và giám đốc điều hành cấp cao trong việc xây dựng, phê duyệt, và cập nhật mục đích, giá trị hoặc các tuyên bố về sứ mệnh, chiến lược, chính sách và mục tiêu của tổ chức liên quan đến các tác động KT-MT-XH	✓	Quản trị vì mục đích phát triển bền vững	85
Đánh giá năng lực và hiệu quả hoạt động của HĐQT				
G4-43	Các biện pháp được triển khai để phát triển và tăng cường kiến thức tổng hợp của cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề KT-MT-XH	✓	Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm	66
G4-44	Quá trình đánh giá hiệu quả hoạt động của HĐQT liên quan đến vấn đề KT-MT-XH; Hành động tiếp theo sau khi đánh giá hiệu quả hoạt động bao gồm thay đổi thành viên hay quá trình thực thi	✓	Hoạt động của Hội đồng Quản trị	65

Mục tham chiếu (G4)	Nội dung	Báo cáo thường niên 2015	Nội dung trong BCTN 2015 /Giải thích bổ sung	Trang
G4-45	a. Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc xác định và quản trị các tác động, rủi ro và cơ hội về KT-MT-XH b. Hoạt động tham vấn của bên liên quan có được sử dụng để hỗ trợ việc xác định và quản trị các tác động, rủi ro và cơ hội về KT-MT-XH hay không	✓	Quản trị vì mục đích phát triển bền vững	85
G4-46	Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc rà soát lại tính hiệu quả của các quy trình quản trị rủi ro của tổ chức đối với các chủ đề KT-MT-XH	✓	Quản trị vì mục đích phát triển bền vững	85
G4-47	Tần suất HĐQT thực hiện rà soát các ảnh hưởng, rủi ro và cơ hội liên quan đến KT-MT-XH	✓	Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2015 (Bảng Nghị quyết/Quyết định HĐQT ban hành trong năm)	65
Vai trò của HĐQT trong việc triển khai nội dung Báo cáo PTBV và đánh giá hiệu quả				
G4-48	Ủy ban hoặc người nắm vị trí cao nhất trong việc rà soát và phê duyệt chính thức báo cáo phát triển bền vững của tổ chức và đảm bảo rằng tất cả các Lĩnh vực Trọng yếu đều được đề cập trong báo cáo	✓	Quản trị vì mục đích phát triển bền vững	85
G4-49	Quy trình truyền đạt các quan ngại cấp bách nhất đến cơ quan quản trị cao nhất	✓	Quản trị vì mục đích phát triển bền vững.	85
G4-50	Bản chất và tổng số các mối quan ngại cấp bách đã được truyền đạt tới cơ quan quản trị cao nhất và cơ chế sử dụng để xử lý và giải quyết các mối quan ngại này	✗	-	-
Thù lao và Ưu đãi				
G4-51	a. Chính sách thù lao cho cơ quan quản trị cao nhất và các giám đốc điều hành cấp cao b. Tiêu chí hiệu quả hoạt động trong chính sách thù lao liên quan đến những mục tiêu KT-MT-XH của cơ quan quản trị cao nhất và các giám đốc điều hành cấp cao	✓	Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và Ban điều hành	69
G4-52	Quy trình quyết định mức thù lao	✗	-	-
G4-53	Quan điểm của các bên liên quan về thù lao, bao gồm các kết quả biểu quyết cho các chính sách và đề xuất thù lao	✗	-	-
G4-54	Tỷ lệ tổng thù lao hàng năm cho các cá nhân được trả lương cao nhất tại mỗi quốc gia có hoạt động trọng yếu trong tổng thù lao trung bình hàng năm cho tất cả người lao động	✗	-	-
G4-55	Tỷ lệ phần trăm trong tổng thù lao hàng năm cho cá nhân được trả lương cao nhất tại mỗi quốc gia của cơ sở hoạt động trọng yếu so với phần trăm tăng trung bình trong tổng thù lao hàng năm cho tất cả người lao động	✗	-	-
Đạo đức và Tính chính trực				
G4-56	Mô tả các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực hành vi của tổ chức như bộ quy tắc ứng xử và bộ quy tắc đạo đức	✗	-	-
G4-57	Cơ chế nội bộ và bên ngoài tổ chức để có được sự tư vấn về hành vi đạo đức và tuân thủ pháp luật, các vấn đề liên quan đến tính chính trực	✗	-	-
G4-58	Cơ chế nội bộ và bên ngoài tổ chức cho việc báo cáo những mối quan ngại về hành vi không hợp đạo đức hoặc phi pháp và các vấn đề liên quan đến tính chính trực của tổ chức	✗	-	-

BẢNG THAM CHIẾU ĐẾN TIÊU CHUẨN GRI (G4) (tiếp theo)

Mục tham chiếu (G4)	Nội dung	Báo cáo thường niên 2015	Nội dung trong BCTN 2015 /Giải thích bổ sung	Trang
TIÊU CHUẨN CỤ THỂ				
MỤC TIÊU KINH TẾ				
Hiệu quả hoạt động kinh tế				
G4-EC1	Các giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân phối	✓	Phân tích tình hình tài chính	42
Sự có mặt trên thị trường				
G4-EC5	Tỷ lệ so sánh giữa mức lương khởi điểm tiêu chuẩn với các mức lương tối thiểu địa phương (xét tại những địa bàn trọng điểm)	✓	Bảng Thống kê thu nhập bình quân của người lao động	104
MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG				
Năng lượng				
G4-EN3	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	✓	Nâng cao ý thức nhân viên trong việc tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước; Bảng tiêu chí đo lường mức sử dụng năng lượng và tài nguyên nước	99; 100
Nước				
G4-EN8	Tổng lượng nước thu về phân loại theo nguồn	✓	Nâng cao ý thức nhân viên trong việc tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước; Bảng tiêu chí đo lường mức sử dụng năng lượng và tài nguyên nước	99; 100
G4-EN22	Tổng lượng nước thải theo chất lượng thải và điểm đổ nước thải	✓	Kiểm soát và xử lý chất thải, nước thải; Bảng tiêu chí đo lường việc kiểm soát chất thải	98; 99
Nước thải và Chất thải				
G4-EN23	Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý	✓	Kiểm soát và xử lý chất thải, nước thải; Bảng tiêu chí đo lường việc kiểm soát chất thải	98; 99
Vận chuyển				
G4-EN30	Các tác động đến môi trường đáng kể của việc vận chuyển các sản phẩm, hàng hóa và nguyên liệu khác được dùng cho hoạt động của tổ chức, và việc vận chuyển lực lượng lao động.	✓	An toàn trong sản xuất-kinh doanh	94
MỤC TIÊU XÃ HỘI				
CÁCH ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM BỀN VỮNG				
Việc làm				
G4-LA1	Tổng số lượng và tỷ lệ người lao động thuê mới và luân chuyển lao động theo nhóm tuổi, giới tính và khu vực	✓	Nguồn nhân lực; Bảng thống kê về lao động qua các năm	102; 105
G4-LA2	Phúc lợi đã cung cấp cho người lao động toàn thời gian không áp dụng cho người lao động tạm thời hoặc bán thời gian, theo địa điểm và hoạt động trọng yếu	✓	Nguồn nhân lực	102

Mục tham chiếu (G4)	Nội dung	Báo cáo thường niên 2015	Nội dung trong BCTN 2015 /Giải thích bổ sung	Trang
Quan hệ Quản trị/Lao động				
G4-LA3	Các thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động, bao gồm những việc thay đổi này có được nêu cụ thể trong các thỏa thuận tập thể hay không	✗	Quy định trong Thỏa ước lao động tập thể	-
An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp				
G4-LA6	Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày nghỉ việc và tình trạng người lao động vắng mặt, và tổng số trường hợp tử vong liên quan đến công việc theo khu vực và giới tính	✓	An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp	107
G4-LA8	Các vấn đề về sức khỏe và an toàn lao động được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn	✓	An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp	107
Giáo dục và Đào tạo				
G4-LA9	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo giới tính và theo danh mục người lao động	✓	Giáo dục và Đào tạo; Bảng thống kê hoạt động đào tạo	106; 107
G4-LA10	Các chương trình về quản trị kỹ năng và học tập dài hạn hỗ trợ khả năng tiếp tục làm việc của người lao động và giúp họ về việc chấm dứt quan hệ lao động	✓	Giáo dục và Đào tạo; Bảng thống kê hoạt động đào tạo	106; 107
G4-LA11	Tỷ lệ phần trăm của người lao động nhận được đánh giá thường xuyên về hiệu suất công việc và phát triển sự nghiệp	✓	Tạo cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp	104
Tính đa dạng và cơ hội bình đẳng				
G4-LA12	Thành phần đa dạng cơ quan quản lý và danh sách chi tiết người lao động trong từng danh mục người lao động theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm thiểu số và các chỉ số về tính đa dạng khác	✓	Nguồn nhân lực; Cơ cấu lao động	102
QUYỀN CON NGƯỜI				
Không phân biệt đối xử				
G4-HR3b	Tổng số sự vụ bị phân biệt đối xử và hành động đáp ứng	✓	Tạo cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp	104
Các vấn đề về tự do lập hội và thỏa ước tập thể				
G4-HR4	Các hoạt động được xác định là có thể vi phạm hoặc có nguy cơ vi phạm việc thực hiện hoạt động các hiệp hội tự do, các thỏa thuận tập thể và các hành động để hỗ trợ thực hiện các quyền này	✓	Sử dụng lao động trên cơ sở tự nguyện	105
XÃ HỘI				
Cộng đồng địa phương				
G4-SO1	Tỷ lệ phần trăm các hoạt động được thực hiện với cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	✓	Hoạt động hỗ trợ cộng đồng	112

CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

[📍] : Lầu 7 GAS TOWER, số 61B đường 30/4,
Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

[☎] : (84.64) 3574 635 - (84.64) 3574 801 - (84.64) 3576 551

[📞] : (84.64) 3574 619

[🌐] : www.cng-vietnam.com